

SÁCH XEM TẾT

80
INDO-CHINOIS

1262

CANH-NGO

MỤC-LỤC

- Ngày xuân viết văn (Hải văn) (Sơn-phong)
1. — Thơ văn mới (Tân-lãn-ông)
 2. — Câu chuyện tết (Tân-lãn-ông)
 3. — Tết! (Hi-dinh Nguyễn-văn-Tôi)
 4. — Chuyện vui Kim-Xuyên)
 5. — Chuyện buồn (Kim Xuyên)
 6. — Một vị Thọ-tinh (Doãn-kế-Thiện)
 7. — Chuyện ngày tết: 10 bài hải-văn (Sơn-Phong)
 8. — Văn thơ mới (Hoàng-quảng Đức)
 9. — Cánh hoa mùa (Lan-Khai)
 10. — Mặt trái đời (Ngọc-Thỏ)
 11. — Tân-lãn-ông hí-mặc
 12. — Tờ huyết-thư trong cái dầu lâu (Long Thành)
 13. — Văn khôi hài (Hoàng-quảng Đức)
 14. — Suối lệ (tiểu thuyết) (Nguyễn-thế-Lữ)
 15. — Cúc nương (tiểu-thuyết) (Lê-sĩ-Quĩ)

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

Nº 12714

L'Éditeur

Nhà xuất-bản TÂN-DÂN THƯ-QUÁN

93, Phố Hàng Bông — Hà nội, — 1930

Giá bán : 0 \$ 30

80 Indoch.

1262

1262

SÁCH DẠY NÓI TIẾNG TÂY

CỦA TÂN DÂN THƯ QUÁN

Giá bán : 0 \$ 25

« Sách dạy nói tiếng Tây » của « Tân-Dân Thư-Quán » thực là một cuốn sách quý dạy người còn ít học chóng nói được tiếng Tây, nói được giỏi, nói được lịch-sự. Chẳng những các nhà thợ-thuyền, lính tráng, kỹ-nghệ, thương-mại nên dùng, đến cả những người học khá mà nói tiếng tây còn kém, cũng nên có một cuốn.

Nếu sách không có giá-trị, sao bà Đốc trường nữ-học Sainte-Marie mua ngay một lúc 300 cuốn cho học-trò dùng.

Nhưng khéo kéo mua lầm sách giả hiệu, phải nài cho được « Sách dạy nói tiếng Tây » của « Tân-Dân Thư-Quán ».

Tiểu-thuyết NGUYỄN-ĐỖ-MỤC

Tân-Dân Thư-Quán xuất-bản, giữ bản-quyền

Đã xuất-bản :

Thuyền-tình Bể-ái	0.90
Song-Phượng Kỳ-Duyên	0.90
Hồng-nhan đa-truân	0.40
Chiếc bóng song the	0.90
Bình Sơn Lãnh Yến	1.20
Vợ tôi Dư chi thê)	0.70
Chồng tôi (Dư chi phu)	0.70

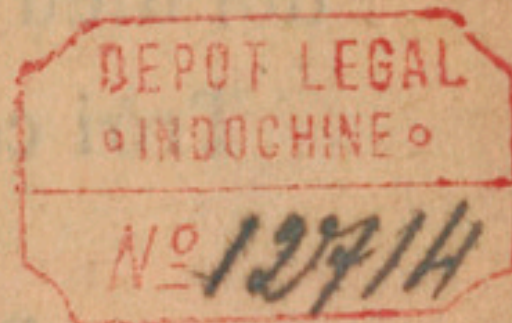
Chưa xuất-bản :

Phi-châu yên-thủy Sầu-thành-lục
Ngũ Mỹ Tái-sinh-duyên
Tục Thuyền-tình Bể-ái
Ngọc-Kiều-Lê

SÁCH XEM TẾT NĂM CANH-NGO

Của TÂN-DÂN THƯ-QUÁN Hà-nội

Ngày xuân viết văn (Hài-Văn)



Gặp xuân, cao-hưng-viết văn. . . . Ô ! này lạ ! muốn làm một bài thơ vịnh xuân mà nhắc bút lên đặt bút xuống không biết mấy mươi lần vẫn không viết được một câu !

*Múa-may cây bút mấy mươi lần,
Nặn mãi không ra được một vần,
Muốn gọi anh em mà hỏi lại,
Hay mình chưa thạo ngón làm văn.*

Cũng có lẽ, mà cũng không có lẽ : đó là bởi làm văn không phải là việc dễ. Đại-thứ nhà văn-sĩ có tài kia còn phải than cái khó văn-chương ở trong một bài đề ảnh cô con gái ngủ, nghe như :

*Nghề-nghiệp văn-chương khó lạ-lùng,
Ngọn đèn xanh ngắt suốt đêm đông.
Sao cô ngủ mãi ? bao giờ dậy ?
Để một mình ai nghĩ chẳng xong.*

Giả-thử đương bây giờ mình có tấm ảnh ấy ở trước mắt, tất-nhiên mình phải đề rằng :

*Nghề-nghiệp văn-chương khó thất-thần,
Một mình ý-ách suốt đêm xuân.
Sao cô ngủ mãi ? bao giờ dậy ?
Để một mình ai nghĩvãi phân !*



Than ôi ! mình làm văn lắm lúc thật khổ hơn một người đàn-bà dễ khó !. . .

Tuy thế mặc lòng, gặp ngày xuân cũng có một đôi điều nói chuyện xuân.

Trời có bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.

*Xuân vui, hạ nhiệt, thu sầu,
Đông buồn, rồi lại bắt đầu xuân vui.*

Mà xét trong muôn vật thế-gian cũng đều có bốn mùa.

Cũng :

Xuân vui, hạ nhiệt, thu sầu.

Nhưng mà :

Đông rồi sao chẳng quay đầu về xuân ?

Số là :

*Trăm năm trong cõi hồng-trần,
Bước vào rồi phải lần lần bước ra.*

Đó là một sự bí-mật của Tạo-hóa ta không thể biết được, không thể nói khoác là biết được tại làm sao mà thể.

Có một điều lạ mà buồn cười, là từ khi trời đất có xuân cho đến ngày trời đất không có xuân là ngày nào chưa biết, dễ thường không xuân nào giống xuân nào : thật là đủ vẻ đủ trò. Tạo-hóa bày ra không trò nào giống trò nào, tất-nhiên có ý Xét cho kỹ thì ông trời là một tay-chơi tinh-quái, lại thiên về chủ-nghĩa « cười » cho nên hay xem hài-kịch, ông bày ra cái thế-giới ta đương ở đây chẳng qua

là một cái vườn « bách-thú » để ông chơi! Trong vườn biết bao nhiêu giống lạ trò vui. Trời muốn xem trò gì, ta phải làm trò ấy, mà trò nào cũng phải buồn cười. Này! những sự hành-vi của ta, thí dụ như tôi đang viết đây, cũng tức là đang làm trò cười vậy.

Bởi vì trời có tính không hay xem lại những vở kịch đã diễn qua rồi, cho nên trời sinh ra bao nhiêu vai trò đều khác nhau hết thảy. Vậy ta cũng là bọn con hát trong rạp hát trời thì tính-cách ta cũng khác nhau. Tính-cách ta khác nhau thì cách ta thưởng xuân cũng phải khác nhau. Kìa như một cô con gái văn-minh kiều mới ở Hà-thành gặp ngày xuân, thì áo mũ, quần trắng, ô dầm, phu-la quần cổ, giày cườm gót cao, uốn-ẹo đi chơi xuân hoặc đem xuân đi bán.... Bọn thiếu-niên nam-tử ta thưởng xuân thì thật không thiếu một cách gì, kể ra không thể nào xiết được. Buồn cười nhất là chơi xuân có hạng công-tử bột để đối với tiểu-thư vôi !... Còn những hạng người đã cao tuổi, thưởng xuân cũng đủ mọi cách, nhưng mà thường giữ được vệ-sinh, nghĩa là không làm hăng-hái quá.

Như tôi đây gặp ngày xuân thì thế nào cũng phải thưởng xuân tại xóm Bình-khang. Thế mà từ khi sang xuân đến giờ, chưa được hát chầu nào! Buồn-bực quá!

*Thử trời đất phải cơn nhẹ tít,
Khách tài-tình nhiều nỗi băn-khoăn.*

*Xanh kia cao ngất bao lần,
Vì ai gây dựng ngày xuân năm khàn?*

*Trống ả-đào nghe ran mấy phố,
Cánh rồng xanh (giấy 5\$00) vờ tổ bay ra.
Mấy lần xoát lại mề-gà,
Có đêm toan bỏ cả nhà vào trong !*

Nói tóm lại mỗi người thưởng xuân một cách, nhưng rút cục khi người ta đã qua xuân hạ sang thu đông, thì thường nghĩ nhớ đến xuân mà thương tiếc. Tiếc xuân Trời, tiếc xuân mình, tiếc xuân người khác.

Chị-em hồng-lâu tiếc xuân, thường hát :

*Tiếc xuân ngảnh lại trông xuân,
Than ôi ! bóng đã vắn vắn xế chiều !*

Ông phú-gia kia tiếc xuân, mắc bệnh tả, khi gần tắt nghỉ còn gọi mấy cô hầu non đến gác chân lên, rồi mới nhắm được mắt.

Bà lão kia tiếc xuân, thở dài mà than rằng : « Tim đâu cho *phấy cái phường phở phương phi!* »

Ấy trời sinh ra xuân đại-khai như thế, người ta thưởng xuân đại-khai như thế, theo ý ngu tôi hiểu xuân đại-khai cũng như thế. Muốn biết xuân cho thâm-thúy hơn nên xem văn những bậc văn-sĩ cao-minh, ví như ông phú-quý kia có bốn vợ, thường làm văn lên cánh cửa buồng vợ, thí-dụ: *ngũ nguyệt sơ lục nhật khai nhất xuân* ; *ngũ nguyệt sơ thất nhật hựu khai nhất xuân*, v. v. . . Câu văn chữ hay quá !

*Xem văn có thể đoán người :
Một hàng châu ngọc một lời gấm thêu !*

Sơn - phong

(Tác giả SÁCH CƯỜI, Tân-Dân Thư-Quán xuất-bản)

Thơ Văn Mới

Tác-giả: TÂN-LÃN-ÔNG

Năm hết cảm tác

Thoi đưa tính đã hết năm rồi.
Vơ-vẩn sầu riêng mãi chữa thoi.
Ngọn bút lao lung như giấy mực,
Nước cờ ngang dọc ngán thân đời.
Chạy nhông đường mãi chân kinh mới,
Năm bẹp nhà luôn xác hóa lười.
Lại ước như xưa còn bé dại,
Mỗi lần tết đến một lần chơi.

Đầu năm khai-bút

Ngòi bút tân-niên ừ cũng khai,
Đã khai thời quyết một đôi lời.
Văn-chương Đồng, Giả tài trên chúng,
Sự-nghiệp Đào, Chu chí tốt loài.
Trời đất dọc ngang tay tuấn-kiệt,
Non sông gánh vác sức anh-tài.
Muốn sao ta cũng làm cho được,
Cho biết « lười » ta không giống ai.

Hà-Thành tức-sự

Chiều xuân đi phố vắng ta chơi,
Thấy một đôi rồi lại một đôi.
Kìa chị khâu đầm, công-tử bột,
Này ông tham trẻ tiểu-thư nhoai.
Thì-thào bản chuyện chim cùng chuột,
Nhí-nhất nhớ tường khỉ với dơi.
Phong-hóa nhà ta âu đôi mới,
Trong dẫu trên Bộc truyện xưa rồi !

Chơi Sài-sơn

(Thăm chùa Thầy ở Phủ Quốc-oai về ngày xuân)

Ngày xuân vui bạn tới non Thầy,
Viếng cảnh chùa xưa dạ những ngây.
Am Phật tường quanh rêu lẫn cỏ,
Chợ Giời gió thoảng đá xen cây.
Hang Thần nhìn lại đàn dơi lượn,
Núi Tản trông về cái hạc bay.
Gặp-gỡ sư già nghe nói chuyện,
Chùa này danh thắng tỉnh Sơn-tây.

Rằm tháng giêng qua đèn vua Lê

(Khi chưa có hội K. T. T. Đ. 1918)

I

Này chốn thờ Lê Thái-Tổ ta,
Rằm sao vắng-vẻ khách vào ra ?
Ấy ai luống những Nam-Vô-Phật ?
Đuổi giặc Tàu xưa phải Thích ca.

II

Hỏi ai sùng bái bậc anh-hùng,
Bồi đắp cơ đồ giống Lạc-Long.
Đền vắng rêu xanh cây lạc-chạc !
Nhà bia kia chuyện bướm cùng ong !

TÂN-LĂN-ÔNG

là một nhà ẩn-danh cư-sĩ thực có văn-tài, các bạn độc-giả xem kỹ những bài trong Sách Xem Tết này sẽ rõ.

Tân-Lăn-Ông đã nhận giúp bộ biên-tập của Tân-Dân Thư-Quán, mới đây đã xuất-bản một cuốn tiểu-thuyết rất hay, nhan đề là : **Gió rập sóng vui**, và tháng giêng này sẽ xuất-bản cuốn « **Tú xuất chơi tết** », ở trong có một bài hài-văn dài với hai bài tiểu-thuyết rất có giá-trị mà hợp ngày xuân lắm.

Câu chuyện tết

Hoa đào hớn-hở, bông cúc đua tươi, đoá hải-đường mუმ-
mím miệng cười, dò thược-dược nhớn-nhờ vẻ thắm. Trong
một gian buồng nhà ông Đốc Hạnh, nào tranh tố-nữ, nào
bức trung-đường, thủy tiên hàm-tiểu, mẫu-đơn diễm-trang, ông
bà ngồi đối diện ở sa-lông, mừng một tết cùng nhau pha chè
buổi sớm, đợi khách đến chào. Sớm quá ! Mới có bảy giờ, nhà
ai cũng còn cúng còn ăn, Hà-nội cứ từ mười một giờ hơn mà
đi mới đông người chào tết. Ông Đốc Hạnh từ khi ở Tây về
vẫn lưu-tâm so-sánh phong-tục nhà với phong-tục người, toan
điều-hòa để hợp với trào lưu thế-giới. Tuổi ông còn trẻ mới
đúng 30, tuổi bà còn xuân, vừa tuần 26. Bà thời là một người
tắm gội ở trong phong-tục cổ tập-quán xưa, ông tuy con nhà
Pháp học, sang Tây về đồ y-khoa bác-sĩ, song trước đã từng học
thâm hán-học. Hai ông bà ngồi bàn đến chuyện tết. Ông rằng :

—Nước ta làm sao mà coi cái tết này như là một cái tôn-giáo
hay một cái thuế-khoá. Có một cái sức thiêng-liêng mạnh-
mẽ nó sui dục, khiến cho quốc-dân ta suốt từ Bắc đến Nam,
từ Nam đến Trung, trên thời Triều-đình, dưới đến dân thứ,
ai cũng bận-khoăn, lo-lắng, tấp-nập, linh-đình.... Nào vì sự
cúng lễ các tổ tiên mà thành tâm với việc phụng thờ; nào kẻ
thời vì sự chơi vui của con cháu mà hoan nghênh cuộc mừng
năm mới. Nhà giàu khoe của, người túng lo tiền, cái tết
nguyên-đán ở xứ ta thật hàm-súc đủ cả các vị chua cay
mặn chát...

Bà vợ hỏi :

— Đắt lẽ quê thói, cậu bảo bỏ được ư ! Mà tôi thấy tết mừng
năm, rằm tháng bảy, tết này nữa, từ khi đi Tây về đến giờ
chỉ những ghét tết ta. Hễ thấy tết là lại giở ra công kích !

Ông Đốc rằng :

— Không ! mợ để tôi nói cho mợ nghe. Phải dài lời mới

hết được, ở cái thế-kỷ thứ hai mươi này, nước này nước nọ, khao khát văn-minh cùng tiến-bộ, lằng dằng ta là nước Trung-hoa, què các chủ Khách, chính là cái tổ phát-nguyên ra các tết mà người mình theo đây, chính-phủ mới họ cũng đã tuyên-bố bỏ Âm-lịch và theo Dương-lịch rồi. Họ bỏ đi mà theo mới như vậy, một là năm tháng cho đại đồng cùng thế-giới dễ buôn bán làm ăn, hai là bỏ các tết nhằm cùng ngày tốt ngày xấu đi cho quốc-dân hết chỗ bằng-tạ mà suy diễn mãi hủ-tục di truyền. Bọn ta đây, được ở dưới quyền bảo-hộ nước Pháp, cũng đương hấp-thụ cái văn-minh nước Pháp, các nhà tân-tiến đương thi nhau bắt chước cái hay của nước Pháp. Nếu đi con đường nào thời nên đi một lối, tân thời hẳn tân, cựu thời hẳn cựu, không có nước-đôi mãi được. Mọi cứ thấy tôi bình-phẩm và quyết chí ngăn can, mọi không được ăn tết nhằm thời mọi tức. Nhưng mọi có hiểu rằng đức-ông-chồng yêu của mọi này sao mà lại cho các tết ta là hủ-lậu, là vô-nghĩa lý không ?

Bà vợ đáp :

— Tại cậu Tây chứ gì ? Ta là ta chứ !

Ông đốc rằng :

— Phải, Cái gì của người Tây phải lẽ, thì ta theo. Cái gì của ta hay thì ta giữ. Chứ hễ mở mồm ra là viện những quốc-hồn với quốc-túy, rồi bảo-tồn phong-hóa mãi ở sự hủ-tục đáng chê thời không được. Phàm mọi ngày khánh-diễn, đối với ta nên có một ngày kỷ-niệm gì, cái lịch-sử ngày ấy nói đến là có vô-số cái cuộc vẻ-vang, ý-nghĩa rất cao-sâu, cảm tình rất chan-chứa thời nên mới mở cuộc vui mừng, cùng nhau náo-nức. Chứ nếu cứ thấy sao bào-hao làm vậy, chẳng biết cái việc mình làm nó có cái ý-nghĩa gì hay không ? Như vậy thời ra người đời Bàn-cổ. Đã gọi rằng một người có trí-khôn, có học-thức đâu lại còn làm thẳng sầm sảng, chỉ những manh-tòng tưng-thỉnh được. Ngày 14 Juillet là ngày

kỷ-niệm dân-quốc Pháp, ngày 11 Novembre là ngày kỷ-niệm nước Pháp thắng Đức. Vậy đó là ngày đáng mừng, hè-hộiⁱ vui chơi. Ngày mồng một tháng giêng Tây là ngày năm cũ sang năm mới, nghỉ ngơi mà thăm hỏi nhau, cái ngày ấy coi rất thường, không có chi là trang-hoàng là tấp-nập. Ấy người Tây đối với tết, quan-niệm hay như thế — Ta đối với các tết, không có một chút gì là có ý-nghĩa cả. Vậy mọi tính chẳng nên cổ-động bài-trừ phúc-duyet đi ư ?

Nói đến đây ông Đốc Hạnh đứng dậy liền bảo vợ rằng :

— Để tôi đi lấy một bài tôi đương khảo-cứu về các tết ta, định làm một quyển sách đưa cho « Tân-Dân Thư-Quán » xuất-bản để cổ-động đồng bào bỏ mấy cái tết vô-nghĩa.

Ông đi sang ngăn buồng kê bàn giấy, rút cái cặp giấy có một tập giấy ghim, cầm sang sa-lông chỗ vợ ngồi rồi ông đọc

Mồng một tháng giêng. — Sách « Kinh-sở tuế-thời ký »: nói : « Là ngày đầu năm. » Sách « Cai-văn lục » nói rằng « Lý-Điền ở trong núi, nhà Trọng-Tầu ở bên cạnh, đêm hôm ba mươi tết, bị quỷ đến quấy, mới làm ống nhói tre, tức là pháo cối tre, để đuổi xua quỷ. Quỷ thấy đều trốn chạy cả. Ấy pháo phát nguyên từ đây. Than ôi ! nếu pháo là một vật của Lý-Điền làm ra đuổi quỷ cho nhà Trọng-Tầu, vậy thời những con quỷ là những con gì ? Hình-tượng nó thế nào ? Cái sự hại nó gia tai cho người như thế nào ? Lấy khoa-học ra mà xét, phải để lại hình-tích cho đời sau biết mới được chứ ! Vả nó chỉ quấy nhiễu ở nhà Trọng-Tầu mà thôi, quan-hệ chi đến nhà khác, mà đến hằng năm đâu đâu cũng đốt pháo ? Rồi đến cùng hiểu với nhau rằng đốt pháo để « mừng xuân » rồi nữa trong đám hội, ngày vui, đâu đâu cũng lấy pháo làm cái biểu-hiệu mừng vui. Nay ta lấy vệ-sinh ra mà nói, pháo đốt lên mùi thuốc súng bay đi vào phổi và các cơ-thể trong người rất có thương-hại đến sự kiện-khang : lấy nguy hiểm ra mà

nói, hễ nó nổ đến đâu sấm đen chỗ ấy đi, chạm vào tay chân mặt mũi bị thương, hay vào quần áo nhà cửa có khi cháy cả, rất có sự tai-hại không vừa ; lấy sự huyền ảo mà nói, đương bình-yên êm-ái, tự nhiên vô-cố đốt pháo cho rầm-rĩ om-thòm, mất cả nói, mất cả nghe, cầu vui mà dùng nó thời thật là ngăn trở cuộc vui, vả lại dân ta làm pháo không cẩn-thận, đã có nghị-định cấm làm, ta không làm được phải mua của Tàu, về đường tài nguyên dân ta chi lậu. Ấy là sự đốt pháo. Trong sách lại nói « Sau khi đốt nhói (bộc trúc) quở lui rồi thời trẻ già trai gái mũ áo chỉnh tề cùng nhau lạy mừng, dâng rượu Đồ-Tô, giắt « bùa đào ». Như vậy thời ngày mong một tết phát-tích chỉ là có thể. Thế mà hóa ra cuộc mừng xuân, rồi nữa nhà nào cũng thi nhau mà cắm cảnh đào rồi không ai hiểu cái tích cảnh đào thế nào, cho là hoa đào đẹp hợp với cảnh xuân thời cắm thời chơi. Chứ trong « Sơn-hải-kinh » thời nói rằng : « Núi Sóc-sơn ở bến Đông-hải, có cây đào to lớn, bà-xòa ra ba nghìn dặm, cái cành thấp chĩa về đông-bắc gọi là Quỷ-môn, là cái cửa muôn con quỷ con ma ra vào. Có hai ông thần, một ông là « Thần-đồ » một ông là « Uất-lũy » chỉ bắt những con quỷ hại người, đem loài quỷ ấy cho hổ ăn, vua Hoàng-đế bắt chước mà theo, mới lấy ván gỗ đào, vẽ hai ông thần ấy ở cửa, để chống-cự các con quỷ dữ ». Ấy dùng đào là một cái tích hoang-đường như thế, hai cái tranh canh cửa của ta gián cửa cũng là hai cụ Thần-đồ, Uất-lũy đấy ? Các nhà hay dùng hai mảnh giấy đỏ viết bốn chữ ấy gián là theo như thế đó. Phàm một nước văn-minh có quan-niệm khoa-học, không ai mà không bực cười về nghe những chuyện vô-kê như vậy. Thế mà rồi : cảnh đào, lá mai, chó ráy, vôi bột, cây nêu, cá khánh, trăm thứ hoang-đường, cái tết nó khiến cho con nhà tân-học biết bao nhiêu sự nực cười mà phát chán.

Song le, ngày nay đã thành thói quen, đem nó ra một cái ý-nghĩa khác, dùng nó để nghỉ việc làm ăn, thăm hỏi cổ cựu

quà bánh lễ lạt, kẻ nọ biếu người kia, người này mừng kẻ khác, âu cũng là một dịp cho ta thêm mối giao-tế thân-thiện trong xã-hội với nhau và cho ta một sự xum họp trong gia-đình. Còn có nơi tạ-khẩu để bảo-tồn, âu cũng xin cùng đồng-bào cùng vui mà không dám nói rằng : « bài-trừ ngay được ». Bởi vì một ngày ấy là buổi giao-tiếp năm nọ sang năm kia thời暮 nó làm cái thước ngăn thứ tự tháng ngày và hưu-hạ cho đến mồng hai, mồng ba. Ba ngày ấy là ba cái ngày cho hết thầy mọi người đầu tắt mặt tối nghỉ ngơi. Thế nhưng, cái lễ này đã có Dương-lịch văn-minh thay vào rồi, ngày nghỉ trong một tuần cũng có lại, hàng năm nhà-nước theo đạo-giáo mà nghỉ lễ nọ lễ kia. Vậy dù có phải là vui năm mới không thôi thì ta theo mà ăn tết Dương-lịch, đem hết các trò vui trong tết nguyên-đán này vào cả ngày mồng một tháng giêng tây. Quyền « Sách xem tết » của « Tân-Dân Thư-Quán » cũng lại theo năm mới ấy mà xuất-bản, chẳng văn-minh lắm ư! Giả tôi được làm Nghị-viên thời tôi dám thỉnh-cầu Chính-phủ tư vào triều-đình Huế, thương-thuyết với Đức Bảo-Đại Hoàng-đế ta, theo cả Dương-lịch cho hợp thời-thế ấy là một tết.

Mồng bảy tháng giêng. — Người Tàu gọi là ngày người (nhân-nhật), là theo truyện Đông-phương-Sóc, một nhà khôi-hài nói rằng : « Trời đất mở ra, ngày mồng một thời là ngày gà, mồng hai ngày chó, mồng ba ngày lợn, mồng bốn ngày dê, mồng năm ngày trâu, mồng sáu ngày ngựa, mồng bảy ngày người, mồng tám ngày thóc. » Vậy ngày ấy theo sách « Kinh-sớ tuế-thời-ký » nói rằng : « Các nhà thi-sĩ lên núi ngâm thơ ». Thế mà dân ta gọi được là ngày « hạ cây nêu » cũng cũng bái, cũng đốt pháo, cũng rượu chè, thật là vô vị quá. Bởi vì những sự chia ngày của bác hề Đông-phương-Sóc đã không có cơ-sở gì về khoa-học, không có chi là chắc-chắn rằng trời đất mỗi ngày có phải dịch chế ra vạn-vật như thế không? Thế mà mấy ông thi-sĩ ở xứ nào đó, nhân ngày ấy đi chơi phiếm ngâm thơ, dẫu ở vào ngày nào nữa đối với bàn dân thiên-hạ có chi là quan-hệ. Than ôi !

vô vị thay là tết hạ-cây-nêu : Bảo rằng hôm ấy hạ cây nêu để đi làm ruộng thời nghỉ đầu nghỉ đến 7 ngày, vì một cái tết đôi năm hay cái tết trừ quỷ mà bỏ công bỏ việc hôm ấy mới xuống cày xuống cấy. Quá lắm ! Vô-vị lắm.

Rằm tháng giêng.— Ngày rằm tháng giêng, tức là ngày « Nguyên-tiên, Nguyên-tịch, Thượng-nguyên, Đản-tiết ». Bốn tên ấy cũng là một ngày hôm ấy. Sách « Kinh-sở tuế-thời-ký » nói rằng : « Chiều hôm ấy đón Tử-cô để bói xem tầm tơ đầu gai sau này cùng các công việc khác trong hàng năm tốt xấu như thế nào. » Sách « Cựu-Đường-thư » nói : « Vua Nguyên-tôn vào ngày tết Thượng-nguyên thả đèn trước sau hai ba ngày rồi mở chợ cho dân buôn bán ». Lại nói : « Vua Duệ-tôn ngày Nguyên-tịch làm cây đèn cao hai mươi trượng, đốt năm vạn ngọn đèn, gọi là « hỏa-thụ » (cây lửa) — Tục ta truyền lại rằng : « Lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng » Đều là những cái nguyên-nhân ám-muội không có một cái cơ-sở gì là chính-đáng cho ta ăn tết vui mừng cả. Thế mà từ thành-thị đến thôn-quê, nghỉ công nghỉ việc, cúng bái rượu chè, kẻ lễ người cầu, lắm điều phung-phí. Than ôi ! vì đón Tử-cô là cô rí, cô hồn về bói sự làm ăn mà phải kỷ-niệm đó ư ? Thế thời ngày hôm rằm ấy của ta có cái tục đó đâu. Ta không có thời cần gì mà cùng nhau tấp-nập. Đến như vua Nguyên-tôn nhà Đường thả đèn, hay vua Duệ-tôn dựng cây đèn cao cũng không có ý nghĩa gì khiến cho dân Tàu kỷ-niệm nữa, hưởng chi dân ta. — Đến như ngày ấy đối với ngày khác cũng như nhau đều là ngày trời cả, chỉ nắng, mưa, râm mát khác nhau không có ngày nào hơn ngày nào cả. Ai sùng-bái lễ Phật thời ngày nào lễ chẳng biểu được bụng thành, can chi cứ ngày hôm ấy mới hơn cả quanh năm. Cái tết rằm tháng giêng đối với ta, thiết tưởng ta nên bỏ đi là phải.

Tết Hàn-thực.— Cứ hằng năm đến ngày mồng ba tháng ba thời ta ăn Tết Hàn-thực, nhà nào cũng làm bánh trôi nước

đề cúng và ăn. Song tục Tàu thời ngày mồng ba tháng ba gọi là ngày « Thượng-tỵ » chứ ngày Hàn-thực vốn không có định-kỳ. Nếu bảo ăn tết mồng ba tháng ba theo ngày « Thượng-tỵ » là lấy tích thiên Xuân-quan sách Chu-lễ, tế thần Nữ-vu, trông coi việc tắm rửa để cho dân-gian khỏi sự ốm đau. Vậy ngày Thượng-tỵ là ngày thủy-loại, lấy cỏ thơm nấu nước tắm rửa. Sách « Kinh-sở tuế-thời ký » nói rằng : « Mồng ba tháng ba quan dân ra bờ sông, bờ ao, bờ ngòi, bờ lạch, làm bồ cài mức nước uống với nhau. » Than ôi ! hai cái điển-cổ này không còn có ý vị gì cho ta ăn tết ấy cả. Lại bảo rằng : lấy nghĩa Hàn-thực mà ăn tết ấy thời ngày Hàn-thực người Tàu cũng không ấn định là ngày mồng ba tháng ba. Và tết Hàn-thực người Tàu theo cũng phân-vân không có ý-kiến gì nhất định cả. « Hán-thư chu-cử truyện » nói rằng : « Xưa, một quân Thái-nguyên, tục cũ truyền lại, ông Giới-tử bị đốt xác ở tháng ba. Vậy tháng này nói rằng thần-linh không vui, không dám đun lửa ai cũng phải ăn đồ nguội. Song đồ nguội ăn trong ba ngày, có hại sinh-mệnh dân thời bắt dân ngu phải đổi tục ấy mà ăn đồ ăn sốt (ôn-thực) tất cả. » Đường-thư nói : « Vua Đức-tôn ăn tết Hàn-thực chung một ngày Thượng-tỵ ». « Tuế thời ký » nói : « Sau Đông-chí 105 ngày, có mưa to gió lớn, thời là Hàn-thực ». Lại nói : « Tết Hàn-thực trước tết Thanh-minh một ngày ». « Cổ-sự quỳnh-lâm » nói : « Sau Đông-chí 5 ngày, là tết Hàn-thực, lại gọi là tết « Cấm-lửa » lấy điển « Vua Tấn Văn-công lúc bỏ nước trốn, ông Giới-tử-Thôi đi theo hầu. Vua Tấn Văn-công đói, ông liền cắt thịt đùi để vua ăn. Khi vua phục quốc được rồi, ông Thôi không có ngôi vị chi cả. Ông Thôi bèn làm bài ca « Long-Xà », ẩn vào núi Miên-sơn, vua cho tìm không ra, đốt núi cho ông ra, ông ôm cây chết cháy, vua thương xót, khiến dân kiêng lửa một ngày ». Sách « Đông-kinh mộng-hoa-lục » nói rằng : « Kinh-sư lấy sau Đông-chí 105 ngày làm Đại-hàn-thực. » Than ôi ! ngay người Tàu còn nói phân-vân như vậy, mà ta thời cứ ngày ấy thời ăn bánh trôi, không hiểu là gì cả.

Đáng buồn thay ! cho rằng vì Giới-tử-Thôi là một anh gàn nhà Tấn về đời Liệt-quốc cuối Chu, đối với ta không chút quan-hệ, vậy mà con Hồng cháu Lạc, vua thánh tôi hiền, thiếu chi ngày làm tết kỷ-niệm ? Mồ cha không khóc, khóc mộ anh « cự thù » là thế vậy.

Tết Thanh-minh. — Người Tàu không định ngày. « Đông-kinh-hoa-lục » nói rằng : « Ngày ấy mồ mả nhà nào cũng có người đến sới và lạy cả ». « Cổ-sự quỳnh-lâm » nói : « Sau Hàn-thực một ngày là tết Thanh-minh. » Lại nói : « Sau Đông-chí 106 ngày là tết Thanh-minh. » Tết ấy ta ăn vào ngày mồng mười tháng ba. Nhân ngày ấy mà đi thăm viếng mồ mả để cho con cháu truy-niệm tổ-tôn, tết này đối với ta cũng có ý nghĩa, dù bắt chước người cũng không sao. Ta phải bảo tồn và kính trọng.

Mồng tám tháng tư. — Ngày Bụt-sinh Bụt-nở. Đáng lẽ ra một nước theo Phật-giáo như nước ta, ngày hôm ấy suốt nước nhà nào nhà nấy nên cúng đồ tổ-tiên vui mừng ngày Giáo-chúa ra đời là phải. Song ngày nay chỉ có các chùa làm, các vãi ra chùa lễ mà thôi.

Mồng năm tháng năm. — Tức là ngày Đoan-ngọ. Sách « Tuế-thời tạp-ký » nói rằng : « Đoan-ngọ lấy lá ngải làm hồ. » Sách « Kinh-sở tuế-thời ký » nói rằng : « Hái lá ngải lấy làm người treo ở ngoài cửa, tránh được độc khí. Hôm ấy bơi chải, tục ấy, lấy hôm ấy ông Khuất-Nguyên đeo mình xuống sông Mịch-la, dân thương rằng chết, lấy thuyền ra sông vớt. » « Tục-tề-hải ký » nói : « Ngày ấy ông Khuất-Nguyên đeo mình xuống sông Mịch-la chết, người nước Sở thương xót, lấy ống tre đựng gạo vớt xuống sông tế ông. » « Cổ-sự quỳnh-lâm » nói : « Ông Khuất-Nguyên nước Sở thờ vua Hoài-vương, bị dèm, đẩy ra ở Giang-nam, mồng 5 tháng 5 đeo mình xuống sông Mịch-la chết, người nước Sở thương xót, bèn đến ngày ấy làm thuyền rồng bơi chải thi đề cứu, lấy ống tre đựng gạo để tế. » Xem rõ ràng

như vậy thời ngày mồng 5 tháng 5 của ta không còn có một ý-nghĩa gì về tôn-giáo hay lịch-sử của dân nhà cả. Thế mà ta nào ăn quả sống quả sít, giết sâu bọ mà sớm ngày ra nào rượu nếp, thạch nguội, nào ổi mạn, đào, toàn là quả chua chát độc cả. Lại bôi hồng-hoàng, nhuộm móng tay, đeo chỉ ngũ-sắc, toàn-nhiên vô-kê tất cả. Nhất cần là cái giờ Ngọ hễ nhật lá gì uống cũng được tiêu độc và trừ bệnh, dân quê ai hái lá hái cỏ về phơi khô làm thuốc, bệnh gì cũng uống, có ngày oan-gia. Ấy cái tết mồng 5 này, không những vô-nghĩa mà lại giã-man, ta nên đồng-tâm mà bỏ đi mới khỏi bị chê cười vậy.

Mồng bảy tháng bảy. — Là tết Thất-tịch. Sách « Vật-nguyên » nói rằng: « Từ đời vua Hoài-vương nước Sở mới ăn tết Thất-tịch. » Sách « Kinh-sở tuế-thời-ký » nói rằng: « Ngày ấy là ngày đến đêm thời Chức-nữ và Khiêu-ngưu tụ hội. Chiều hôm ấy các nhà có con gái, bày dưa bày quả ra trong nhà để khoe khéo ». Sách « Thiên-bảo di-sự » nói rằng: « Ở trong Ma-cung mỗi lần gặp ngày thất-tịch, cung-nữ đều cầm kim chín lỗ và chỉ ngũ-sắc sổ vào, lọt được là khéo. » « Tục-tề hải-ký » nói rằng: « Bên đông Thiên-hà có cô Chức-nữ, cháu vua Thiên-đế, cần tập nữ-công, không khi nào chải chuốt ngấm vuốt cả. Thiên-đế thương rằng ở một mình cho lấy chàng Khiêu-ngưu ở bên tây sông Ngân-hà. Sau khi lấy nhau, Chức-nữ bỏ không chia làm việc nữa, Thiên-đế giận, lại bắt Chức-nữ về bên đông, mỗi năm đến ngày ấy mới cho họp mặt một lần ». Câu chuyện này lại hoang-đường, song dân ta theo tết này cũng không to lắm. Bỏ đi cũng dễ.

Rằm tháng bảy. — Tức là tết Trung-nguyên là gọi là « Vong-nhân xá-tội ». Trong sách « Sự vật kỷ-nguyên » nói rằng: « Ngày ấy mời tăng-ni về cúng, gọi là hội « Bồn-lan-trai ». Theo trong tích Mục-Liên. Đời sau cắt gỗ chẻ tre làm đồ vật rất tinh-xảo. » Truyện Địa-Tạng Mục-liên đã có người diễn ra ca lục-bát bán, ai ai cũng biết. Sự đó thuộc về tôn-giáo đã

đánh. Song, dân ta ngu dại, cứ đến ngày ấy theo cái tục « cắt gỗ chẻ tre » ngoài vòng tôn-giáo, làm những các đồ mã cúng, tốn kém hàng trăm, đốt đi ra tro, người các nước văn-minh lấy thế làm man-mọi lắm. Ta nên bỏ đi, dầu có theo tôn-giáo mà cúng, cũng nên hương hoa sùng-kính, kinh sách giảng cầu là đủ cho cha mẹ « siêu sinh tịnh-độ » rồi.

Rằm tháng tám.— Tức là tết Trung-thu, lại có tên là tết Đoàn-viên, Sách « Bắc-kinh tuế-hoa-ký » nói rằng: « Đêm Trung-thu mọi nhà để cái bùa hình mặt trăng, trên bùa có con thỏ đứng như người. Ai nấy bày dưa bày quả ở sân, trên mặt bánh vẽ hình trăng và con thỏ-đầu. Con trai con gái cúng lễ rất kính trọng, đốt hương nghi-ngút. » Sách « Đế-kinh cảnh-vật-lược » nói rằng: « Rằm tháng 8, con gái về thăm nhà, gọi là tết Đoàn-viên ». Sách « Dật-sử » nói rằng: « La-công-Viên có đạo thuật, đêm Trung-thu hầu vua Đường Minh-hoàng ngắm trăng, lấy cây ném xuống, hóa ra cái cầu lớn, đến một cái thành to; ông Viên nói rằng: « Đó là cung trăng. » Ấy những sách nói cũng phân-vân không nhất-định, toàn nhiên không có một cái ý-nghĩa gì cao-xa cả. Đến ta tập-tục thành tết, các nhà thì nhau bày cỗ, trước là khoe tài làm bánh của các cô con gái. Sau là cho trẻ con chơi. Tết này bỏ đi hay để làm tết trẻ con, theo nghĩa « trăng thu vắng vặc » cùng nhau chơi « trăng ».

Tết Trùng-cửu.— Mồng chín tháng chín, gọi là Trùng-dương. Sách « Tục-tề hài-ký » nói rằng: « Hằng-cảnh người Nhữ-nam mồng chín tháng chín khiến người nhà làm túi trắng đựng hột thù-du để đeo vào cánh tay, lên ngọn núi cao uống hoa-cúc để tránh vạ. Ngày nay người ta lên cao uống rượu, đàn bà đeo túi « Thù-du ». Sách « Tấn-thư » nói rằng: « Mạnh-Da và Hằng-Ôn làm đến Tham-quân, mồng chín lên núi Long-sơn, bạn bầu xum họp cả, gió thổi bay cả mũ Hằng-Ôn, bảo tả hữu đừng nói, lúc Mạnh-Da đi ra sau, Hằng-Ôn sai nhặt mũ lên. Lúc Tôn-Thịnh ngồi ở tiệc, Hằng-Ôn khiến Tôn-Thịnh làm bài văn chế diễu Mạnh-Da. Mạnh-Da cũng làm một bài diễu

lại.» Ấy cái tết trùng-dương này xuất-xứ chỉ ở đấy, thế mà người Tàu ăn tết rất to, người mình ăn tết cũng lớn. Vậy thời có ý-vị gì. Nếu người văn-minh biết rõ, cười ta ngu-dại biết-ngần nào !

Tết Trùng-thập. — Mồng mười tháng mười, ta gọi là tết « Cơm mới ». Vậy chắc là ta có gặt lúa mùa, ngày ấy lúa chín gặt về, ăn bữa tiệc nghỉ việc đó chăng ? Xét các sách Tàu không thấy đâu nói đến tết ấy cả. Nếu như lời tôi nói thời tết ấy nhà quê ăn cũng phải, vì trừ cúng tổ tiên, biếu quà bánh cho nhau, không có vàng mã bạc giấy và phiên-phi khác. Không cần phải công-kích mà cũng nên bảo-tồn để cho nông-phu có cuộc nghỉ ngơi ăn uống.

Mồng tám tháng chạp. — Tức là ngày tế « lập ». Sách « Kinh-sở tuế-thời-ký » nói rằng : « Mồng 8 tháng 12, dân quê tế lập, đánh trống lừng nhò, làm dầu mọi và kim-cương lực-sĩ để đuổi thần dịch. Sách « Tuế-thời tạp-ký » nói rằng : « Ngày hôm ấy nhà sư lấy nhũ-đạm, bách hợp và hồ-đào làm cháo thất-bảo cũng gọi là hàm-chúc (cháo mận) cúng Phật và « tăng-đạo đàn-việt ». Hai điển-tích ấy cũng không có nghĩa lý gì. Dân-tỉnh không ăn tết này, song nhà quê đến hôm ấy làng nào cũng tế thần. Thiết tưởng cũng nên bỏ.

Ngày tiền Táo. — Trong sách thời nói ăn tết vào ngày 24 tháng chạp mà ta thời cứ ngày 23 thời cúng, gọi là « liên Thổ-công ». « Nhật-dụng bách-khoa-toàn-thư » gọi là ngày « Tiểu-tiết-dạ » hay là « Tự-táo-nhật ». Sách « Càn-thuần tuế-thời chí » nói rằng : « Trong cấm lấy ngày 24 tháng chạp là « Tiểu-tiết-dạ » (đêm tết nhỏ) ». Sách « Thông-chí Ngô-tục » nói rằng : « Ngày 24 tháng chạp là ngày « Tự Táo (cúng ông Công) ». Xét các sách chỉ nói văn-tắt có thế, người Tàu thời chỉ cúng không, ta thời vẽ những cá làm ngựa, mũ áo quần lôi thôi. Thực là một cái tết không có ý-nghĩa gì hay cả. Vậy thiết-tưởng cũng nên bài trừ đi cho được ra một dân-tộc văn-minh,



Hăm chín tháng chạp. — Tàu gọi là « Tiểu-trừ-tịch » Sách « Bắc-kinh tuế-hoa-ký » nói rằng: « Trước ngày trừ-tịch một hôm gọi là ngày « Tiểu-trừ-tịch », mọi nhà đặt tiệc mời khách qua lại thăm nhau. Khách ăn tết này mà ta không ai ăn tết này, không cần phải nói.

Ba mươi tháng chạp. — Là ngày « Đại-trừ-tịch » lại gọi là đêm « Đại-tiết ». Sách « Càn-thuần tuế-thời-ký » nói rằng: « Trong năm lấy ngày 30 tháng chạp làm đêm (đại-tiết) ». Sách « Kinh-sở-tuế-thời-ký » nói rằng: « Hôm ấy cuối năm nhà nào cũng làm cỗ để đón rước năm mới. » Sách « Liêu-hạ tuế-thời-ký » nói rằng: « Người kể chợ đêm hôm ấy lấy quả và rượu tống thần. Gián ngựa ông Công lên trên bếp, lấy bã rượu vẩy ở bếp, gọi là cho ông Tú-mệnh say sưa. » Sách « Hi-triều lạc-sự » nói rằng: « Đêm trừ-tịch, lúc dạ thâm nhân tỉnh, tể ông Táo xong đem cái gương ra sân, rình xem người trong phố phường, vô-ý nói câu gì, lấy đó mà bói việc hay dở trong cả năm. » Than ôi! không còn biết bao nhiêu những cái hủ tục mà người các nước văn-minh thấy phải buồn cười cho là mọi rợ. Ta nên trừ bỏ đi. Còn như nếu dùng ngày ấy làm một ngày tất niên thu xếp công việc nghỉ-ngơi vài ngày đi thăm các bà con quen thuộc như lời tôi đã nói ở đoạn ngày mồng một kia thời cũng là nên. Song, nếu mà nhân ngày ấy rở ròi ra những điều phiền-phức vô-nghĩa đã mất cả thời giờ nghỉ ngơi, lại thêm nhọc xác về tết thời không nên lắm.

Nói tóm lại, tôi là một người tin dương-lịch, muốn bỏ âm-lịch, muốn lấy những ngày kỷ-niệm trong lịch-sử Việt-nam nhà thay vào các tết ấy thời nó có ý-nghĩa hơn....

Ông Đốc Hạnh đọc đến đây, bà Đốc bảo rằng:

— Theo dương lịch-thời được, ta theo đạo Phật và lại ở dưới quyền bảo-hộ nước Pháp ai cho kỷ niệm lịch-sử mình mà hòng?

Ông chồng đáp rằng:

— Thế thời mợ làm, tết mừng năm, rằm tháng tám, sở Học-chính cho phép học-trò nghỉ cả. Ngày đức Gia-Long khai sáng, ngày đức Bảo-Đại ra đời, nhà nước cho kỷ-niệm cả. Các thành-phố đặt tên phố để kỷ-niệm danh-nhân như ngõ Nguyễn-Du, phố Nguyễn-Trãi, con đường Nam-Sinh v. v. nếu có các nhà kiến thức xin thời Chính-phủ cũng sẵn lòng cho cả. Bởi nước Pháp bảo-hộ ta rất tôn trọng phong-tục tôn-giáo xứ ta, không muốn can-thiệp đến, nay dân ta đã văn-minh mà xin bỏ những cái tập-tục theo Tàu đi để theo cả vào nước Pháp mà gây nên cái cảnh-tượng « Pháp Việt một nhà vui chung » thời Chính-phủ nào chẳng cho. Song đó là việc của các ông Nghị-viên, việc nhà-nước, ta không cần nói, tôi hãy xin mợ nghe tôi mà bỏ trước đi đã, ấy là vợ chồng ta biết yêu chiều nhau vậy.

*Vui xuân câu chuyện tân-xuân,
Mong cho dân-tộc ngày dần mới lên.
Ở đời là cuộc đua chen,
Sao cho thiên-hạ đều khen mới là.
Đừng nên rở thói hủ ra,
Giã man mãi mãi người ta chê cười.
Xin ai chớ trách tôi lười*

TÂN-LÂN-ÔNG

TÂN-LÂN-ÔNG

Viết lối văn nào cũng hay. Tiểu-thuyết, thi-ca, luật-thuyết, hải-đàm, lối nào **Tân-Lân-Ông** cũng là tay lão-luyện. Tân-Dân Thư-Quán sẽ xuất-bản nhiều sách **TÂN-LÂN-ÔNG**.

TẾT !

(Hài-đám)

Ngày tết, ngồi đánh chén, nói chuyện tết :

— Năm nay tôi sắp cho một bộ tiểu-thuyết mới ra đời.

— Tiểu-thuyết mới ! Dài hay ngắn ?

Dài bằng trăm *tràng pháo* đốt vừa rồi.

— Truyện có hay không ?

— Truyện nở như *bánh phồng*, ngọt như *mứt cam-quất*, lại thơm như *hoa thủy-tiến*.

— Thế thì bộ tiểu-thuyết hẳn phải dày lắm nhỉ ?

— Phải chia làm hai cuốn : tiền-biên và hậu-biên, mà mỗi cuốn dày bằng cái *bánh trưng* nhà giàu.

— Chưa biết nội-dung bộ tiểu-thuyết ấy thế nào, sao lại thí dụ toàn những cảnh ngày tết. Năm nay là năm « *Canh-Ngọ* », tôi hãy xin chúc cho bộ tiểu-thuyết ấy bán chạy như *ngựa* (*ngọ* tức là *ngựa*). Vậy bộ tiểu-thuyết ấy tên gọi là gì ?

— Chưa đặt tên ! Nhưng truyện vui như tết, bán chạy như ngựa thì có lẽ tôi cũng phải bắt-chước lối mà đặt tên là « *Sách xem Tết năm Canh-Ngọ* » vậy.

Hì-đình, Nguyễn-văn-Tôi

CHUYỆN VUI

Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen

Ngày mồng ba tết. Tôi còn đang nằm ấm chỗ trong chăn, đầy tờ vào đánh thức, có khách lại lễ tết. Tôi thò đầu ra ngoài cửa màn. liếc mắt nom đồng-hồ mới có 8 giờ sáng, chưa biết rõ là ai, đã nghe thấy tiếng *bô-bô* ở nhà ngoài :

— Năm mới tôi lại mừng anh thêm một tuổi, và chúc cho ngọn bút khôi-hài càng khỏe..... ấy nhưng mà cấm không

được đả-động đến những... chàng Thúc đấy... Hôm qua đã đi thưởng xuân hẳn thôi hóa ngủ đến bây giờ.

Ông bạn tôi đánh chén ở đâu về, mặt đỏ gay, thấy tôi nhìn tròng-trùng, có lẽ biết ý, nói chận hòng:

— Minh say! chẳng say sưa ba ngày tết thì say bao giờ! Tết mà khướt thì mẹ-đĩ nó không dám cự..... Năm mới có truyện gì lạ nói nghe nào... cười một lúc cho nó hả hơi men rồi mới dám..... rồi mới về nhà.

— Xin chúc mừng bác năm nay được vạn sự như ý, bác gái cho uống rượu suốt năm!

— Năm mới anh đừng xuyên tôi đi... tôi có sợ vợ chẳng qua là sợ vợ tôi...

— À này, bác có quen Cụ Hàn ở cách đây một nhà không?

— Có..... bà lão nhà ấy già thế mà sư-tử lắm đấy!

— Ngồi xuống đây, tôi thuật chuyện lại cho mà nghe: chiều hôm qua, vào khoảng độ 6 giờ, Cụ Hàn sang rủ tôi đi hát, nhân lúc cụ gái đi lễ tết vắng...

— Anh dám đi theo? Can đảm nhỉ!

— Thấy Cụ nói mà thương..... Cụ phàn nàn rằng: « Suốt năm chẳng được đi đến đâu, đi một bước bị theo một bước, Nhân ngày tết đi thưởng xuân đối già, dẫu về thú thực cũng chẳng sao, đi với tôi, cho tôi nghe cô-đầu nào hát hay nhất»..... Tôi dắt Cụ vào mở-hàng cho cô Tình, đang vui cười tự nhiên Cụ có vẻ băn-khoăn; lúc bấy giờ mới có 9 giờ tối, Cụ đòi về...

— Còn kém lắm, không bằng tôi! Đến như tại thẳng này, cả năm vợ cấm rượu, thế mà ba ngày tết, uống chí tử.. chơi vong mạng....

— Lúc về đến nhà, Cụ Hàn bà đã đứng ở cửa chờ rồi...

— Bà già thấy chồng về nổi cơn tam bành lên chứ ?

— Thấy chồng về, vừa cười vừa hỏi : « Ông đi chơi đâu mà về sớm thế ? Đi hát hân thôi ? » — Mặt cụ ông xám ngắt, trống ngực đánh loạn, vội nói : « Tôi đi lễ tết, nhân gặp mấy ông bạn lôi kéo tôi xuống Khâm-thiên,....không thể từ chối nổi, sau phải vào ngồi độ vài phút...rồi tôi lẩn về ngay, đi đến gần ga gặp Bác Trần...»

— Nào tôi có nói gì đâu, ngày tết chơi xuân thế là phải, chứ cả năm mà đi chơi một lúc một nhát - còn ai dám nói..... Thôi đi vào chứ đứng đấy a ?

*
* *

Ông bạn tôi quệt cái diêm châm diếu thuốc lá - gật gà gật-gù :

— Thế là người đàn bà biết điều lắm !.....ừ ! xuân nhật cũng phải chiều chồng một chút...

— Đến lúc hai Cụ đưa nhau vào trong nhà, tôi thấy thế làm lạ thực, tôi đứng ghé cửa, thấy cụ bà nâng khăn đỡ áo cho chồng, rồi thỏ-thể hỏi :

— Ông vào nhà cô đầu nào ? Có đẹp không ? hát có hay không ?

— Nghe được...

— Nói chuyện lại cho tôi nghe nào mới vào thì làm thế nào ?

— Đốt pháo, mấy cô tranh nhau đốt ba bốn bánh, nghĩa là nhà có hát mở-hàng đấy, các cô ấy mời uống cốc rượu mùi.

— Sang trọng nhỉ ! thế rồi sao nữa ?

— Nói bông đùa, hôn trùn-trụt.... chỉ có tôi là không, tôi ngồi....

— Hôn vào đâu ? làm thế nào mà hôn được ?

Nhận dịp cụ ông cũng muốn chiều lòng, làm luôn đánh trụt

một cái vào cái má giãn của vợ. Bà già ngẩn cả mặt, vội vàng hỏi :

— Cô đầu đề yên cho hôn à ?

— Họ cũng giả tảng then thò, họ tát hay véo cho vài cái...

— Thi dụ như thế này có phải không ? (Đét !...Đét ! Véo !..... Véo ! Cự bà làm thực, cụ ông không dám kêu, tay xoa má tay xoa đùi). Vui nhỉ ! Rồi sao nữa ?

— Cũng có cô cầm ngay cái phất-trần vụt....

— Như thế này...(Vút!...Vút!....Cự bà vớ ngay cái roi mây....làm thẳng cánh)...như thế....

Ái ! thôi vụt đau thế, năm mới nào, tím cả lưng rồi....

Cụ bà cười khanh khách, dừng tay lại :

— Thú thực ! chẳng trách nhiều người mê mệt....nói nốt cho tôi nghe.... còn gì nữa hử ông ?

— Có một quan viên chơi tinh đánh lừa bảo một chị với họ cho cái điệu hay là tráp trầu để thật xa xa... lúc cô ta vô ý nhồm....lên, thì ông ấy dứt ngay quả quít vào chỗ ngồi. cô ta ngồi quệt xuống, nát cả quả quít hì !...hì !... Cô đầu xấu hổ vớ ngay lấy cánh tay quan-viên cắn..hì !... hì !..

— Nghịch tinh thế phải cắn...cắn như thế này. Cụ bà nhe hai hàm răng ra ngoạm, nghiêng mãi, cụ ông giầy lên đành-đạch...

— Nhả ra...,nhả ra, răng bà con sắc lắm !

— Tôi thử đấy, rồi sau còn gì nữa ?

— Rồi thì....hết...., thấy họ đùa bốn thế, tôi chạy mất. Thôi đi ngủ...

— Năm mới đi chơi thưởng xuân thế thôi, có phải là người biết thương vợ không nào ! Tôi bây giờ da một ngày một nhăn, má một ngày một móp, ông chẳng say mê thì ông nên thương yêu tôi mới phải....

— Nhưng mà vừa rồi bà...à mợ...mợ làm tôi đau quá, mợ chơi cầm đấy chứ gì ?

— Nghĩa là để tỏ cho cậu biết không cần phải đi đâu, ở nhà tôi cũng biết làm cho cậu được những cái trò vui như thế...

Ông bạn tôi nghe tôi nói, đang uống nước, sắc nước phỉ cả vào mặt tôi lúc đứng lên ra về, còn hỏi với :

— Cặp uyên-ương ấy năm nay bao nhiêu rồi ?

— Giả thử... cái cách nũng-nịu cậu-cậu mợ-mợ như thế độ ba mươi năm về trước.... thì mới có hai mươi tư tuổi thôi.

Kim-Xuyên

CHUYỆN BUỒN

Nghĩa tử là nghĩa tận

Hai vợ chồng mới làm bạn với nhau được ngót một năm, cái vẻ chiều-chuộng nhau còn đậm-thắm lắm. Cứ đến chiều, đồng-hồ điểm 4 tiếng, thì mợ Đốc xếp sẵn quần áo mũ giày, để chờ cậu Đốc đi làm về, thẳng bộ đi chơi mát.

— Hôm nay cậu về sớm thế ? mới có 4 giờ rưỡi.

Mợ Đốc ton ton chạy ra đưa trán để chồng hôn như mọi ngày, cậu Đốc giữ lệ thường để cặp môi vào mái tóc vợ đánh trút một cái, rồi quăng mũ xuống giường, có vẻ không tươi cười. Mợ Đốc ngừng đầu lên nhìn mặt chồng, hỏi :

— Cậu mệt trong người hay sao, mà mặt cậu tái xanh như vậy ?

Cũng là cái vô tình, mợ thọc tay vào túi áo của chồng, thấy cái giấy :

— Cái điện-tín gì đây ? ai gửi cho cậu ?

— Đưa đây tôi...mợ...

Chưa kịp giăng lấy thì vợ đã giở ra xem rồi, trong cái giấy xanh có mấy chữ « *Ái-liên gần chết cậu lên ngay* » Mợ Đốc nhìn chồng trừng-trừng không chớp mắt :

— Ái-Liên là ai? Từ xưa đến nay tôi không thấy cậu nói đến người này? Có họ à?

Mợ Đốc chân tay run lập-cập, nói lạc cả tiếng, giá cứ đứng mãi không khéo đến ngã quay xuống đất, vội-vàng nắm lấy hai bên áo chồng co ngồi xuống ghế :

— Cậu phải nói cho tôi biết, ai là Ái-Liên? cậu không thể giấu quanh được... thế này tôi có khổ không!

— Đừng khóc... mợ, có gì đâu... Ái-Liên là con một ông bạn mà tôi quen biết đã vài ba năm nay...

— Tôi đoán ngay được mà... nhân-tình cũ của cậu mà!

— Không phải... mợ đừng vội giận, tôi coi Ái-Liên như em ruột, bây giờ phải lúc nguy cấp... tôi nghĩ đến tình xưa với ông cụ thân-sinh mất sớm...

— Phải, tình xưa nghĩa cũ, thế nào cậu cũng đã yêu mến nó rồi...

— Lúc mới đi ra làm việc, tôi phải đổi lên mạn ngược, có đi lại với ông cụ...

— Ấy cũng bởi đi lại với cụ mà quen biết cô... cậu đã thương yêu nó rồi!

Cho hay cái thói chung của đàn bà, bất cứ những người yêu trước hay mến sau của chồng, hễ biết được là ghen tuông giận vặt, đay nghiến đức ông chồng! Như mợ Đốc cứ nhai-nhải mãi một câu « Cậu thương yêu nó từ trước », cậu Đốc nói thế nào cũng không thể minh bạch được, để cho vợ bứt giận cùng hờn :

— Tôi xin thề cùng mợ rằng : từ xưa đến nay tôi không âu yếm ai hơn mợ!

— Làm sao đã thương yêu nó mà không lấy nó làm vợ có được không ! nó chết mặc nó.

— Mợ xét lại, người ta sắp chết lại gọi tôi lên mợ cho tôi đi : trước là cho trọn đạo đối với ông cụ đã khuất mặt, sau là..

— Cậu định lên cải tử hoàn sinh cho nó, có phải không?... nếu vậy cậu ở nhà.

— Tôi ở nhà cũng được, như mà mất cả thủy lẫn chung, sai cả lời ước hẹn với người khuất núi...mợ đề cho tôi đi lên...

— Một mực thế nào cậu cũng phải đi lên có phải không? cậu không coi tôi ra gì nữa.. hừ ! đã thế... này đi đi...tôi cũng đi, thử xem cái thủy với chung của cậu thế nào !

Từ lúc bước chân xuống tàu, hai vợ chồng không hề nói với nhau nửa câu chuyện. Trong lòng cậu Đốc bối rối trăm chiều, thỉnh-thoảng lại nghe thấy tiếng thở dài của vợ.

Hai giờ rưỡi sáng, tàu thủy mới tới bến. Đêm khuya thanh vắng, hai bên hàng phố tối om, mỗi một đầu ngõ được một cây đèn đất khi tỏ khi mờ, đó là cái cảnh ban đêm ở các tỉnh nhỏ....

Cậu Đốc đưa vợ vào trong cái ngõ hẻm, đến trước cửa một cái nhà thấp hẹp, có ý ngần ngại mãi mới dám bảo vợ :

— Nhà ấy đây..... mợ đứng chờ đây, tôi vào độ mấy phút tôi ra ngay.

— Không ! Cậu định lập mẹo nói dối tôi đây ! Cậu vào thì tôi cũng vào, tôi xem mặt đứa nó mời cậu ra sao..... Thôi ! Thôi ! Cậu còn giấu tôi cái gì nữa đây... nhất là chết, muốn ra thế nào thì ra, đánh lia nhau phen này.

Xử-trí ra sao bây giờ ? Cậu Đốc khổ não trong tâm. Nếu Ái-Liên chưa đến nỗi nào, thì có lẽ tan cửa nát nhà mất. Vào bây giờ, Ái-Liên biết đã có rồi, thì dấu bệnh tình không

nặng, có lẽ uất lên mà chết ! Cậu đã tỉnh phát gất, nhưng lúc này là lúc cơn ngứa ghê, trợn máu ghen, đành phải nén tâm... gõ cửa.

Cánh cửa vừa mở, thì bà mẹ cô Ái-Liên mắt nhắm mắt mở nhìn thấy cậu Đốc vừa khóc vừa mếu :

— Cậu ơi ! em nó chỉ còn chờ có cậu nữa thôi, lúc nửa đêm nó đã ngất đi... rồi được một chốc nó hồi lại, nó cứ hỏi luôn mồm đến cậu.

Bà cụ dắt cậu Đốc vào, vô ý không nhìn thấy mợ Đốc theo sau :

— Em nó thương yêu cậu quá đỗi, đến lúc đã gần chết mà vẫn còn có cái hy-vọng được gặp cậu đôi lần đây, Tôi cũng đã bảo em rằng cậu không thể cưỡng lời cha mẹ, vả lại con gái nhà nghèo.. em nó cứ nhất-định không nghe, mấy hôm trước sốt quá nó nói mê, nó gọi tôi bảo rằng : kìa cậu Đốc lên xin cưới.

Cậu Đốc có vẻ then thùng :

— Thưa bà, thế... vẫn chưa biết rằng tôi đã ..

— Đã lấy vợ rồi ! em nó vẫn không biết, vì cái thư cậu gửi lên tôi vẫn giấu... tội nghiệp quá !

Bà cụ sẽ vén cái màn nâu, cô Ái-Liên nằm đờ, mặt tái nhợt, tay đã bắt chuồn-chuồn, chợt nhìn thấy cậu Đốc, hình như thu hết cả tinh-thần lại, có vẻ mừng rỡ vô cùng :

— Cậu ơi ! cậu Đốc ơi ! cậu lên bao giờ đấy ? Cậu vẫn còn thương đến em chứ...?

— Vâng, tôi vừa lên...

— Cậu nâng em dậy một chút, cậu thương yêu em nữa không ? Em vẫn dốc một lòng.....

Nửa thương nửa sợ, cậu Đốc không dám rí rãng, đang quỳ cạnh giường, vội-vàng đứng ngay lên, nhìn trộm ra ngoài thì cô Ái-Liên cũng trông theo ;

— Ai đứng kia ? người đàn-bà nào kia ?

Tuy cô Ái-Liên hỏi vậy, nhưng có lẽ đã đoán được rồi, chỉ nhìn mẹ rồi lại đưa mắt nhìn cậu Đốc, cố gượng mãi mới nói được :

— Thế ra cậu đánh lừa tôi, người kia là...

Chưa dứt lời. Cô Ái-Liên vọt đầu xuống gối, ghen hơi như người bị ngạt hơi vậy. Mẹ Đốc vẫn đứng ngay giữa nhà, người lạnh giá như đồng, thấy như thế vội vàng xông ngay vào nâng đầu cô Ái-Liên đặt vào gối ; Ái-Liên mở mắt nhìn, ấp-úng hỏi :

— Có phải..... cô là...

Mẹ Đốc nhanh trí, sẽ nhoẻn mép cười, đáp lại một cách rất êm-dềm :

— Tôi là... em gái cậu Đốc.

Cô Ái-Liên mở choàng mắt ra nhìn, mẹ Đốc cố gắng để nói, kéo sợ thồ-lộ cái tiếng chua-cay đau-dớn ra, sẽ ghé vào tai nói nhỏ :

— Tôi đây là em gái... anh Đốc tôi vẫn thương yêu chị !

Cô Ái-Liên thay hẳn ngay nét mặt, bao nhiêu cái nét ủ-dột đã hình như tiêu-tán mất hết, đưa tay nắm tay mẹ Đốc, chưa kịp nói, thì nấc ba tiếng... tắt hơi ! Bà cụ gạt nước mắt, ngồi sụp xuống đất định lạy mẹ Đốc.

— Xin cảm ơn cái lòng từ thiện của mẹ, vong-linh em nó được siêu-sinh tịnh-độ cũng vì một lời nói....

MẮT TRÁI ĐÒI

— NGỌC-THỎ —

Mời xuất-bản, toàn những chuyện mới lạ trong cái màn bí-mật của xã-hội ta. Giá bán 0\$25.

CHUYỆN LẠ

MỘT VỊ THỌ-TINH

Một ông cụ sống lâu 256 tuổi

Tuổi thọ là thiên-tước, ở đời ít người được hưởng cho nên rất quý. Bởi vì rất quý, cho nên trong buổi đầu xuân năm mới này, trong những lời chúc nhau trước nhất là chúc thọ, chúc cho thọ bảy tám mươi mươi, lại có người chúc cho nhau thọ như ông Bành-tổ sống lâu tới sáu trăm năm. Nhưng ông Bành-tổ có hay không, nào ai có biết xét ra cũng là câu chuyện bịa-đặt hão-huyền, chỉ bằng ta đem ngay câu chuyện thực sau này là ông cụ sống lâu 256 tuổi mà chúc cho nhau, vừa vui lại vừa có ý vị vậy.

* *

Ông cụ già đây tức là ông *Lý-khánh-Vân*, người ở Khai-huyện thuộc tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu kể tuổi thọ của ông, có thể nói là sống lâu nhất thế-giới, tính ra ông sinh vào năm 1674 đến năm 1929 vừa qua, được là 256 tuổi. Về lịch-sử ông, các báo Tàu ở Bắc-bình và Thiên-tân đều có đăng cả, nhưng rất là sơ lược, nay thấy trong tờ *Thế-giới nhật-báo* ở Bắc-bình có đăng một bài ký-sự của *Lôi-hiệu-Nhiên* trong khi đến yết-kiến ông cụ ấy, *Lôi-hiệu-Nhiên* cũng là người thuộc tỉnh Tứ-xuyên, về Tây-sung, bấy lâu vẫn ở Bắc-bình, gần đây nhân có việc trở về quê, việc xong lại trở lên Bắc-bình khi tàu đi qua Vạn-huyện lên bờ uống rượu, đến khi xuống bến thì tàu đi đã xa rồi, nhân lỡ tàu, liền đến Khai-huyện hỏi thăm vào yết kiến ông cụ ấy. Bài ký-sự như sau này :

« Sau tiết thu một ngày, tôi từ huyện Tây-sung trở lên Bắc-bình, đáp tàu dọc sông đi xuống, buổi sáng ngày 26, tàu đến Vạn-huyện, đỗ lại theo người giữ sổ sách trong tàu nói đến đó cần phải xếp hàng, đỗ lại chừng sáu giờ đồng-hồ, đến một giờ chiều mới ra đi, tôi bèn nhờ một người cùng đi tàu trông nom hành-nang giúp, lên bờ mua các vật cần dùng.

Mua xong mới độ mười một giờ hơn, cách giờ tàu đi còn sớm

bèn vào hàng rượu mua rượu uống. Ngồi uống một mình rứt là buồn tẻ, tạm cùng tên quán-dịch nói chuyện lảng nhãng, khi nói chuyện, tên quán-dịch có thuật truyện ông cụ *Lý-khánh-Vân* ở Khai-huyện cho nghe » nó nói mãi không biết mệt, tôi nghe mãi cũng không chán ; nói chuyện đến hơn giờ đồng-hồ, đồng-hồ trên vách đã đánh 12 tiếng, tôi sợ lỡ tàu. Vội trả tiền đi ra, nhưng khi ra đến bến, thì tàu đã nhổ neo đi rồi, cách bờ chừng nửa dặm, tôi hốt-hoảng vội thuê cái thuyền nhỏ đuổi theo, nhưng không kịp được. Thế là hành nang ở trên tàu bỏ mất, vé tàu cũng không làm gì được nữa, ngơ ngẩn hồi lâu, không biết tính ra thế nào, bỗng nghĩ nhân dịp này, hỏi thăm đến yết-kiến ông cụ già *Lý-khánh-Vân* là một ông già sống lâu nhất thế-giới, bấy lâu chỉ nghe tiếng mà không được biết người.

Ý nghĩ đã quyết, liền bỏ thuyền đi lên bờ, thuê được một con lừa nhỏ, hỏi thăm đường đi đến Khai-huyện.

Khai-huyện cách Vạn-huyện chừng hơn 80 dặm, đi vừa nửa ngày mới vào đến đất Khai-huyện, thấy gò đồng ngọn-ngang, núi non lở-nhổ, xe thuyền không thể đi thông đồng trong đất huyện ấy được, cư-dân quê-mùa còn giữ thói cổ.

Nhà ông cụ *Lý-khánh-Vân* ở Trần-gia-trường về phía tây thành huyện ấy, nửa buổi mai hôm sau thì đi đến nơi. Cả thôn thấy được chừng hơn trăm nhà người ở, chung quanh thôn có những núi cao chọc trời, bên ngoài thôn có những ngòi nước nhỏ chảy quanh-quần, những cây cỏ-thụ cảnh ngang cảnh dọc, bóng dâu rợp cả mặt đất, mùi hương cây quế đỏ, thoảng bay ra xa đến một hai dặm, thực không khác gì một chốn đào-nguyên, ở lánh ra ngoài vòng trần-tục vậy.

Vào đến trong thôn, thấy nhà nào cũng nhà gianh thêm đất, tường đá cửa phen, không còn có cái khi-tượng trần-hiên, tôi đi đến chỗ nhà người ở đầu thôn, hỏi thăm nhà ông cụ, người trong nhà ấy nói rằng:

Nhà ông cụ ấy ở vào cái nhà thứ hai về phía nam đường thẳng đầu phía đông-thôn, nhưng ông cụ ấy lại có nhà riêng ở trong núi, không đi lại với ai, chỉ đôi khi đi về trong thôn này mua các đồ dùng mà thôi.

Tôi theo như lời người ấy bảo, tìm đến nhà ông ấy, thấy nhà cửa cũng như nhà người thường, ngoài cửa có treo hai câu-đối, gỗ đã mục nát, đôi câu-đối ấy một bên là :

« Thanh-nhàn vi phúc. »

Một bên là :

« Vô bệnh tức tiên »

nghĩa là : « thanh-nhàn ấy là phúc, không bệnh tức là tiên. »

Hai cánh cửa đóng chặt, lấy tay gõ, có một đứa con trai ra mở cửa, tuổi chừng mười bốn mười lăm, tôi hỏi :

— Cậu là người nhà cụ Lý-khánh-Vân phải không ?

Đứa con trai nói :

— Thưa ông, tôi là cháu đời thứ 11 của cụ tôi.

Tôi hỏi :

— Cụ thức hay ngủ ?

Đứa con trai nói :

— Sáng sớm hôm nay cụ tôi ở nhà riêng trong núi mới về chơi, lại sắp sửa đi về núi.

Tôi hỏi :

— Cụ đi lại như thế có dùng xe ngựa gì không ?

Đứa con trai nói :

— Cụ tôi chỉ đi chân không, không dùng xe ngựa.

Tôi hỏi :

— Tên cậu là gì ?

Đứa con trai nói :

— Tên tôi là *Ấm-Đức*.

Tôi lại hỏi đứa con trai có đi học không, thì nó nói là hiện đang theo học năm thứ hai trường trung-học thứ nhất ở huyện *Ấm-Đức* khi nói chuyện với tôi giữ lễ rất cung-kinh, bỗng hỏi tôi rằng :

— Quý-khách hạ cố đến đây có việc gì ?

Tôi nói :

— Tôi ở xa đến đây cốt để vào yết-kiến cụ, xin cậu làm ơn nói giúp cho. *Ấm-Đức* quay mình đi vào, một lát trở ra nói rằng:

— Xin mời ông vào chơi.

Tôi liền đi theo *Ấm-Đức* vào trong một cái thư-phòng, phòng ấy chật-hẹp, nhưng sạch-sẽ lắm, trong phòng không có đàn có kiếm, chỉ ở trên án thấy có bày nhiều sách cổ, một nửa bị một ản nát cả, tôi vừa ngồi xuống thì thấy ông cụ lưng-thưng đi vào, tay không chống gậy, đi bước nhẹ-nhàng, trông thấy tôi chấp tay vái. Sau khi đã vào ghế ngồi, thái-độ rất trầm-tĩnh, thông-thả hỏi tôi rằng :

— Quý khách ở đâu lại đây ?

Tôi chấp tay mà nói rằng :

— Thưa cụ, tiểu-sinh bấy lâu vẫn được nghe tiếng cụ là một ngôi Sao thợ sáng nhất trên đời, thực là một cái niềm hay của nước nhà, vẫn khát khao được bái kiến tôn-nhan, nay được lúc rồi nhàn, không ngại xa-xôi, lặn-lội đến đây, xin vào bái kiến.

Ông cụ tỏ ra ý nhún-nhường, trông ông cụ mặc áo cộc rộng tay sắc xanh, ngoài khoác áo dài sắc vàng, đi giày vải đế rất cao, đội mũ nhỏ bằng đoạn xanh, trán rộng hơi có vết nhăn, đôi lông mày trắng toát, dài hơn một tấc, hai mắt hóm sâu vào trong hốc, lấp-lánh có ánh sáng, hai gò mắt rất cao, mũi dài, râu tuy đốm bạc, vẫn còn nhiều sợi đen, dài chỉ ba bốn tấc, rõ

ràng phân ra làm ba chòm, cằm dưới dài, sắc mặt hơi vàng không có những sắc lấm-tấm, răng rụng hết, khi nói chỉ đều là tiếng ở trong môi lưỡi, không nặng tai, dấu nói nhỏ, cũng nghe rõ, đối đáp rất nhanh. Tôi hỏi :

— Thưa cụ, năm nay cụ hưởng thọ bao nhiêu tuổi ?

Ông cụ nói :

— Lão năm nay đã 256 tuổi.

Tôi hỏi :

— Vậy thì cụ sinh ra vào hồi nào ? Có lẽ là vào hồi năm đầu cuối đời nhà Thanh chăng ?

Ông cụ nói :

— Lão sinh ra chính vào đời vua Khang-hi.

Tôi hỏi :

— Thưa cụ, khi cụ còn ít tuổi, cụ làm việc gì ?

Ông cụ nói :

— Lúc tôi còn ít tuổi, chỉ ngày ngày đội cái gánh đi vào các núi ở một giải Thiểm-tây, Hà-nam hái thuốc, sau khi hái được rồi, đem bán cho các cửa hàng thuốc, lấy tiền nuôi miệng mà thôi.

Tôi hỏi :

— Thưa cụ, cụ được hưởng tuổi thọ cao đến như thế hẳn có đạo gì chăng ?

Ông cụ nói :

— Tôi chẳng có đạo gì khác cả, chỉ có siêng năng, tảo-tiện, đêm ngủ sớm, sáng dậy sớm, thường đi tản bộ ở ngoài đồng khi không có việc gì thì ngồi yên một chỗ, tuyệt hết những sự nghĩ càn, phàm những tiếng hay, sắc đẹp, hóa-vật, tài-lợi, đều là những thứ hại người, tôi đều tránh xa cả, nếu người ta ai cũng biết thế thì đều có thể trường thọ được cả.

Tôi hỏi :

— Thưa cụ, cụ có lấy vợ không ?

Ông cụ nói :

— Có, nhưng tôi góa vợ từ năm 45 tuổi, từ đó tôi chẳng lấy ai nữa.

Tôi hỏi :

— Thưa cụ, hằng ngày cụ ăn uống thế nào ?

Ông cụ nói :

— Hằng ngày tôi chỉ uống nước trong, ăn cơm gạo trắng, và kèm một hai món ăn thanh đạm mà thôi.

Tôi hỏi :

— Cụ có ăn thịt không ?

Ông cụ nói :

— Đôi khi tôi cũng có ăn thịt, ăn cũng nên, chẳng ăn cũng được.

Tôi hỏi :

— Người ta nói chuyện cụ có phép tu-luyện thần-bí, có thể nói cho tiểu-sinh được nghe không ?

Ông cụ nói :

— Tôi được sống lâu thế này, ngoài mấy việc đi tản-bộ, ngồi yên lặng và thức ngủ có giờ giấc ra, còn chẳng biết có phép tu-luyện gì cả.

Tôi hỏi :

— Năm ngoái, tướng-quân Dương-Xuân có mời cụ đến ở Vạn-huyện, cụ có bằng lòng không ?

Ông cụ nói :

— Người ta đã mời, thế tất phải đi, khi đến đó, Dương-tướng đãi tôi rất hậu, tôi lấy làm cảm lắm, nhưng giống rùa và giống hạc, đều thích ở nơi đồng rộng, nếu lại giốt giam vào lồng, bỏ thả vào chậu, dầu cung nuôi tử-tế, cũng chẳng qua là

vật sống trong vài năm mà thôi, mùa xuân năm nay, tôi trở về nhà, lấy làm vui thích lắm.

Tôi còn muốn hỏi nữa, nhưng ông cụ nói ngay rằng :

— Nói nhiều hại thần, xin quý-khách nghỉ thôi.

Tôi nghe nói, sợ ông cụ không quen phiên tạp, liền đứng dậy từ biệt lui ra. Sau đó nghĩ lại những lời ông cụ nói, thực có cái phép màu-nhiệm ở trong, bèn cầm bút chép nên thiên này».

DOÃN-KẾ-THIỆN

CHUYỆN NGÀY TẾT

(Hài-Đàm của Sơn-Phong)

I

Ông điếc đi mừng tuổi

Ông vừa bước vào nhà, con chó xủa. Chủ-nhân ở trong nhà nghe chó xủa vội chạy ra. Ông trách ngay chủ-nhân :

*Đầu năm năm mới đến nhà ông,
Đã bắt đầu ngay gặp sự rông ;
Con chó cứ nhìn mình mà ngáp,
Thế thì nông-nỗi có buồn không ?*

Ông kia hiểu ngay liền ghé vào tai ông điếc mà nói to :

— Xin quan-bác tha lỗi. Con chó này tôi mua ở làng bẹp về đấy, sáng hôm nay nó chưa được hút.

Ông điếc gật gật và nói :

— Thảo nào.....

II

Văn sĩ Bẹp khai-bút

Sáng sớm hôm mồng một, văn-sĩ Bẹp rước tịnh đến năm nghiêng trước bàn thờ Tỏ, ngâm :

*Xuân sang vui khắp cả và nơi,
Cái thú yên-hà cũng dễ chơi;
Nào ! đốt đèn lên làm mấy phát,
Trước là mừng Tồ một vài hơi.*

...

*Trước là mừng Tồ một vài hơi,
Sau tự mừng thêm một tuổi trời;
Thêm tuổi càng thêm tròn quả phúc,
Rồi còn bảy, tám, chín, mười mươi.*

Hai bài thơ này văn-sĩ viết làm bài khai-bút.

III

Họa thơ Tú Xương

Một ông có hai vợ không mấy ngày không cãi nhau. Tối ba mươi tết ông đã phải dặn rằng: bước sang năm mới cũng nên kiêng lấy ba ngày tết, đừng xô xát nhau, kéo quanh năm làm ăn lung-cũng chẳng ra thế nào. Hai vợ nhận lời. Nhưng vừa mới giao-thừa, ông đương ngồi nghĩ một bài thơ để sáng mồng một khai-bút, thì hai bà đứng hai bên đã ca giao-duyên và bỏ bộ đôm-đốp ở trên đầu ông. Ông lấy làm bực quá bèn họa một bài thơ Tú Xương:

*Lẳng lẳng mà nghe nó chửi nhau,
Rát như pháo nổ xuống rầu rầu;
Phen này ông quyết mua dùi-đục,
Thử giã cho bầy quá giã trâu.*

IV

Hoài của hộp thuốc lá

Ông kia có râu lại biết làm thơ, nhưng mà sợ vợ. Vì thỉnh-thoảng có qua xóm Bình-khang, nên tết đến chị-em biếu một hộp thuốc lá quấn rồi. Mãi đến sáng hôm mồng một ông mới dám giở ra hút một điếu. Vợ trông thấy biết ngay là thuốc lá của chị-em. Tức-thì túm lấy ngực ông chồng. Ông chồng vội đỡ tay và đọc bài thơ:

*Lạy mẹ thương tôi lấy một ngày,
Cả năm tháo khoán một hôm nay;
Rồi ra nếu lại đâu vào đấy,
Thời bộ râu này mẹ cứ xoay.*

Nghe thơ vợ mới buông tay,
Dường như cũng có mảy-may động lòng.
Tội tha nhưng thuốc cấm dùng,
Vâng lời đem vất vào thùng vệ-sinh.

V

Bà lão giang-hồ tiếc xuân

Giang-hồ trở về già, gặp cảnh xuân, bà lão tiếc xuân, lấp-
bắp ngâm một bài thơ:

*Cái phở phương phi chót phi-phao,
Phất-phơ ong bướm buổi yêu đào.
Pha-phôi son phấn phiền duyên phận,
Cái phường tình xuân gió thổi phào.*

Bà ngâm rồi bà cũng thử đánh phào một cái.

VI

Mừng tuổi Setty

Trốn-tránh mãi, sáng sớm mừng một mới dám đến nhà Setty
kiếm câu chuyện làm quà:

*Những là bận việc bấy lâu nay,
Năm mới vội-vàng chạy đến đây;
Kính chúc tôn-ông trường-thọ mãi,
Đề mà gìn-giữ nghiệp cho vay.*

VII

Setty đáp lại

*Ông chúc tôi, tôi cũng chúc ông;
Nợ-nần năm ngoái trả cho xong,*

*Nợ xong hoặc có làm giàu lại,
Mới khỏi đi về chốn cửa công.*

VIII

Cô đầu mừng tuổi chú quan-viên

*Mừng chú năm nay đại phát tài,
Bên Tàu thím để cậu con trai;
Thế là phúc lộc gồm hai đủ,
Chú ở bên này lại sống dai.*

Chú nghe, gật gật và nói rằng :

— Cảm ơn, cảm ơn ở bên An-nam phát tài và sống dai, cái đó đã hẳn, nhưng mà ba mươi năm nữa tôi mới về Tàu thì thím làm thế nào để con được ?

IX

Ông nhiều vợ gửi điện lên mừng tuổi Trời

*Gửi điện lên mây kính chúc Trời,
Muôn năm to nhất một ông thôi;
Xin cho mạnh-khỏe lâu bền mãi,
Kẻo phụ lòng thành lữ vợ tôi.*

X

Trời đáp lại

Trời điện lời cảm ơn sau nối thêm bài thơ :

*Các người đừng giữ thói lãn-khân,
Bằng ấy năm tình chữa thỏa thân;
Ta độ mười năm vài cái đại,
Thế mà nghe đã mỗi trong gân.*

Ai chưa đọc cuốn **Sách-Cười** của Sơn-Phong và Hi-Đình thực là một sự khuyết-diễm to ở trong đời. Muốn mua, hỏi Tân-Dân Thư-Quán. Giá bán : 0\$20

VĂN THƠ MỚI

(Tác giả : Hoàng-quang-Đức)

Gửi cho cô hàng sách

« Lòng này ai tỏ » hỏi ai ơi !
« Chiếu bóng song the » đứng lại ngồi ;
« Bệnh tưởng » ngày đêm mong hội-ngộ,
« Trò đời » trêu-cợt bắt chia-phôi ;
« Thuyền tình bẻ ái » tay chèo vững,
« Hẹn ngọc thề vàng » dạ dám sai ;
Một « khối tình con » ai có thấu ?
Tác thành nguyên có « bóng trăng soi ».

Khóc cô hàng sách

« Đa-đoan chi mảy » hỏi ông trời !
Bày « cuộc tang-thương » để ghẹo người ;
« Nghĩa nặng tình sâu » thôi cảm cảnh,
« Má hồng phận bạc » những thương ai !
« Hoa đào trước gió » tươi-bời rụng,
« Giọt lệ phòng xuân » thánh-thót rơi ;
« Duyên nợ phù-sinh » nay có thể,
« Tái sinh duyên » để kiếp sau thôi !

Sầu ngâm

Thấm-thoản hơn hai chục tuổi đầu,
Thương càng nghĩ, nghĩ lại càng đau !
Hai vai thân-thể hai vai nặng,
Một gánh giang-san một gánh sầu ;
Ngâm nợ ba sinh gan lại héo,
Nhớ ơn chín chữ ruột thêm rầu ;
Lấy ai gỡ mối tơ lòng hộ ?
Tìm khách tri-âm biết ở đâu ?

Nhà giáo xoay nghề

Giáo-giở cho nên giáo giở về,
Giở về giáo giở việc thôn-quê ;
Thôn-quê giáo giở nghề làm ruộng,
Làm ruộng ngờ đâu bị vỡ đê !

...

Làm ruộng ngờ đâu bị vỡ đê !
Vỡ đê giáo sợ lại xoay nghề ;
Xoay nghề khoác nón đi làm thợ,
Làm thợ nhưng tay lại vụng-về.

...

Làm thợ nhưng tay lại vụng-về,
Vụng-về đến nỗi chẳng ai thuê ;
Ai thuê thợ vụng ? xoay buôn-bán,
Buôn-bán không may lỗ tứ bề.

...

Buôn-bán không may lỗ tứ bề,
Tứ bề xoay tit, lại quay về.
Quay về dạy bảo đàn em dại,
Rằng : « kể sinh-nhai thực khó ghê ! »

Bài diên

Đi nương cửa Phật,
Sư hát nhà-trò,
Tỉnh-tỉnh có tội thì lo ;
Có thơ cô-giáo gửi cho nhân-tình !
Cái mối tơ-mành đổ ai gỡ được ?
Cái bệnh phong-tình chữa thuốc nào hay ?
Chẳng bùa chẳng thuốc sao say ?
Liệu hồn cho thẳng Ngốc, cũng có ngày tan xương !
Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Đã trót (tình) đeo trống, thời thương (lấy) nhau cùng;
Sông Thương bên đục, bên trong,
Kìa bà Thăm-Biện vắng chồng chim trai !
Bác tài ơi hồi bác tài,
Bác mà vào bóp, ai nuôi (ơì hồi) có đầu ?

Xuân tình

MUỖU

Lơ thơ tơ liễu buông mảnh,
Con oanh học nói trên cành mĩ-mai ;
Cỏ non xanh tận chân trời,
Khi ngâm-ngợi nguyệt, khi cười-cợt hoa.

NÓI

Phong-lưu công-tử đa xuân-tử,
Dục lòng xuân hơn-hở những vì xuân ;
Đem gió xuân mà thổi sạch bụi trần,
Cho non nước cùng xuân vui cảnh tết.
Xuân diệc đa tình hoa giải kết,
Nhân kỳ đặc ý điều năng mình ;
Chè Đầu-xuân năm ba chén, rượu Hồ-cốt một đôi bình
Đất phương-linh ngao-du cho thích chí.
Trở về chép một thiên du-ký,
Cảnh tân-xuân coi lắm vẻ nên thơ ;
Xuân tình luống những ngần-ngơ....

Hồng-lâu oán

(Làm hộ cô-đầu Hồng ở Phủ lý là con nhà thế-phiệt, vì giận duyên tui phận, nên mắc vào tay mẹ-mìn, phải theo nghề buôn son bán phấn. Cô quyết treo cao giá ngọc, để nhờ tay tế-độ vớt người trầm-luân.....)

MUỖU

Tập Kiếu

Kể lừ lạc bước bước ra,
 Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây;
 Khéo là mặt dạn, mày dầy,
 Hoa sao hoa khéo đọa-đầy mấy hoa!

NÓI

Má hồng nặng nợ,
 Mỗi tơ lòng biết gỡ thử nào xong!
 Trót sa chân, lỡ bước đến lầu hồng,
 Ngẫm duyên-số lại ôm lòng dẫn-dọc.
 Minh dẫu có treo cao giá ngọc,
 Ai là không nghĩ nhuộm màu son,
 Trắng chưa già, núi vẫn còn non,
 Mà xuân-sắc cứ hao-mòn đi mãi-mãi!
 Dẫu con Tào có xoay-vần lại,
 Thoát nợ trần, còn ngại tiếng hồng-lâu;
 Lấy ai? ai lấy?? mà cầu!

Cánh hoa mùa

Voilà que tout cela est passé... Mon enfance
 n'est plus ; elle est morte, pour ainsi dire
 quoique je vive encore.

S^t AUGUSTIN, (CONFESSIONS)

Một buổi chiều mùa thu kia, trời đất phẳng-lặng, trên nền
 trời cao thăm sương trắng lơ-dờ giải-giác thêm vài vệt mây
 vàng nhè-nhe. Những rừng cây xa-xa, chập-trùng liên-tiếp dần
 lên đường chân trời tây ủa; những ruộng lúa bát-ngát nom phẳng
 lý n hư nệm-gấm.... Ánh sáng một tắt dần, bóng tối một dăm,
 sắc xanh của cây cỏ thu bóng âm-thầm. Đàn chim về tổ, bay

vù-vù ngang khoảng không-trung quang-đăng rồi xa-xa chập vào ngọn cây bùm-tum trên đồi cao... Bóng tối càng dày thì không-khí càng lạnh và ẩm hơi sương, một ngọn gió hắt-hiu chạy qua ngan lau sột-sạt như nhắc cho ta những nỗi sương móc nay mai..... Chim rừng kêu lẻ-loi mấy tiếng cuối cùng, con run con dế cùng những con mối, con tắc-kè nỉ-non khóc cái ngày sáng-sủa sắp tàn. Cảnh chiều thu đã dịu-dịu, cái khi vị thôn-quê lại êm-đềm, lòng tôi bấy giờ cũng như lay cái về an-tĩnh cả một cuộc đời, tâm-lý nhất-thời như ngừng lại, còn chẳng một vài điều tưởng nhớ xa lãng-lắc hay một vài mối cảm-động vất-vơ.....

Ấy ngay lúc ấy, mắt tôi vô-tình bỗng nhìn thấy mấy cánh hoa muôn nở lẻ-loi bên bờ ruộng. Hoa năm cánh sắc tím hồng, lá và thân cây na-ná màu đỏm lại có lông nhỏ như lông dạ, kể nom thì cũng mỹ-lệ ưa nhìn, nhưng thực là một thứ hoa tầm-thường ngoài đồng-nội. Ôi ! cảnh hoa mua rất tầm-thường ấy đối với đời tôi lại hóa ra có một cái liên lạc sâu-xa. Vì vậy nên khi nhận đích là nó rồi thì lòng tôi bồi-hồi cảm-động phảng-phất như có một cái tiếng gọi gì vắng vắng mà ai-oán tự đâu những từng lớp dưới cùng đáy đưa lên, óc tôi lại bề-bộn những mớ ký-ức đáng-yêu ! trông thấy cánh hoa mua tôi như trông thấy cả một thời-kỳ của đời tôi đã qua rồi, gồm không biết bao nhiêu là những cái thiết-tha với tấm lòng.

Tôi trông thấy cái quang-cảnh mười tám năm về trước phảng-phất như một giấc-mộng bỗng-lai...

..... Bấy giờ đang trưa mặt trời đóng giữa đỉnh-đầu đem cái hào-quang hoa-mắt bao-phủ khắp cảnh-vật thế-gian..... Ôi, cái nắng trưa mùa hạ rực-rỡ vô-cùng... Một cậu bé con trắng-trẻo mũm-mĩm, hai má tròn phính-phính mà đỏ như hai quả quýt, mắt sáng lòng-lánh như sao tự trong nhà bước ra sân. Cậu bé chừng ngồi một mình trong nhà buồn nên mới lủn-củn ra sân tìm thú tiêu-khiển. Một tay xách cái ấm đồng đầy nước lã, một tay cầm cái chai quả bầu, cậu cứ lúi-húi tìm bới các

đám mùn-đất cạnh các gốc cây như tìm kiếm vật gì. Chẳng nói cũng biết ngay rằng: cậu bé tìm đúc dễ trọi... Ngoài vườn, cây nhiều nên dăm mát lắm, bóng cây in xuống mặt đất loang-lổ như một phiến da báo to ; ngoài vườn cũng như trong nhà vắng tanh vắng ngắt, cỏ hoa uể-oải, yên-lặng như tờ, vắng nghe chỉ thấy hoặc một sống gà gáy suông hay một mái gà giác dễ, buồn thực là buồn... Cậu bé còn thơ ngây, song đứng giữa hoàn-cảnh đó lòng cũng không khỏi sinh ra những mối buồn bực bâng-quơ mà óc non nghĩ-ngợi man-mác...

Tôi lại trông thấy cái nhà nhỏ ba gian, mái lợp tranh, vách nền vôi, đứng trên cái nền đất cao độ bốn năm mươi phân ấy, trước mặt vườn huê nọ. Cái nhà đó xinh lắm, sạch-sẽ ưa nhìn. Cái nhà đó, cái vườn hoa chỗ cậu bé đang đúc dễ với cái cầu nước đằng sau, thỉnh-thoảng một chú châu-chuộc phình bụng dương mắt tròn soe, ngồi trống tay nhìn lắc lảo khiến cho cậu bé phải sợ, ấy cả vũ-trụ của cậu bé gồm chỉ có bấy nhiêu cỗi, bấy nhiêu cảnh, cả cái trường sở hỉ nộ ai lạc ái ố dục của cậu bé chỉ có thể cũng rộng lắm vậy !... Nhà có ba gian, giữa bày bàn thờ thánh Quan-vân-Trường mặt đỏ và bày bàn ghế tiếp, gian bên hữu bày tủ thuốc dao cầu, gian bên tả bụng vách kín tức là buồng ngủ, trong buồng tranh tối tranh sáng đó tôi lại nghe vắng-vắng thấy cái tiếng hát ru con, cái tiếng đồng một điệu, cái tiếng rã-rời uể-oải như cố gượng với sự buồn ngủ nhia đã lâu, tiếng hát kéo dài, gieo nặng giữa khoảng đêm trường...

A ơi ơi..... ru con (ư)... con ngủ... cho rồi !

Tiếng hát nghe buồn vô-cùng, khiến cho ta phải cảm thấy cái tịch-mịch không bờ bến của đêm trường. Cái nhà đó theo như luật-lệ thanh-phố đã phải rở đi rồi, ở chỗ ấy, từ năm 1919 đến bây giờ thấy một tòa nhà gạch ba gian hai tầng đứng nghêu-nghện trên nền cao... Nhà gạch sang thật, quý thật, nhưng cứ thiên-ý thì nếu còn để cái nhà tranh nhỏ nọ, cậu bé con nay đã ra người lớn — mỗi khi đã mệt mỏi ề-chề về sự

đời, tẻ-lái ngán-ngảm vì nỗi đời có thể lui về nằm dài trên bộ ghế tràng-kỷ mà hô-hấp cái không-khí nọ những phong-vị khi xưa rất êm-dềm, mà quên hẳn thân hiện-tại, vẫn-vơ cùng những chuyện buổi còn thơ, như thế tưởng còn êm ái biết bao nhiêu!

Thương ôi, nhưng mà sự tất nhiên ở đời nó có chiều ai bao giờ!

Tôi lại trông thấy một người có tuổi từ ngoài đi vào. Người đó mình mặc áo trắng dài buộc giải quai chéo, chân đi giày guốc, đầu trần, búi tóc bỏ sau gáy, lòng mày che ra ngoài mắt, ba chòm râu thẳng tuột, đen nhánh, buông lòng-thòng ngang ngực, cái dáng tướng trông thật nhàn-nhã thanh-cao. Ông cụ chừng vừa đi chơi hoặc thăm bệnh ở đâu trong núi về hẳn vì tay có ôm một bó hoa mua. Cậu bé đang tỉ-mỉ chơi một mình, chợt thấy cha về, mừng cuống-quít, vội-vàng quảng ẩm, vút chai chạy lại đón.

— A, a thầy đã về!..

Chưa rút lời: « ạch! » — Cha con chuột đánh ngã em!

Cậu bé ngã sây-sát cả đầu gối, đau lắm, nhưng cũng cố gượng cười. Cậu vồ lấy bó hoa ra đáng yêu quý lắm, chừng rồi lại đem bày đình bày chùa. Lắm lúc cậu đứng dừng lại, nhìn kỹ bó hoa ra đáng nghĩ-ngợi, đoạn lại đưa lên mũi ngửi hít tựa hồ như hoa có hương thơm.... Thực ra có phải cậu bé lầm không? Lần này là bao nhiêu lần thầy cậu đi xa về thường lấy cho cậu một bó hoa mua rồi! Không phải cậu bé lầm hoa mua là một thứ hoa thơm, cậu ngửi hít không phải ngửi hít cái hương nhị của hoa mà chính là ngửi hít cái phong-vị của đồng-nội, là nơi cậu vẫn coi như một xứ-sở nào xa lạ, chưa hề bước chân tới bao giờ, ngửi hít cái hương tự-do vậy. . Ôi, mà cái lòng khao-khát cảnh non cao rừng rộng, đồi vắng, sông trong, mà cái lòng yêu mến thiên-nhiên của tôi, cái lòng say đắm thiên-nhiên của tôi, bây giờ há chẳng là k'ởi-diễm, há chẳng là sinh xuất tự những khi ôm bó hoa mua vào lòng?

Tôi trông thấy những cảnh đó rất rõ ràng những cảnh càng ngày càng xa vắng-lắc, càng lần vào trong bóng tối cái vực ký-vãng thăm-thăm mịt-mù nọ rồi mà lòng tôi bần-thần ngơ-ngẩn thồn-thức bồi-hồi...

Ôi, cái thấp-thoáng của thời gian, ôi, cái bấp-bênh của sự vật! Thực là hai mối tưởng-nhớ thống-hận cho lòng ta.

Ừ, còn gì nữa lòng bằng năm năm cứ đến hạ, thu ta ra chơi ngoài đồng-nội, mắt trông thấy hoa mua, cánh hoa năm nọ nở đầy đường, vậy mà những cảnh-tượng như gấm dệt hoa thêu thì đâu mất, ngày một xa đi rồi!..... Ngày một xa đi, thoáng cái chia tư đã một phần đời..... Ngày một xa đi, rồi mới chốc mà mắt mờ đầu bạc, bây giờ hoặc có một buổi chiều hạ, thu nào, ta chống gậy ra chơi ngoài đồng-nội chợt có người chỉ cho ta đám hoa mua mà cười thì lòng ta lại còn thê-thảm biết chừng nào? Than ôi trong trời đất bền lâu này, còn hạ, thu thì còn thấy hoa mua nở, nhưng từ nay cho đến cái lúc ta già, ta chết, phỏng thử ước ao mỗi lần hoa nở lại trông thấy cái cảnh-tượng đời ta mười tám năm về trước có được chăng? Không sao được, không thể sao được, không có phép lạ thần tiên gì như thế được. Cái cảnh-tượng ấy đã qua rồi, đã thuộc về một cuộc đời khác, đã chết rồi.

Thương ôi, thế thì mỗi lần nhìn thấy hoa mua ta nên thở dài mà kết-luận một câu rằng :

« Đời người là một mớ bào-ảnh rất đẹp mà người ta sống ở đời là đứng nhìn cho những cảnh đẹp đó tan đi để mà tiếc-thương than thở vậy. »

Rút ở tập Bút-ký thứ hai.

LAN-KHAI

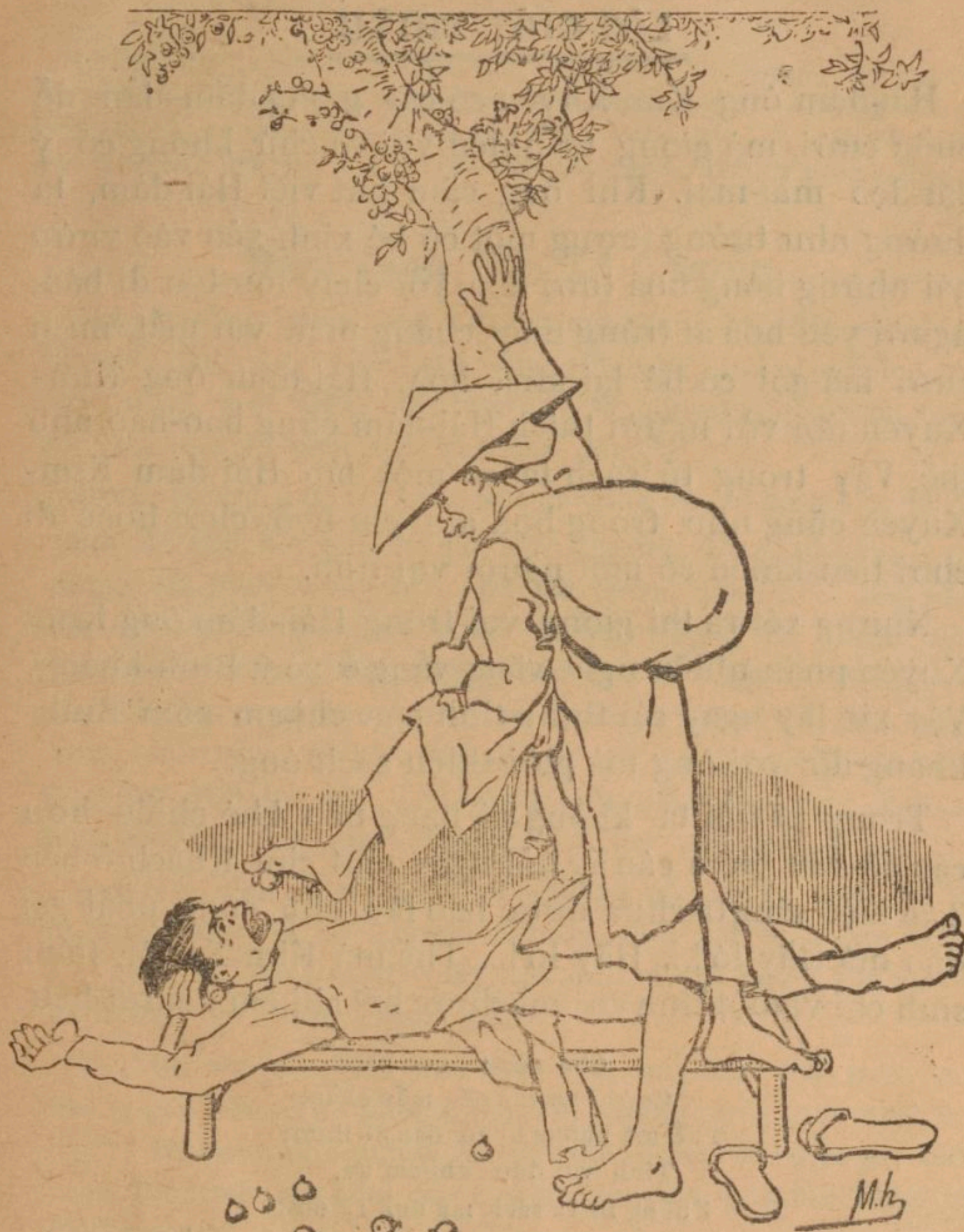
Lời giới-thiệu. - Văn ông Lan-Khai thế nào, các độc-giả đọc bài trên đây đã rõ. Tân-Dân Thư-Quán sắp xuất-bản tập « *Bút-ký* » của ông là một cuốn sách rất có văn-chương và tư-tưởng, phàm những nhà muốn nghiên-cứu quốc-văn, đều nên mua coi.

KIỆP CON MÈO

(Hoạt-Kê Tiểu-Thuyết)

Cuồng-Sỹ soạn

— Sắp xuất-bản tại Tân-Dân Thư-Quán Hà-nội —



Há miệng chó sung.....

VĂN CƯỜI KIM-XUYÊN

Sách mới xuất-bản tại Tân-Dân Thư-Quán

— Giá bán 0\$20. —

LỜI GIỚI-THIỆU

Hài-dâm ông Kim-Xuyên có cái giọng dăm-dẫn dễ buồn cười, mà giọng tự-nhiên vui-vẻ chứ không có ý dặt-dẹo mỉa-mai. Khi ông cầm bút viết Hài-dâm, ta dường như tưởng-tượng một cô bé xinh-xẻo vào vườn hái những bông hoa tươi đẹp, rồi chạy ton-ton đi bán, người yêu hoa ai trông thấy chẳng phải vui mắt, mỉm cười mà gọi cô bé lại mua hoa, Hài-dâm ông Kim-Xuyên đối với người thích Hài-dâm cũng hao-hao như thế. Vậy trong tủ sách ta có một tập Hài-dâm Kim-Xuyên cũng như trong bọn anh em ngồi chơi hoặc đi chơi tiêu-khiển có một người vui tính.

Nhưng xét ra thì giọng vui trong Hài-dâm ông Kim-Xuyên phần nhiều nghe văng-vẳng ở xóm Bình-khang. Vậy xin lấy ngay cái thịnh tình của chị-em xóm Bình-khang đối với ông mà giới-thiệu sách ông.

Trong xã-hội ta không có hạng nào khó chiều hơn các cô-dầu. Đêm câu ấy hỏi ngay một chủ Khách ở bên Tàu mới sang ta chưa được bao lâu, chủ cũng phải gật đầu mà Hầy lớ!... Hầy lớ!... Thế mà Kim-Xuyên tiên-sinh chỉ vì một tính vui mà được hết chị em đãi rất hậu.

Cho nên :

Có khi vương đến mấy châu,
Thế mà không bị cô dầu đi thừa;
Tinh vui được chị-em ưa,
Huống in ra sách mà đưa ra đời;
Nên mua một cuốn xem chơi!

SƠN PHONG

MẶT TRÁI ĐỜI

Ngọc-Thổ soạn

Mặt trái đời là một lối văn rất hay, rất có giá trị. Nhưng hay hay dở có giá trị hay không cũng tùy người soạn. Ngọc-Thổ thì ai cũng biết là một nhà văn-sĩ sở-trưởng về lối văn *Mặt trái đời*, gần đây ông đã xuất-bản một tập « *Mặt trái đời* » ở Tân-Dân Thư-Quán, rất được hoan-nghênh.

...

Đám tang ông Tú Vượng

Trên giường bệnh, ông Tú Vượng đang hấp-hối có lẽ đã sắp thở hắt ra một lần sau cùng rồi, mắt nhắm nghiền, tay ruỗi thẳng, một điểm linh-hồn ông sẽ nhẹ-nhàng nương theo mây bạc mà về nghỉ chỗ quê cha đất tổ.

Trong buồng ông Tú nằm, vật gì cũng có vẻ lạnh-lẽo, bi-ai.

Lúc ấy vào hồi quá 10 giờ tối. Chuông đồng-hồ treo trên tường vừa bính-boong báo nửa giờ được một lát. Vì nhà sâu, nên những tiếng ồn-ào ngoài đường không lọt được vào đến buồng này. Trong buồng lúc ấy nhiều người. Nhưng ai nấy đều ngậm miệng ngồi yên, không nhúc-nhích, hé răng. Nom hình như các pho tượng gỗ cả. Cảnh-tượng đã bi-ai, lại thêm bốn bề yên lặng không một tiếng động nào lẫn vào nên chỗ ấy hình như biệt-lập, xa hẳn cõi trần.

Ông Tú nằm trên một tấm giường gỗ gụ, là một vật cũ từ đời trước để lại. Quanh giường, một cái màn the ruộm đỏ, màu đã phai nhạt, quây kín mít, đứng ngoài không thể nom thấy rõ được người nằm.

Một bà cụ già, tóc bạc, má răn, hai tay ôm mặt, gục xuống góc bàn. Tuy không nghe thấy tiếng động gì, nhưng thấy người bà cụ thỉnh-thoảng lại chuyển động, đủ biết bà đang thồn thức, mà hai hàng nước mắt lúc ấy cũng là lúc tuôn rơi lã-chã.

Bà Tú Vượng vậy.

— Chính... con... gái... yêu... của... thầy... !

Hơn chục người, toàn là anh em con cháu, từ nãy ngồi im như bụt, bỗng đều một loạt quay nhìn cả vào màn. Cả bà Tú Vượng cũng ngẩng đầu lên, trên nét mặt răn-reo, còn rành rành ngấn nước mắt.

Trong màn, một câu nói nhẹ nhàng nhỏ tí, vừa thoảng lọt ra. Tiếng ông Tú, cố gắng gọi con gái yêu là cô Chính.

Chưa ai kịp đứng dậy, thì cánh cửa buồng, đã từ-từ hé mở, bên ngoài ai sẽ đẩy nhẹ nhẹ vào. Rồi một người thiếu-phụ, dong-dỏng cao, dáng mềm mại ẻo lả, nước da xanh nhợt, sẽ lách mình vào, tay bưng một bát nước, khói còn nghi-ngút.

Cô Chính !

Ngon đèn măng-sông sáng tỏ như ban ngày. Cô Chính đưa mắt nhìn các người trong buồng, tuy miệng không nói gì, mà hình như có ý hỏi han. Không ai đáp lại, nhưng cả ngàn ấy con mắt đều quay vào phía giường nằm. Cô hiểu ý, dón-dén lại chỗ cửa màn, tay vẫn bưng bát thuốc nóng.

Thầy đây, chịu khó chỉ uống một nước này, ngày mai sẽ khỏe mạnh ngay.

Một câu nói dối. Khốn nạn thay, cô Chính biết tính-mệnh cha chỉ còn bằng sợi tóc, mà cố nén nỗi đau lòng, lên giọng vui vẻ, ép nài ông Tú phải uống bát thuốc vô ích kia.

Tay cô vừa khoát cửa màn, ánh đèn sáng chiếu thẳng vào, trên giường lộ ra một cái mặt hom-hem hốc-hác của một ông cụ già, tóc bạc trắng như bông, đặt lồm xuống một cái gối đầm vải trắng. Tuy trên mặt lúc ấy không còn gì là dấu vết cái sống, mà cặp mắt ông Tú nom rất long-lanh sáng quắc. Bao nhiêu cái lực còn lại trong cái thân-thể tàn-nhược sắp từ già cõi đời kia, có lẽ ông Tú rút dồn cả lên đôi con mắt. Chỉ còn đôi con mắt ông sống lúc

ấy mà thôi. Thân-thể ông không còn một chút sinh-khí nào, chẳng qua là cái tử-thi đặt trên tấm chăn đệm mà thôi.

Thấy mặt con gái, mắt ông Tú quắc lên, nhìn rõ có vẻ vui mừng. Ông chú ý nhìn cô không chớp mắt, rồi cố nhấc tay ra hiệu cho cô. Cô biết ý đặt bát thuốc xuống, rồi sẽ ghé ngồi một bên giường, tay để lên ngực ông Tú.

Cửa màn lại khép chặt. Bên ngoài nom chỉ thấy lù-lù tấm màn the quây kín chiếc giường...

— Chính, con ơi ! Thầy biết thầy không còn được ở trần gian mấy chốc nữa, con còn chực đối dá làm gì ?

Hai tiếng nức-nở cùng lẫn nhau một lúc. Một tiếng từ trong màn đưa ra, có lẽ là cô Chính không cầm được mối đau lòng. Một tiếng của bà Tú ngồi ngoài, hai tay lại ôm mặt mà gục xuống bàn.

— Rõ u con nhà con.. gàn quá. Thầy chết là may, sáu mươi tám tuổi đầu, còn non yếu gì kia chứ ?

Tiếng nói tuy nhỏ mà rõ ràng thông thả. Ông Tú dẫn từng tiếng chắc lúc ấy bao nhiêu tàn-lực, ông đều đem ra cố gắng hết.

*
* *

— Nhưng thầy muốn nói rõ một câu, nhân có bác Hai, chú Tư và các cháu ngồi kia nghe. Nay con trở về đây đã hơn một tháng rồi, họ hàng thường cho vì con gái mà thầy chết, ông cha nhục nhã. Con tất hẳn cũng đau đớn trong lòng. Nhưng nay có họ nhà đông đủ, thầy tinh-thần vẫn tỉnh, thầy phải nói rõ để ai nấy biết rằng thầy chết là tự thầy nhẹ dạ, mà con chỉ là một mụn gái gặp cảnh đáng thương thôi. Bác Hai, chú Tư và các cháu đã nghe...

Một tiếng động như vật gì nặng rơi xuống đệm ! Chưa ai hiểu duyên-cớ ra sao thì trong màn thoảng lọt ra một tiếng thở dài, tiếp luôn tiếng nấc, mà cô Chính thì tay đã tung cửa màn, nét mặt hoảng-hốt, nhảy xuống đất,

— U ời ! Thầy...

Cô chỉ kêu được một tiếng, lặn vào lòng bà Tú, ngắt lịm đi không thêm được một lời...

...

Ông Tú, bà Tú rất hiếm-hoi.

Ông cha ông Tú Vượng vốn chân học-trò. Nhà cửa mấy đời đều thanh-bạch. Đến đời ông, kế nghiệp nhà, đã mấy phen lều chiếu đi thi, mà vì vận chả có, chữ tuy hay có tiếng, mấy lần lại ử-rũ cấp lều chiếu trở về. Mãi đến năm ngoài 40, mới vớt được cái Tú-tài, thì vừa gặp lúc chữ Nho bắt đầu vào thời đại suy đồi !

Thế-giới kim-tiền, ông liền cùng vợ bán mười mẫu ruộng, dắt nhau ra tỉnh-thành buôn bán. Trong thương-nghiệp vận, ông đỡ hơn khi cấp sách, nên chỉ trong vòng mười năm, ông bà đã có được cái vốn to. Trong khi ở nơi thành-thị ông bà vì hiếm-hoi, nên hết tâm khân-cầu trời Phật mãi đến năm tuổi ông đã 45, trên đầu lơ-thơ đã thấy xuất hiện vài sợi tơ trắng, bà mới sinh được một mụn gái là cô Chính, và một cậu con trai đặt tên là cậu Phàm, ông bà chăm nom nâng dắc con cái như thể hòn ngọc quý. Năm cô Chính lên 15 tuổi, nom thật ra một cô bé có tài có sắc. Lại thêm được cái gia-đình giáo dục tốt, nên cô vừa đẹp vừa ngoan. Trong phố ai cũng biết tiếng. Nhiều nơi hỏi cô, song ông bà không nỡ sớm dờn con ra được, nên nhất-thiết chỗ nào cũng đều từ chối cả.

Tháng trọn ngày qua, cô Chính đã hai mươi một tuổi mà vẫn sớm tối gần gũi dưới gối cha mẹ. Ông Tú nhờ về gặp vận, trong lòng lại không mối sầu muộn, nên làm ăn rất phát-đạt, lúc này dần vốn đã vào bậc đàn anh trong phố.

— Thừa hai cụ, cậu Sơn đây vừa đỗ cả ba bằng, đã có nghị-định bổ phán-sự phủ Toàn-quyền, lại sinh vào một nhà thế-gia.

Chắc nói hai cụ cũng biết chứ gì. Cậu chính là con trai ông Phán Xuyên vừa tạ-thể được vài năm nay đó.

Một bữa kia, hai ông bà đang ngồi bàn chuyện làm ăn, một người khách lạ xin vào hầu chuyện. Tưởng là gì ! Lại là mụ mối đến hỏi cô Chính !

Hỏi cho ai ?

Hỏi cho cậu Sơn, con một người bạn cũ. Ông Phán Xuyên từ trần, bà Phán một mình nuôi con ăn học. Nhưng nhà mỗi ngày một sút, khi cậu được bổ đi làm phán-sự phủ Toàn-quyền thì hai mẹ con đã phải đi ở thuê rồi. Nhưng ông Tú, bà Tú, khi xưa nhà cũng trong cảnh nghèo mà ra, nên tuy trở nên giàu có mà coi tiền-của là một vật phụ.

— Xin bà cứ về. Chúng tôi vốn cùng ông bà Phán có nghĩa bạn-bè, nếu ưng-thuận thì chả cậu Sơn đang ấy trước còn ai ? Nhưng chúng tôi còn phải nghĩ lại và hỏi ý cháu xem sao đã. Bà về nói với bà Phán xin cứ an tâm chờ cho !

Ông bà bàn bạc đủ điều, lại hỏi ý cô Chính nhiều lần, sau cho cậu Sơn đi lại để nhà gái xem mặt, được một tháng sau thì cuộc hôn-nhân của cô Chính với cậu Sơn cũng thành-sự.

Ba tháng sau khi cưới cô Chính, bà Phán Xuyên thụ-bệnh về hầu trời. Vợ chồng ông Tú liền bắt vợ chồng cô Chính phải về ở nhà mình, để sớm tối gần-gụi con và rể.

Luôn hai năm sau, cô Chính nhờ trời sinh được hai cậu con trai, cảnh gia-đình ông Tú đã vui sướng, lại vui sướng bội-phần.

*
* *

— Mợ ơi ! Nếu cứ sớm vác ô đi, tối vác về, ba cọc ba đồng thì bao giờ mở mặt mở mày được. Chi bằng sẵn mấy ngàn bạc vốn ông bà cho khi cưới, ta xin ra ở riêng. Tôi xin nghỉ giả hạn vài năm, cố chí làm ăn. Mợ nghĩ sao ?

Một bữa, cậu Phán bàn với vợ muốn ra lập nghiệp. Cô Chính phân-vân hỏi ông bà thì ông Tú cả quyết nói :

—Nếu anh ấy có chí theo dấu thầy, u thì hay lắm! Hay lắm! Vợ chồng con cứ ra, thiếu thốn ta đây giúp.

Mấy tháng sau, một xưởng chữa các máy móc, có đủ khi-cụ tân-thời đã mở ngay ra giữa phố Hàng Sắt. Chủ-nhân là cậu Sơn mà thủ-quỹ kiêm kế-toán là..... cô Chinh. Trong xưởng dùng đến hai ba chục thợ. Công việc làm đã cần-thận khéo-léo, tính giá đã phải-chăng, lại thêm chủ-nhân lịch-sự, khéo giao-du, nên trong nửa năm đã phát-đạt lắm rồi.

Lúc mở xưởng, vốn bỏ ra mua các đồ dùng mất hơn một vạn. Vợ chồng cậu Sơn chỉ sẵn có hai ngàn bạc ông bà cho ngày cưới, còn một vạn ông Tú vợ-vét trong nhà giúp cho.

Xưởng máy đang phát-đạt, bỗng một ngày kia âm âm tin cô Chinh có ngoại-tình, cậu Sơn quả tang bắt được, nên phú về cùng bố mẹ! Tin ấy vang ra, từ đấy chỗ để tủ bạc xưởng máy không thấy mặt cô Chinh, mà đảng nhà ông Tú cũng mất cái hạnh-phúc xưa.

Thực ra thì...

Gặp ngày nghỉ, cậu Sơn rủ một ông Phán, bạn thân cùng vợ thuê ô-tô lên chơi Lạng-sơn.

— Tôi có việc cần phải vào qua Bắc-giang. Bác và mợ cứ lên trước rồi vào trọ tại hàng cơm Mỗ chờ tôi. Nhà tôi lạ-lùng bờ-ngõ, bác chớ để đi đâu, mà bác cũng chớ bỏ đi nhé. Tàu 7 giờ tối thì tôi lên đến nơi, cách nhau chỉ độ một giờ thôi.

Trên con đường quan-lộ, chiếc ô-tô mới đang bon-bon chạy về phía Lạng-sơn. Gần tới Bắc-giang, cậu Sơn căn dặn bạn và vợ, rồi gọi bảo tài-xế đỗ xe. Chân đã bước xuống đường, cậu còn căn dặn một lần nữa.

— Chớ đi đâu, cứ ở trong nhà trọ, tàu tối tôi đến nơi.

Chiếc xe lại mở máy chạy thẳng. Cậu Sơn nhìn theo, nhoẻn miệng cười, ra chiều đắc-ý...

Tám giờ tối hôm ấy. Trong nhà khách-sạn Mỗ.

Cạch ! Cạch !

Cửa buồng số 8, có tiếng gõ mạnh.

— A, cậu đã lên rồi !

Tiếng đàn-bà vui-vẻ kêu ở trong buồng theo tiếp với tiếng chân chạy trên sàn gác.

Cánh cửa vừa mở, cô Chính — vì người đàn bà ấy là cô — nét mặt đang tươi cười, bỗng dừng chân ngay bậc cửa, dương mắt nhìn, tóc còn xõa ngang lưng chưa quăn. Bên trong, một người đàn ông trẻ tuổi, ngồi cạnh bàn đọc nhật-trình.

— Gì thế này cậu ?

Cô run người hỏi. Người đàn ông cũng bỏ tờ báo xuống bàn đứng dậy, nhìn ra, bỗng tái-mặt.

Sừng-sững đứng chặn ngay giữa cửa, cậu Sơn cùng ba người lính Sen-đầm ! Nét mặt cậu nghiêm-nghị độc ác, biết chả phải chuyện đùa.

— Các ngài cùng tôi đã bắt quả-tang chúng đấy nhé. Xin các ngài làm việc cho.

Rút lời cậu Sơn, lính Sen-đầm ủa vào. Trong nháy mắt cả cô Chính, cả ông Phán bạn đều bị trói tròn. Bị trói chặt cứng mà không ai hiểu việc gì.

— Đồ vô liêm-sỉ ! Vô luân-thường đạo-lý ! Quả-tang thế này, còn cãi chối nữa thôi !

Lời sỉ-vả ! Tiếng thống-mạ ! « Quả-tang, Chối cãi » hai người bị trói dẫn ra cửa khách-sạn mà vẫn không hiểu việc gì.

Máy xe kêu ầm-ầm ! Tiếng chào lính Sen-đầm, chiếc ô-tô lại quay trở về Hà-nội...

*
**

Cạnh cái tủ-sắt lớn, cậu Sơn đang ngồi soát sổ-sách.

— Hừ ! Muốn đòi vạn bạc để « ông » cho con gái ra tòa.

muốn khỏi nhục với hàng phố, thì thà im đi, câm ngay đi, cô ả sẽ được yên-thân, ít lâu người người ông làm phúc cho về nhà này. Nhưng ai, chứ lão... gàn ấy coi danh-dự to hơn vạn bạc. Dám đòi! Kể mình cũng « cừ » thật!

Cậu mỉm cười!

Bỗng một đứa bé chạy học-tốc vào.

— Thưa cậu...

— Gì, nói mau!

Thưa... cụ ông chết đêm qua rồi!

Tin ấy như có sức mạnh rất cậu Sơn đứng phắt dậy! mặt mũi tươi cười, cậu quay vào trong nhà, lên gác:

— Đại thì chết! Ai bảo quá tin? Thôi nghĩa tử là nghĩa tận, ta mặc áo xuống qua xem thế nào!

Trước khi đưa ông Tú ra đồng yên nghỉ, chàng rể quý đã tặng ông một câu văn-tế cực hay!

Tài viết văn tây của một nhà thiếu-niên học-sinh ta

Ông Nguyễn-Tiến-Lãng đã nổi tiếng là giỏi văn tây về hai kỳ thi tú-tài mới rồi. Cái kỳ-tài của ông, các báo đã ngợi-khen, các nhà văn-sĩ tây ở đây đã chú-ý. Những bài văn của ông làm ngày thường ở nhà-trường, bài nào cũng hay lắm, cụ giáo Pujarnisele chấm văn ông thường phê « kiệt-tác » hay là « chứa-chan thi-vị. »

Tân-dân Thư-Quán muốn phô cái tài viết văn tây của một nhà thiếu-niên học-sinh ta, nên mới xuất-bản một tập văn tây, nhan đề là *Pages françaises par un jeune élève annamite*, sách dày ngoài 130 trang, giá bán 0p.65.

Cuốn sách này đã được cái danh-dự quan Thống-sứ Bắc-kỳ chuẩn cho đề-tặng Ngài, đủ biết cái giá-trị văn-chương đáng chú-ý là nhường nào!

VIỆT-DÂN

SUỐI LÊ

(Câu chuyện thương-tâm ở đường rừng)

Gió bắc ù ù thổi, khiến cho cái cảnh ủ-ê nơi rừng-rú càng thêm rữ-rợn bờ-phờ. Trên trời một màu xanh thẫm, không có hình mây vẩn, chỉ thấy lơ-lơ một tầng khí lạnh, như đọng ở đó mà gợi dần cái hơi sương giá làm tê tái cảnh vật đêm đông. Dưới trời tuy có gió đưa mà không có hoạt động, trông đây đó chỉ lù-lù những đám cây đen sì, sừng-sững những núi đá cao ngất... hiện nên một nơi tiêu-diêu, dữ-tợn, nặng-nề.

Làng Đồng-En (Thuộc Lạng-Sơn) mọi nhà đều lên đèn. Có nhà đã yên-ấm trong giấc, có nhà còn quây-quần ở lò than cùng nhau nói cười vui-vẻ, hình như ai cũng vững dạ, không sẵn lòng quan-ngại tới cái buồn cái khổ ở ngoài.

Duy có nhà một người kinh ở cùng làng ấy là cảnh-tượng có khác: Một ngọn đèn dầu le-lói tỏa ánh sáng lạt-lẻo không đủ soi được khắp gian nhà. Dưới ánh đèn, một cụ già râu tóc bạc phơ, bó gối ngồi trên phản, nhìn trông-trọc vào một chàng thiếu-niên võ-sĩ, đầu đội nón nứa, vai đeo khăn gói, tay để lên bàn, chàng đang chú-mục vào một cô con gái nhan sắc diễm-đạm vẻ mặt u-sầu, đôi mắt đăm-đăm trông ngọn đèn trước mặt.

Ba người ngồi lẳng-lặng như thế đã lâu, như cùng nhau đang ngẫm-ngẫm suy tính một việc gì rất quan-trọng.

Ông cụ này nguyên là một ông quan cự-thần đời nhà Lý, vì bị gian-thần hãm-hại, nên triều-đình đem đầy lên đây. Được ít lâu, nhà Lý mất, nhà Trần lên; Trần-triều xét biết ông là người oan-ức, nên xuống chiếu gọi ông về mà phục nguyên-chức cho. Song ông từ chối. Nói rằng chút gan óc già cỗi này cũng chẳng giúp được triều-đình là mấy nữa. Và đối với triều-đình, ông là người hết tội, nhưng đối với quê-hương, thì dầu sao đi nữa ông cũng là người đã có tội với triều-đình; quê hương cũng phải một

phen mang tiếng là xuất ra một người tôi bất-trung. Vậy thì thôi, ông cũng đành lòng trông miền đất cũ, gởi vọng về năm lay già-từ, từ biệt quê hương, từ biệt triều-đình, để cho ông từ nay lại tự đầy đọa chiếc thân trong chốn rừng hoang nước độc.

Ông Thu-Trang (tên ông cụ) bây giờ mới có ngoài bốn mươi tuổi, gan óc ông hãy còn chứa-chan nhiệt-huyết, mà đã nói rằng già cỗi, chẳng qua là ý không muốn về với tân-triều. Mà không về với tân-triều thì phải đành xa cách quê-hương; thật ra thì bụng ông đối với quê-hương có một tâm tình rất thiêng-liêng, mật thiết. Trước kia, oan của ông chưa minh ra được, người Thổ ở đây thường thấy sáng nào cũng đi lên đứng trên một mỏm núi cao, lẳng trông về phía nam mà bồi-hồi thơ-thẩn. Những lúc ấy tức là ông « *đoái xem mây trắng một màu* » trông với cổ thổ mà âm-thầm than-thở với quê-hương đó. Ông tuy xa quê-hương, một thân bị bỏ quên ở chốn dặm ngoài đất khách, song vẫn còn hy-vọng, còn có ngày tỏ được nỗi oan tình, tất lại được gọi về mà giúp nước. Không ngờ cựu-chủ mất ngôi, tân-quân tức vị, nên ông mượn lấy cái lẽ trên kia để làm người ăn-sĩ ở đây.

Trong khi đó, ông có dan-diu với một người con gái quan Lang-thổ, rồi sinh-hạ được nàng Trầm. Từ đấy, ông tưởng cuộc đời như thế cũng không đáng lấy làm buồn nữa. Hai vợ chồng sung túc, cửa nhà vui vẻ, lại thêm có con chim xanh biết nói là nàng Trầm kia, nó đùa lời mà díu dít khiến cho cảnh đình viên càng thêm biết bao nhiêu lạc-thú êm-dềm. — Hồi tưởng lại ngày còn còng lưng mỗi gỏi, đem hết sức học thuật, hết lòng ngay thẳng ra giúp-nước giúp vua, biết bao phen phải căm tức mà chống trọi với những kẻ gian-thần hay hăn-học. Có lúc ông vì bất-đắc-dĩ đã toan từ chức về nhà vui thú điền-viên, nhưng lại nghĩ: triều-thần phần nhiều là gian-nịnh, ngay thẳng ít người, mà ta nỡ từ bỏ cho số ít lại càng thêm kém thì không nên. Kế đó, bà nội-tướng của ông bị bệnh mất sớm, làm mất cái hy-vọng của ông về lạc-thú gia-đình, nên ông lại

hết lòng lo việc nước. Ông càng trung trực thì kẻ thù lại càng tìm phương hãm hại, bởi thế mới có phen phải lưu phóng lên đây. Buổi đầu ở chốn sơn lâm ông lấy làm khổ sở. Nhưng từ khi có tân-triều mà nhất là từ ngày kết duyên với con gái quan Lang, cuộc đời sơn lâm của ông lại có thú. Ở giữa nơi rừng thiêng nước thẳm, ông lại càng được gần tạo-vật, tuy có khách thơ mà không người họa, song ông cũng lấy làm vui, mà rượu bầu thơ túi, tháng ngày ngâm vịnh, ông lấy thơ ca mà điểm tô nơi thôn dã của người rừng.

Trải bao năm tháng ông một ngày một già, con một ngày một lớn. Nhưng nàng Trầm không còn giữ được trong trí lấy một chút chi là hình-ảnh mẫu-thân nàng, vì năm lên ba, nàng đã mồ-côi mẹ.

Sau này, có khi đang buổi ông Thu-Trang dạy nàng học để được dịp mà giảng giải cho nàng biết xuy nghĩ, biết nói năng bằng tiếng Việt-nam, và cho nàng khỏi nhiễm tính-tình của dân Thổ ở miền này, có khi đang buổi nàng học như thế, nàng bỗng thổ-thở mà hỏi cha rằng :

— Thầy ơi, mẹ con có biết chữ không thầy ?

Ông lại phải chiều lòng mà đáp :

— Mẹ con có biết. Nhưng biết ít thôi. Vì từ ngày kết duyên với thầy mẹ con chỉ hay chăm khâu vá thêu thùa, và săn sóc đến các việc khác — Rồi nhân đó ông lại nói : « Mẹ con trông giống con lắm, lúc ngồi cũng giống con, dáng đi cũng giống con, cười nói cũng giống con. Chỉ khác con về cách ăn mặc : Mẹ con trước không quen ăn mặc lối người kinh » Mỗi lúc nhắc đến câu đó, ông không khỏi thồn thức, trong lòng nảy ra một mối cảm động mới lạ, phần thương xót người vợ hiền dang-đột, ngây-thơ mà hưởng lấy một cảnh gia-đình êm-ái hơn mọi gia-đình của người cùng giống lại ngây-thơ mà thờ phụng một ông chồng cao quý : đối với chồng chỉ biết đem tấm lòng chân hật trong trắng để trả lời lại cái tri văn-nhân thi-sĩ kia thôi ;

phần thì vui lòng rằng tấm hình ảnh người đã qua còn chút lại ở nàng Trầm : nàng Trầm quả giống mẹ như đúc. Nhất là đôi con mắt. Thường thường cha con trò-chuyện nàng hay ngả đầu nàng vào ngực ông cụ ngược đôi mắt chứa chan sự quăn quít lên trông cha; thì chẳng khác gì đôi con mắt bà mẹ, trong những lúc tỏ tình âu yếm. Ông Thu-Trang thở dài mà ngẫm-nghĩ một mình : « Bức tranh hạnh-phúc như thế thì cũng chưa mờ hẳn »,

Ngoài những lúc cha con làm lụng việc tưới vườn rau, xửa vườn cảnh ở nhà, cùng những khi cha dạy con học tập kinh sử; lại còn một tháng hai kỳ, ông Thu-Trang giắt nàng Trầm ra nơi quân đóng, cách nhà chừng non nửa ngày đường. Ra tới nơi, hai cha con đứng ẩn một chỗ, rình những quân-lính trong trại ra vào, để ông chỉ cho nàng biết những người đó là người cùng quê cùng quán với mình. Ông trông thấy họ là trông thấy người cố-hương, là trông thấy nơi sinh-trưởng ; ôi ! nơi sinh-trưởng yêu quý, nay cùng ông xa cách, ở tận nơi dặm khuất muôn trùng !

Một hôm đang thơ-thẩn mong ngóng cái hình-ảnh thiêng-liêng nơi cố-thổ như thế, ông được làm quen với một người thiếu-niên mới lên trấn ở trên này. — Một chàng xa quê nhà, một ông cách biệt quê nhà : đôi bên gặp gỡ. Hình như cái nỗi chiếc thân đất khách khéo dun-dủi cho hai người nên quen, rồi thân, rồi mến rồi quyến-luyến không muốn dời nhau ra. Ông ngổ tâm-sự ông, chàng cũng kể thân-thể chàng.

Thiếu-niên tên là Văn-Tuấn, là một người nghĩa-hiệp học rộng biết nhiều, bao giờ cũng tỏ ra một lòng yêu dân yêu nước. Chàng đang dùi mài đèn sách, thì tự nhiên bỏ mà theo việc kiếm cung, là vì chàng không muốn giữ cái chí của bao nhiêu văn-giả đồng thời. Chàng tư nghĩ : « Đang khi đồng-bào chen chân trong đường khoa-cử, ta nên lo về việc binh hung, cầm ngọn giáo đứng dưới cờ, cùng với ba quân đánh tan giặc nước, thỏa chí mình mà danh-vọng chẳng kém chi ai. Bởi

vì nâng một ngọn bút ở chốn trường văn; đeo ba thước gươm ở nơi trường chiến, đã là anh-hùng thì đâu chẳng là trường hành-động của bậc anh-hùng ? »

Từ khi ông cụ với chàng tuổi trẻ làm bạn tâm-giao thì Văn-Tuấn thường đi về Đồng-En đàm-đạo với ông cụ. Rồi từ đó gây nên một mối tình rất êm ái trong lòng đôi lứa thiếu-niên. Nhưng một bên đứng-dẫn, một bên chín-chắn, lại thêm cái tính hòa-nhã và nghiêm-trang của một bậc lão-thành, nên những khi xuy nghĩ một mình, kẻ thì trống gươm mà vợ-vần, người thì dừng kim mà thần-thơ, hai quả tim ở trại quân với ở buồng thêu phải thồn-thức âm-thầm cùng một nhịp.

Hơn một năm trời rờn-rã, khi gặp mặt, khi chuyện-trò ở nhà ông cụ, nàng Trầm với chàng Tuấn chưa ai dám ngỏ cho nhau cái nỗi khổ trong lòng. Ông Thu-Trang tuy biết bụng đôi bên, nhưng vẫn cứ mỉm cười một mình mà không cho đôi bên biết ý :

« Chàng luyện-ái con ta, con ta cũng luyện-ái chàng, ta đây cũng muốn có một người như chàng làm rỗi. Nhưng ta chưa muốn cho họ hiểu được ý ta, vì ái-tình chưa đến lúc để cho người hiểu được rằng lòng hai người cùng mang một khối.... Phàm yêu nhau có âm-thầm, có đau khổ, cuộc nhân-duyên mới đằm-thắm mới vững bền... Ta cứ nên mừng rằng con ta đã có nơi xứng đáng, mà đợi xem cách cử-động của đôi bên ra sao. »

Ông nghĩ thế, nên những khi nói chuyện với chàng Tuấn ông thường chú ý xem cái bồi-hồi bắn-khoăn trong lòng người thiếu niên. Lắm lúc thấy thế cũng thương, toan nói cho chàng biết bụng mình để chàng yên dạ. Nhưng ông cụ lại muốn làm ông Nguyệt oái-oăm để khoanh tay ngắm cái ảnh lòng ông ngày còn trai-trẻ.

Sầy thấy tin biên-ải báo có giặc bắc, biên-ải thế nguy cần quân cứu-viện. Một đội tiên-phong đã tiến từ giờ ngọ, mà Văn-Tuấn là quân trong đội tiếp ứng, phải tiến từ hồi canh tư đêm

hôm ấy. Bởi thế chàng mới có thì giờ về từ giã ông cụ Thu-Trang cùng nàng Trầm để đi ra trận-địa.

Chàng về tới nhà ông Thu-Trang thì trời vừa sẩm tối, bước vào thì thấy trong nhà nàng Trầm đang nghe cha giảng bài ở dưới ánh đèn. Chàng đứng cửa lẳng lẳng trông hai người, tự nghĩ : « Hôm nay ta đến để từ giã hai người rồi đem thân ra tiến cho nước ta đây. Trong hai người, lại có một người ta Yêu ta luyện, mà lúc từ biệt này không được cùng nhau than thở đôi lời thì chẳng cũng đáng hận cho ta lắm sao ? Nàng Trầm ôi, ta mong mỗi bao lâu cái ngày ta được ngỏ lòng cho nàng thấu đến, hay đâu miệng ta chưa được nói những lời êm-ái ta rắp nói, tai ta chưa được nghe lời nàng hẹn-hò cùng ta ; mà ta đã phải ra nơi tên đạn, đem thân nam-nhi ra trả nợ nhà-nước, lại đem cái quả tim nặng khối tình u này phoir giải trên chốn sa-tràng..... Tủi cho ta biết ngần nào ! » Chàng ngơ-ngẩn mà nghĩ như thế trong lòng buồn-bã vô cùng, bỗng thở dài một tiếng. Ông cụ Thu-Trang trông ra, thấy chàng đứng trong bóng tối, không có cái vẻ tươi cười như mọi khi thì lấy làm lạ. Ông hỏi :

—Hôm nay sao chàng buồn rầu thế kia ? Có việc gì đấy. Vào đây nói cho lão biết với nào.

Chàng Tuấn kéo một chiếc trống ra kê bên bàn rồi nói :

— Thừa cụ con buồn là vì hôm nay đến từ biệt cụ, để đến trống tư ra ngoài biên đánh giặc đây.

— Thế ru. chàng buồn vì thế ru ? Cái chàng mong mỗi nay đã tới, thì nên vui lòng nên hăng-hái : *vững tay gươm mà bước tới trận tiền* mới phải chứ, một sự tạm biệt như kia có sức gì mà bận được chí anh-hùng ?

Giọng ông nói ôn-tồn đồng-dạc, tưởng khiến cho chàng hăng-hái vui mừng. Nhưng ông chưa nghĩ ra rằng lời nói đó lại làm cho chàng thêm đau khổ : Chàng có quên bôn-phận đâu ? Chàng vẫn vui lòng đợi dịp để tỏ chí trượng-phu. Song cái vui

đó là vui ngoài trận-địa, mà buồn này là buồn ở nhà ông Thu-Trang kia!

Ông cụ Thu-Trang ngánb trông con thì thấy nàng biến sắc, cố ý cúi mặt để giấu nước mắt, nên ông động lòng thương. Biết rằng lúc này còn đề cho hai trẻ yêu nhau mà không dám nói là không nên, ông mới mỉm cười mà dạy rằng :

— Chàng lại đây, nói là đề từ-giã ta, nhưng chính cũng là đề từ giã con, và âm-thầm than-thở với con đó. Lòng con, ta đã biết, mà lòng chàng, ta thấu đã lâu rồi. Ta thực lấy làm mừng lắm. Ta định cho chàng nói với ta, ta sẽ liệu gia thất cho con. Nhưng ngày nay chàng phải ra biên-ải dẹp giặc, ta không muốn cho lòng chàng còn phải mang cái khối tình nén chặt trong bấy lâu nay, vậy nên ta không đợi cho chàng phải ngổ lời, ta tự ngổ ý ta cho chàng yên gia. Thế là từ nay chàng đã được lời ta, chàng nên gắng công cho trọn đạo làm dân con của đất nước. Còn phần con đây, con cũng khỏi rầu-rĩ âm-thầm. Con nên cầu Trời Phật cho chàng chóng thành công trở lại.

*
* *

Cái bức tranh ba người ngồi lẳng-lặng đối ngọn đèn dầu lúc đêm đông sương-giá ta thấy ở trong nhà tranh kia, tức là cảnh tượng sau khi ông cụ Thu-Trang ngổ ý cho chàng Tuấn nàng Trầm nên đôi lứa vậy.

Đôi thiếu-niên được lời lòng vui mừng khôn xiết tả : mỗi tơ tình thắt buộc bấy lâu làm cho đôi lòng chua xót đến bây giờ thực mới cởi mở được ra !

Nhưng cái vui mừng kia chưa hả đã thấy nổi phân chia khe-khắc vội vàng đến nơi. Nàng Trầm bị xúc cảm thái quá, vì hai tình-tính tương phản kế tiếp nhau trong một giây lát thời giờ. Trên khuôn mặt đăm-đăm kia bấy giờ rõ-rệt in một tấm hình đau khổ. Một lát, nàng thở dài một cái như cổ nâng thân lên để ruồng bỏ cái khối cay cực nó đè nén mình, rồi sẽ lấy một

ngón tay lên mặt như muốn rẽ đám tóc mai, nhưng chính là để gạt thềm hai giọt lệ cổ nín.

Mọi ngày, khi gặp mặt chàng Tuấn, nàng không quá điều e-nệ, vì nàng đã nhiễm cái thái-độ tự nhiên của cảnh-vật thiên nhiên. Song lúc đó nàng không kịp có thì giờ mà hiểu tại sao không lấy lời thâm-thiết mà thở than cùng chàng. Tuy miệng không nói, nhưng lòng nàng nói. Nàng trông ngọn đèn trước mặt mà nghĩ thầm rằng : « Ngọn đèn ấy lúc này lẽ vì ta mà hờn-hở, mừng cho ta được trăm năm kết chỉ cùng ai, hay đâu chính lúc này lại phải chung nỗi bi ai của ta mà chứng kiến cuộc phân-ly này ! Người nam-nhi chiến-sĩ từ nay xông pha nơi đao-kiếm, chẳng hay cái khí-giói cay độc kia liệu có để cho người được mệnh toàn ? Hay là lại sớm bắt phơi thân ngoài gió bãi, khiến cho người bầu-bạn hèn yếu của chàng phải trọn đời sầu thảm vì ai ?....

Về phần chàng Tuấn, thì chàng cũng chẳng oán hận chi cái nghĩa-vụ nó bắt chàng phải xa cách người yêu. Chàng chỉ chút giận duyên sao không sớm bén từ ngày. Tuy vậy đã biết được lòng kia cũng vì chàng mà thồn thức, bước chân đi đã có người đếm, tay tuốt gươm đã có người trông, rồi cả chiếc thân xông pha, đầu gối đất nằm sương hay lao-lung cơ khổ, cũng biết rằng đã in sâu hình ảnh vào trái tâm quý báu của một người đáng yêu đáng quý nhất trần-gian. Đã biết thế, thì bước phân-ly hà-tất phải sợ, tuốt gươm vàng ba thước, ta cứ yên vui mà bước tới sa-tràng.

Bấy giờ ông cụ Thu-Trang ngồi trông thấy con mặt rầu rầu, tựa chiếc thân mảnh-khảnh vào cạnh bàn, chiếc thân yếu ớt mà dịu-dàng thay ! thế mà bây giờ tê-tái đi vì tình cảm. Ông là một người già-cả, cái lòng thương của người cha đó tuy có nồng-nàn thật, song không để quá lộ ra ngoài. Thuỷnh-thoảng chỉ khe-khẽ thở dài một cái mà tự nghĩ : « Con gái ta sinh trưởng ở giữa nơi hươu-quạnh, cái tâm trí kia chỉ tháng ngày in lấy cảnh mây núi cây rừng, cùng với nước non giữ một thái-độ yên

hòa thanh-khiết. Phong-cảnh thiên-nhiên ở đây nên thơ thì lòng con gái ta cũng thực rất nên thơ. Cái dự-huyết của thân già này thực là cao quý mà hiếm có... Tới nay, trong khối tâm còn non nớt ngây thơ kia lại thêm cái tình luyện-ái, thì cái ái-tình Hoàng-hiên đặt vào lòng con ta cũng rất thanh cao. Ta tưởng rằng tấm lòng băng tuyết đó cứ ung-dung mà hưởng lấy cái hạnh-phúc của đấng chí-tôn — vì chỉ có những tấm lòng đó là trời cho được cả phần hạnh phúc ; ta tưởng con ta khác với bao nhiêu bạn gái từ trước tới nay, thì tránh khỏi cái kiếp hồng-nhan bạc-mệnh ... Ấy thế mà trời xanh kia vẫn không chịu buông bỏ tính đánh ghen cùng khách má đào ! Con ta đang nhớn-nhờ vui-vẻ như con chim hớn-hở hót mừng xuân, nay bỗng cái tay độc-địa của con trê tạo ấy đeo vào lòng một mối bi sầu..... Con ta yêu chàng Tuấn, mà yêu dấu yêu thầm cái khổ lòng đó là ta muốn nên như thế, vì trong cái khổ kia còn có một thứ hy-vọng êm-đềm. Chớ nay, chàng Tuấn ra biên, nỗi phân-ly là điều chua xót, nỗi thương nhớ là điều đắng cay, lại thêm cái lo, cái sợ, đêm ngày trông thấy cái tuyệt vọng, thấy cái cảnh tình-quân chết trận *tình-quân không về* ! Thương thay con trê chịu có nỗi chẳng sợ lo sợ đó !

Tuy rằng ông cự-thần nhà Lý kia quá lòng quên cái hại thâm khốc ghê gớm của sự chinh chiến ; mà đem lúc ly-biệt ấy đổ ác cho trời ; nhưng đó chỉ là một thứ cảm-tình chung của các bậc như ông và của các tay văn-nhân thi-giả ; ta chỉ nên biết rằng thực ông đã thấm-thiết sợ cho nàng Trầm.

Cô con gái ở chốn rừng xanh kia tức là bông hoa mỏng-mảnh, được nâng-niu ở trong vườn cảnh gió bụi mưa hòa, chớ có như những đóa hoa mọc ở chốn gió mưa cát bụi dàu. Xưa nay bao nhiêu bậc chinh-phụ ôm lòng chờ bạn, tuy rằng dạ kiên-trinh đáng phục, song tiếng ta than cũng đã làm cho trời đất chứa-chan sầu. Ấy là những khách đã nếm quen điều đau đớn khác, nghĩa là những thứ họa đã dạn với nắng mưa rồi,

Chờ nàng Trầm đây chỉ trông ngày xanh mà vui vẻ, một sớm phải chung một cảnh giãi giầu thì mấy lúc mà đóa hoa ấy chẳng phai hương nhạt sắc.

Ông cụ Thu-Trang chợt lại nghĩ : « Lúc này là lúc nào đây ? Chẳng là lúc hai trẻ phải từ biệt nhau đó sao ? Như thế thì ta nên để cái khoảnh-khắc này cho đôi bên than thở. Phải trước khi xa cách, không có chén rượu tiễn đưa thì cũng phải có giọt lệ tiễn đưa. Mấy câu tình-tự bây giờ là cần, họa chẳng lời êm-ái của con ta có làm được cho chàng yên lòng và câu yên-ủy của chàng có làm cho con ta được khuây dạ.»

Ông nghĩ thế rồi ông đi vào nhà trong. Gian nhà tranh bấy giờ chỉ còn có hai người tuổi-trẻ, đang âm-thầm thồn-thức ở dưới ngọn đèn ánh sáng lạnh-lùng.

Chàng Tuấn bỗng đứng dậy.

Chàng Tuấn đứng dậy, đem bao lời rất dịu-ngọt êm ái mà từ giã người yêu chẳng ? — Nàng Trầm nỉ-non mà dặn-dò người tình-quân chiến-sĩ bằng những câu cảm-động lai láng chẳng ? — Không : Hai người vẫn lẳng-lặng. Hai người cùng chia một mối bi-ai thăm-đạm ; trong lòng hai người cùng chứa-chan tình-tự, không biết nói những gì, mà có nói cũng không, nên lời. Tuy vậy, cái thì-giờ từ nấy, cùng bao nhiêu cách cử-động của hai người cũng đủ thay cho biết bao nhiêu điều không nói được.

Chàng chiến-sĩ đứng đó, trông thấy nàng Trầm tay nâng má mặt rầu-rầu, cái nét mặt trước kia lộ ra biết bao nhiêu vui thú ! Chàng trông thấy người yêu đau khổ thì trong lòng như hào như đốt, chàng muốn nhắm mắt toan thôi nhìn cái cảnh-tượng khổ sở kia, chàng muốn quỳ ngay xuống van nàng đừng đau-đớn nữa, chàng muốn cho quả tim gào lên, thét lên cho đỡ khổ ! Chàng nén mãi, nén mãi cái chua, cái chát, khiến cho lòng chàng như tan nát, cho thần-trí chàng như dại như cuồng.

Nhưng chàng thoắt bước ra cửa, quay lại để từ biệt nàng. Nàng Trầm vội biến sắc mặt, toan đứng dậy, song vẫn ngồi đó, tay vịn chặt lấy cạnh giường, như muốn nói, như muốn khóc, như muốn vịn áo giữ lại, để nàng than-thở rồi hãy ra đi.... Rồi mắt thành hoa, quả tim đập mạnh, trong lúc hồn say máu dội, nàng chỉ nghe được một câu của chàng Tuấn : « Nàng thương tôi..... nếu nàng thương tôi xin kiên tâm giữ ngọc din vàng cho tôi lên đường được yên dạ... »

Nàng Trầm nghe tưởng chừng là lời vĩnh-quyết của chàng Tuấn đang đứng ở một mỏm núi đá cao vót nào nói sang, nàng liền chạy ngay ra cửa, vịn lấy cánh cửa rồi gục đầu vào cánh tay mà nức nở khóc thầm.

Lúc đó bên ngoài trời đất tối đen như mực, trong không-khí gió đưa buốt như đốt thịt, vắng nghe chỉ thấy tiếng chân bước nhanh của người chiến-sĩ cùng tiếng suối dâng xa dóc-dách, làm lấp mất tiếng ta-thán của cảnh-vật chết cồng ở dưới trời đêm đông.

Sáng hôm sau, bốn bề hàng xóm đã dục-dịch làm ăn công việc thường ngày, không ai ngờ đầu dưới trời tăm tối đêm qua mới sẩy ra một cảnh-tượng bi-sầu thảm đạm.

Nàng Trầm bấy giờ đang phục xuống bàn, ngẩng đầu lên, mặt mày bơ-phờ, đôi mắt đỏ ngầu, đầu tóc rũ rượi. Nàng ngánh trông thấy cha nàng đứng cạnh từ lúc nào chẳng biết, thì nàng bỗng lại nức-nở òa mặt khóc. Ông cụ Thu-Trang lấy lời yên-ủy mà rằng : « Con ơi, cha cũng biết lòng con đau khổ lắm, nhưng con hãy yên lòng : chàng Tuấn đi chuyến này cũng không mấy bữa sẽ trở lại.... Chàng đã dặn-dò con phải giữ ngọc gìn vàng, thì con há nỡ phụ lời mà mạng sườn đeo túi hay sao ? »

Nhưng nàng nín làm sao được. Nàng phải khóc. Đau-đớn ấy oán-hận uất-ức ấy, người thiếu-nữ liễu yếu đào thơ kia ỉ hải lấy

bao nhiêu nước mắt họa mới làm tan ra được chút nào chẳng. Vậy thì cần phải khóc : khóc bao nhiêu là đỡ khổ bấy nhiêu.

Suốt một hôm ấy, ông bố thì tìm hết lời, lấy hết các lẽ để khuyên dỗ, còn cô con thì cứ khóc hoài. Chẳng biết ở nơi ải xa kia, cái cảnh-tượng họ tranh-danh sâu-sé nhau, máu rơi thấy nát, cái kinh hoàng, sự ghê gớm, liệu có sánh được với nỗi chua xót vì thương nhớ của cha con nàng Trầm hay không.

Dần-dần ông cụ Thu-Trang khéo tìm phương làm cho con gái yêu của ông được đôi phần khuây-khỏa. Mỗi ngày ông thấy con gái yên lòng. Ông biết rằng những lúc này lại để cho nàng Trầm ngồi một mình mà trông thời khắc qua lại là nguy lắm, nên ông cố bày ra việc cùng làm với con. Khi thì dẫn nàng lên núi lấy những cây lạ về trồng, khi thì mua những chim hót hay về chăm chút, khi thì dẫn con ra chợ làng xa nói cười vui vẻ với người Nùng. Trong những buổi chợ phiên này ông tránh nhất là những đám hát đúm của người Thổ, bởi vì cho con xem trai gái đối nhau tình-tự như thế tức là nhắc lòng con tưởng đến người xa vắng ngoài biên. Ai trông thấy ông cụ già xưa nay trầm mặc, dắt một cô con gái ẻo-lả ngày thơ kia đi Lết nơi này qua nơi khác, nào chỉ bảo, nào giảng giải, nào nói cười, đợi cho người thiếu-nữ nhách được mép mà tươi cười ; ai trông thấy thế cũng phải chú ý. Nhưng phần ta là biết chuyện, trông thấy ông lão ần-sĩ chỉ ưa tĩnh-mịch, chỉ ham cảnh quạnh-hiu kia nay phải gắng sức đi khắp đây cùng đó để tìm mua cái vui-vẻ cho con mình ; ta há lại không có chút cảm động ru ? Ông Thu-Trang lo cho chiếc thân già cả, sớm tối không dè chừng được lúc sau cùng thì ít ; ông lo cho con vì quá âu thâm đến nỗi hao mòn vóc liễu thì nhiều. Mà ông lo sợ cho con ông như thế tức là lo cho thân ông vậy. Nàng Trầm chẳng là cái vui thú, cái hy-vọng, cả thân thứ hai của ông đó sao ?

Nỗi buồn rầu của nàng Trầm xem ra mỗi ngày một tiêu tán ; Nàng Trầm không còn ủ-rũ như trước nữa, ông đã thấy nàng

cười nô với chim nuôi trong lồng, đã thấy nàng quẩn-quít nũng-nịu với ông, ông đã được cả cái thú để tay vào cái má mịu màng, vuốt áng tóc mây óng-ả của con gái mà bảo cô ấy rằng :
« Mẹ con có biết chữ.... mẹ con trông rất giống con. »

« Má hồng là mệnh bạc ! » có phải trời xanh vẫn là một giống lạ lùng hay ghen ghét, thích đem cái thế-lực mà đàn áp, đặt khuôn máy sẵn mà xoay vần.... ; cái ông vô-hình vô ảnh kia bao giờ cũng dùng một phương một phép, mà giải trí bằng công hành-hạ cay độc, làm cho tè-tái những đoá hoa ông đã dựng cảnh mà gây dựng nên ; có phải thế đó chăng ?

Cớ sao khổ sở vì chia rẽ chim đôi, cay đắng vì dây tình đứt đoạn... bao bức tranh mệnh-bạc, ai đem phóng lên nhau mà cứ hoài in chỉ bằng ấy nét thâm sâu ?

*
* *

Đêm đã khuya lắm. Trên sườn núi đá cao nãy đến giờ vẫn thấy bóng lả-lướt của một người thiếu-nữ. Trăng mùa đông mây đen giấu kín, cố sức soi chỉ mờ-mờ được một phương non nước lạnh-lẻo mịt-mù. Người thiếu-nữ ngồi trên một mỏm đá tóc tung áo phất, mặc cho gió tát sương sa, mặc thấy cả cái ghê sợ ở chốn rừng cây hiu-quạnh, lòng cô ta bấy giờ bi thảm thái quá, thì có quan ngại chi đến trời đất bấy giờ.

Người thiếu-nữ ấy là nàng Trầm, nhưng không phải nàng Trầm vui-vẻ, hớn-hở như một bông hoa tươi tốt tô điểm cho nơi rừng rú này đâu. Nàng Trầm bây giờ thực là một kẻ tội-nhân đang bị cái cảnh-huống thái ác nó hành hạ.

Từ khi tình-quân nàng ra biên-ải, có lẽ không giây lát nào không lo sợ thay cho chàng. Còn chống cưỡng được với lòng thương lòng nhớ là vì còn chắc cùng nhau có khi xum họp. Nào hay quân ở ngoài biên thẳng trận về đủ gần hết, mà bóng chinh-phu chưa thấy phản hồi : đợi mãi, ngày ấy hết đêm sang ngày khác, con đường lên trại vẫn thấy đứng-

dưng không thêm biết cho mình khổ lòng trông ai. Ông cụ Thu-Trang đã bảy tám lần lên nơi quân đóng, lần nào về cũng thấy ông vôi vàng cười nói để yên ủy lòng con. Nàng đã chột dạ, hình như thoáng ngó thấy cái lúc trời nghiêng đất xut, mà ông cụ thì cứ một mực rằng: «Chẳng hề chi cả con ạ. Đội quân sau còn lo tập ngũ phải kiểm soát kỹ cho biết số đủ thiếu đã chứ... thế thì chàng Tuấn của con về trước được sao!» Mấy hôm sau quả có đại-đội kéo về, ông cụ lại lên rai, lần này lại như lần trước: chàng Tuấn chưa thấy phản hồi! Nàng Trầm tái hân mặt đi, ông vôi vàng dắt nàng từ ngõ vào nhà vừa đi vừa dỗ: «Nhưng con cứ yên lòng, con ạ... Cha thấy nói hình như còn một đội nữa ở ngoài biên.»

Phải, còn, ở ngoài biên còn một đội nữa thật. Đội ấy chưa về... đội ấy không đời nào về cả! Tức là đội binh chết trận, thây phơi nơi *chiến-địa*, sằng ván là áo máu, mồ mả là đất hoang; người khóc người chiêu là những trận cuồng phong gầm rít, hay là mấy đàn quạ đói quang-quác bay trên lưng chừng trời, Chàng Tuấn không về, tất chỉ là quân trong đội khốn nạn đó! Ông cụ Thu-Trang hết cách giấu không cho nàng biết. Nhưng chao ôi! con mắt ái-tình nó sáng suốt một cách hại người lắm! Ông dẫu không nói, nàng cứ xem những câu trả lời hốt-hoảng, những nét mặt vui-vẻ ngượng-ngập kia cũng đủ biết cái cơ cay độc thực đã đến nơi!.... Thôi! đoàn-viên, Thôi! mộng tưởng, thôi! hạnh-phúc, thôi! ái-ân. Nay thì khỏi lòng tan, ảnh lòng biến, dài mây đỏ, thôi thôi! còn gì?

Nàng Trầm không thể nào nén lòng được nữa, tâm huyết hình như bị ứ nong những điều khổ thảm. cái tin biên-ải cũng bố già đi kiểm về kia khác nào mũi tên độc cắm vào trong ruột. Sau khi nói được có hai tiếng: «Trời ôi!» nàng liền ngã ngất người vào trong tay ông cụ.

Ông Thu-Trang lúc đó trông đáng thương hại quá, mặt mày dãn-deo, hai má phều-phào. như muốn nói gì mà không nói

được. Đôi con mắt đã khô khan vì tuổi tác, bấy giờ nước mắt cũng chứa-chan.

Từ hôm đó, cô con gái kia không còn tâm-tĩnh người khôn nữa. Ông cụ từ hôm ấy cũng bị ốm nằm một số, gương dầy được lúc nào lại lóp-ngóp đi lên núi dất con về. Nàng về nhà thấy cha nói nhiều lời ảo-não mới lại tỉnh dần lại, mới lại biết thương cha. Cơm cháo gọi là cho yên lòng ông rồi đợi đến đêm khuya những lúc ông già ngủ đi vì mệt, nàng lại lên núi. Đêm nào cũng thế, nàng lên núi tắt tìm đến mỏm đá ngồi đấy có thể trông thấy con đường lên tỉnh Lạng, là nơi có in vết chân chiến-sĩ vẫn đi về. Ngồi đấy lại được nghe thấy nước suối dóc-dách cùng họa với tiếng nước-nở trong kỳ tiền-biệt đêm xưa.

Bây giờ nàng Trầm đã biết người yêu vong mạng ngoài biên-ải, trong lòng đã tắt hết lửa trông mong; nàng phải mượn con đường ấy, tiếng suối ấy nó giúp thêm vào tấm hình-dung-ảnh, để cho nàng tưởng-tượng ra những cảnh êm-đềm không hề có được bao giờ.

Tự con đường xa lắc kia, có lúc nàng trông thấy chàng Tuấn hoặc đi chân, hoặc đi ngựa, đầu chàng đội nón nửa, mình chàng mặc áo nhung. Nàng sẽ ở trong nhà chạy ra, cất nón và phủi áo cho chàng, rồi lon-ton chạy đi dọn cơm nước. Ăn uống xong đâu đấy nàng sẽ cầm tay tình-quân mà nói hết điều nọ tới điều kia, chàng sẽ ngọt-ngào ân-cần trả lời lại. Rồi kê vai mà nghe chim rùng hót, kê vai mà nghe gió rùng reo... Hay là dắt nhau ra bên khe mà xem suối chảy, hay là đi vào làng mà xem đám hát chợ-phiên; hay là chẳng đi đâu cả, chỉ ngồi trong nhà mà nhìn nhau, mà nỉ-non, mà yêu-mến, mà âu-yếm: thế cũng đủ sung sướng rồi..... « Sung-sướng thay! Tình quân ăm thiếp, tình-quân dỗ-dành thiếp, tình-quân mỉm cười mà trông thấy thiếp nũng-nịu, hay hỏi chàng những câu này... với những câu này... »

Thế nhưng gió lạnh đã vội thổi hồn mê mộng, tiếng suối xa

chỉ là tiếng khóc than dưới ánh trăng mờ, nẻo đường trăng vẫn vắng, vẫn xa, vẫn mặc lòng người thơ-thần! Nàng chợt thôi cơn mơ-tưởng, chợt nhớ lại rằng mình không ngồi với chàng Tuấn, mà chính là đang tựa vào hòn đá rêu lạnh ngắt bên mình. Liền ơ-thờ lấy tay ấn đá ngồi thẳng dậy, ngảnh mặt nhìn lên trời nâng-nấc lên mấy cái, rồi ngậy thơ mà nói rằng: « À, thế ra không phải; thiếp mê-mẩn chàng Tuấn của thiếp chết rồi kia mà! Tội nhục cho em lắm chàng ạ! chàng có nghe tiếng em khóc hay không? » Thế là nước mắt cứ ràn-rụa rỏ, nàng lại cứ sụt-sùi: « Tình quân của em có biết cho không nhỉ? — Có biết em khóc đây không? »

Nếu chàng Tuấn của nàng không biết cho người bạn yếu ớt đáng thương kia đang than khóc náo-nùng như thế, thì trời đất ấy, cỏ cây non núi ấy — dữ tợn thì dữ tợn — cũng phải nẩy lên có tri giác mà âm-thầm với nàng.

Trong lòng nàng lúc đó thực là đau đớn quá, cái đau đớn nhất bầu trời mông mênh rộng-rãi có lẽ cũng chưa đủ to tát mà chứa hết được nỗi tê-tái của nàng. Thở than chán lại khóc, khóc chán rồi lại thở than.... có lúc những lời dầm-đìa lệ máu, ấy nàng nói ra ai oán quá rồi vô tình hát lên những câu rất véo-von. Ôi! lời văn rùng rú, chập-chờn trong một chốn cảnh-vật âm-u; mà tiếng ai khóc từ tâm can kia, há chẳng phải là giọng hót sau cùng của con chim xanh hầu tắt nghỉ!

Gió càng khuya càng thổi mạnh, nàng Trầm đã thấy rời-rã cả người. Trông ra không biết vì mắt hoa hay sương phủ khắp đó đây không rõ được hình ảnh chi chi. Nàng lại gục đầu xuống tựa má lên trên mô đá bên cạnh tiếng nói cứ dần-dần thêm khế, bình như làm cái mực thước để đo cái sức nàng chống cự với lúc lâm-chung:

« Tình-quân cũng đã là chồng thiếp. Chồng thiếp là người thiếp yêu, thiếp quý, thiếp bầu bạn cho đến lục tuổi già Nhưng đau lòng thay! Bây giờ chồng thiếp lại bỏ thân nơi gió cát

tận ngoài biên xa tít mù khơi....! Có phải vì số kiếp của thiếp không được thờ người quân-tử, nên có cả lòng mong muốn, trời kia mới thưởng cho được cái tủi cái cực này chăng ? Tủi lắm tình-quân ạ, nào em có biết phương nào là phương chàng yên giấcem mà biết được thì quyết lòng đi đến em sẽ đào lấy đất, đất lấy cỏ, là những vật đã dướm máu của chàng. Em đem nó về nhà trải lên giường nằm độn vào chăn gối để cho cái thân thiết thời này vẫn được gần hơi thở của tình-quân...»

Nàng nói đến đấy, trong cổ như nghẹn vì máu uất, gắng hút mạnh hơi sương vào đầy ngực, vừa sẽ lắc đầu vừa ngược mắt rông về phía nhà ông Thu-Trang :

« Thiếp không được phép có chồng như mọi người bạn gái : Trời chỉ đem người thương yêu của thiếp mà hứa đổi thiếp, mà đánh lừa thiếp rồi lại cất ngay về. Thế cho nên thiếp chẳng biết làm thế nào, thiếp chỉ biết khóc. Nhưng cha thiếp không muốn cho thiếp khóc...Cha thiếp hiện nay đang ốm, thiếp muốn vui vẻ để chăm nom yên ỷ cho cha thiếp yên lòng..... nhưng vui vẻ mà có được, thiếp trông thấy cha lại cứ bắt cha tìm phương gì gọi được chàng Tuấn trở về ! Cái sự điên rồ ấy chỉ làm cho cha thiếp khổ. »

Hơi thở nàng đã ngắn, nước mắt đã cạn dần. Trên nét mặt bi ai đến cực-điểm của người thiếu-nữ lại hình như thoáng qua một nét cười chua-chát, nét cười phản kháng chứa chất không biết bao nhiêu điều căm hờn mà mai mỉa cái cách chơi khắt-khe của tạo-hóa-nhi.

Mấy phen nàng-lấp bắp như muốn kêu gọi, mấy phen nàng cố đưa tay ra như muốn đón lấy ai, nhưng nào có ai đâu, trong cái chốn cảnh âm sương gọi, chỉ tro tro những hình-thù bí mật lảng lảng mà thương người thiếu-nữ đang lịm say một giấc điệp sau cùng.

Hai hôm sau, những người Thổ đi ra chợ Thành, tất gặp trên con đường lên tỉnh Lạng một người thiếu-niên chiến-sĩ

đang đảo bước về làng. Người ấy là chàng Văn-Tuấn. Chàng mới chốn thoát khỏi tay quân giặc bắt, vội vàng về đây để tìm người hứa nghĩa sắt cầm. Trong lòng chàng vui mừng lắm. ôi ! vui mừng đến lát nữa sẽ gan mà gào khóc, mà đau đớn tuyệt-vọng ở bên giong suối-lệ còn vắng đưa biết bao nhiêu lời oán hận ta-thán !

NGUYỄN-THẾ-LỮ

Lời giới-thiệu. — Ông Nguyễn-thế-Lữ, Tác-giả bài tiểu-thuyết « Suối lệ » trên đây là một nhà thiếu-niên rất nhiệt-thành với quốc-văn và có biệt-tài về tiểu-thuyết. Hai cuốn tiểu thuyết của ông xuất-bản mới đây rất được hoan-nghênh, là : « Một truyện báo thù ghê-gớm » giá bán : 0\$16 và « Liếng hú hồn của mẹ Ké » giá bán 0,20. Ông cũng có dịch hai cuốn tiểu-thuyết cũng hay lắm, là : « Bước đời ăn cướp », giá bán : 0\$30 và « Mẹ-min », chưa xuất bản.

Những sách của ông Nguyễn thế-Lữ đều do Tân-Dân Thư-Quán xuất-bản

LỜI CẢM ƠN

Sách xem Tết Canh-NGO của Tân-Dân Thư-Quán được các bạn đồng-chí cho nhiều bài quá mà bài nào cũng rất hay, giả thử đem in làm ba cuốn cũng còn thừa bài. Bản-quán xin có lời trân-trọng cảm ơn.

Ông giáo MAI-PHƯƠNG — các bạn độc-giả còn nhớ tác-giả bài tiểu-thuyết « Giọt máu rơi » in ở Sách xem Tết năm Mậu-Thìn — cho bản-quán một bài tiểu-thuyết rất hay, nhan đề là « Nợ đời », hay lắm, mới lần n, chỉ tiếc rằng quá dài, in ra đến 80 trang ! Vậy xin đề dành lại để in riêng thành sách.

TÂN-LÂN-ÔNG cư-sĩ cũng cho rất nhiều bài, mà bài nào cũng rất hay rất hợp cảnh Tết, bản-quán đã đề riêng mấy bài sau đây để in thành sách xuất-bản trong tháng giêng này :

- 1 — Tú Xuất chơi tết (Hoạt-kê tiểu-thuyết)
- 2 — Ngày Trừ tịch (Tiểu-thuyết)
- 3 — Trần ai, ai với ai ? ! (Tiểu-thuyết)

Tân-Lân-Ông Hí-Mặc

Xuất khẩu thành chương

Ba nhà nữ-sĩ hay xem sách quốc âm, không học ai mà tự-nhiên ai cũng biết làm thơ cả. Dã-Fung nữ-sĩ cầm cái ảnh mình vừa, ngẫm vừa đọc :

*Trông người coi cũng tình,
Con mắt liếc mới xinh;
Ta nghĩ ai (?) chẳng hóa*

— Minh

Trào-Phúng nữ-sĩ thấy bạn mình làm thơ thể cho là lẳng-lơ, bèn đọc rằng :

*Rõ khéo thật nực cười,
Rừng mạch vách có tai,
Gái đâu có gái thể?*

— Dơi

Bi-Quan nữ-sĩ thấy Trào-Phúng nữ-sĩ tính cách cũng chẳng kém gì Dã-Dung nữ-sĩ mà lại làm bài thơ chế bạn, thòi tức, nên đọc rằng :

*Ai cũng như ai cả,
Mà chỉ bới nhảm ra;
Loài người đâu có thể?*

— Ma

Ngâm thơ đuổi khách

Bác Kỳ-Lân vốn người hiền-lành mà lại con nhà Văn-sĩ, bác Tham-Lang là cậu Ấm sứt vôi nổi tiếng vô-hạnh hay bằm ăn bằm chơi lường thầy phản bạn. Máy lần Tham-Lang đến nhà Kỳ-Lân tiên-sinh chơi, Kỳ-Lân vẫn không muốn tiếp, song chưa có điều gì không có lẽ gây sự mà trực Tham-Lang thòi bất-tiện. Năm

nghĩ một đêm được một bài thơ yết-hậu, ngày mai Tham-Lang ta đến, Kỳ-Lân pha nước nói chuyện thơ văn rồi bảo rằng :

— Thưa ngài tôi mới nghĩ được bài thơ yết-hậu mà không biết mệnh-đề thế nào, ngài là người hoạt-bát xin làm ơn cho cái đầu-bài.

Tham-Lang đặc-chỉ :

— Được, xin đọc cho nghe, tiểu-đệ bất-tài, cũng cố mà nghĩ, xem có chiều ý quan-anh được chăng ?

Kỳ-Lân sửa giọng đọc rằng :

Sao cứ ăn không cùng nói có ?

Nay đi lường gạt mai tiên-xử ;

Loài người ăn ở thế được ư ?

— Chớ !

Tân-Dân Thư-Quán sẽ xuất-bản nhiều sách do Tân-Lân-Ông soạn, dịch. Các bạn đọc-giả nên chú-ý.....

CÂU CHUYỆN CŨ

(Đào-kê già-sử)

Tờ huyết-thư trong cái đầu-lâu

Năm Nhâm-Dần, đời vua Thiệu-Trị thứ hai (1842) tại thành Hà-nội có xảy ra một chuyện rất lạ, là một ông quan, trước có làm Tri-huyện, chết đã được năm năm, người nhà làm lễ cải táng, khi đào huyết, mở áo-quan để bốc xương sang tiểu, bắt đầu nhặt cái đầu lâu thấy vỡ ra làm đôi, và ở trong có một vật gi hình tròn rơi ra, những người bốc mộ lấy làm lạ, cầm lấy xem thì thấy là một viên sáp ong to bằng quả ổi con.

Thấy vậy ai nấy lại càng lấy làm lạ, bảo nhau bốc hết xương sang tiểu đem chôn ra chỗ khác, rồi bốp viên sáp ra xem, thấy

ở trong có một tờ giấy gấp nhỏ lại, sẽ mở ra xem, thấy có mấy dòng chữ viết bằng máu như sau này :

« Hai người người hại, đạo trời không sai, cha ta tuổi yếu mình già ở nơi đất khách, làm gì nên tội, mà mày nỡ lòng vu-hãm để cha ta phải chín tuổi ngậm oan. Thù sâu như bể, không đội trời chung, nên ta phải quyết ra tay báo-phục. Trong ba năm trước đáng lẽ ta giết chết mày ngay, nhưng thấy mày còn chút mẹ già, mà mày lại không có con nối, nên ta hãy khoan cho mày, để được thờ mẹ già cho trọn đạo thần-hôn, nay mẹ mày đã xa chơi tuổi vàng, không còn có điều gì đáng khoan cho mày nữa nên ta phải giết. Ta giết mày, ta lấy đầu mày, đáng lẽ quăng bỏ vào nơi ngòi rãnh, cho cá tôm ăn. Nhưng sau khi ta đã đem tế mộ cha ta rồi, vì chút lòng nhân, muốn cho mày được toàn thi-thủ, nên ta lại quăng trả vợ con mày. Than ôi ! Sao thân xiêm áo, mà lòng chim muông, hồn mày có thiêng cũng nên biết ta giận mày bao nhiêu, ta lại tiếc cho mày bấy nhiêu vậy ».

« Người có thù : Nguyễn-thị-Phương ».

Khi viên huyện chết người ngoài cũng có nghe tin là bị giết, nhưng vì người trong nhà giữ kín chỉ nói là bị bệnh mà chết, nên không ai biết rõ sự tình, lâu ngày cũng không ai nói đến nữa, mãi đến lúc ấy vì những người cắt má nhật được tờ huyết-thư ấy, mới biết viên huyện ấy khi chết quả là bị giết, người nói thế nọ, kẻ nói thế kia, nhưng cũng không ai rõ được cái chân-tướng ra thế nào; nhà sự-chủ thì chỉ có bà huyện là phân đàn-bà, không có người đứng ra báo án, cứ im đi như không, nên việc ấy vẫn mờ-mịt như đám mây mù, khiến cho lòng người thêm mãi cái mối nghi ngờ, không sao khám phá ra được.

Cách độ ba năm sau bỗng có một ông lão vốn xưa có đi giúp việc quan cho viên huyện ấy, nhân khi ngồi chơi nói chuyện, một người lại nhắc đến chuyện ấy, và tỏ ý lấy làm tức là một

cái án ly-kỳ như thế, thủ-phạm đã xưng tên, mà đành chịu thối án. Ông lão ấy bèn nói ra rằng :

— Cái án ấy tôi đây cũng có biết đôi chút là vì khi ấy tôi ở giúp việc quan cho ông huyện, lúc bà cố mồi, ông huyện dẫu cáo quan về nhà, vẫn giữ tôi ở lại trông nom. Một hôm đêm đã khuya, ông huyện đang cùng tôi ngồi bàn việc nhà, bỗng đứng lên đi giải, vừa ra tới đầu nhà, thì thấy kêu lên một tiếng « ối ! » rồi thấy ngã lăn xuống. Tôi hoảng quá, vội chạy ra xem, vừa đi đến nơi thì tâm thần choáng-váng chân tay rụng rời không còn hồn vía nào nữa, vì thấy ông huyện bị ai chém chết lăn ra đó, máu chảy lênh-láng khắp mặt đất, tôi cố định thần ai, rồi hô hoán lên, bà huyện và người nhà nghe tiếng cũng chạy ra xem, thấy ông huyện bị chém đầu mình rời ra, mà lạ quá cái đầu thì biến đâu mất, tìm mãi không thấy, chắc là hung-thủ lấy đem đi mất rồi. Bà huyện khóc lóc một hồi, rồi bảo khiêng thi-thể vào trong nhà, cho gọi họ hàng đến bàn định việc trình báo thế nào. Nhưng gặp lúc ấy kinh-thành đang có việc, ai nấy bàn hãy chôn cất cho xong và hãy giữ kín rồi sau sẽ liệu. Lại lạ nữa, chừng vào giữa canh năm, ai nấy đang bàn bạc, bỗng thấy có vật gì ở ngoài vụt vào trong sân đánh « bịch » một cái, có mấy người chạy ra xem, thì là một cái đồ tre có dóm máu, cùng nhau cầm lấy ngó xem, bỗng đều kêu rú lên, vì thủ-cấp của ông huyện đang ở trong ấy, vội phá đồ ra lấy, thì thấy cái sọ vỡ và có dính tro, vì tròn đồ có đựng đầy tro, đã ướt đẫm những máu. Bấy giờ ai nấy bảo nhau là hung-thủ vụt giả, vội bảo nhau chia lối đi tìm bắt, nhưng sục tìm hế nơi không thấy gì cả, đành phải quay về, đem thủ-cấp hợp vào thi-thể, ngay hôm sau lo việc tổng táng cho xong, từ đó bà huyện sợ bỏ đi ở chùa, còn họ-hàng chẳng ai muốn mua việc, nên cái án mạng ấy thành ra bị mai một. Về phần tôi lúc ấy hai ba lần có báo bà huyện đem việc ấy tố cáo với quan trên, nhưng bà huyện là người nhút-nhát, sợ lại sinh việc lòi-thối, và không biết rõ ai là hung-thủ, nên cứ lần-lữa, lâu

dần rồi thôi. Sau khi việc ấy xảy ra, tôi cũng như mọi người, nghĩ hung-thủ chắc là tay ghê gớm nào kia, ngờ đâu đến khi bà huyện ở chùa về lo cất mộ cho ông, định đem ký táng tại chùa, lúc cất lên trong đầu lâu lại thấy có tờ huyết thư nhét trong viên sập ấy, thấy lời trong thư nói, mới biết là một người con gái báo thù cho cha. Nguyễn thị-Phương là ai? Người ở đâu? Cha nàng là người thế nào? Cái thù giết cha của nàng ra làm sao? Tôi nghĩ mãi không ra và có hỏi nhỏ bà huyện, thì bà cũng nói là không biết. Lạ thay!

Việc này là việc bí-mật, mà người chủ động trong việc này cũng là người bí-mật. Việc bí-mật, người bí-mật, người sau còn dò xét đầu cho ra. Chỉ biết Nguyễn thị-Phương là người hiếu-nữ, vì một cái thù không đội trời chung, đã liều mình báo phục một cách can-dảm ghê gớm như thế, thực là đời xưa mấy mặt đời này mấy gan. Lại đáng khen nữa là thấy kẻ thù còn có mẹ già, chờ cho được thờ mẹ trọn đạo thần-hôn rồi mới giết chết, thực lại là người có đủ *nghĩa dưng* vậy.

LONG-THÀNH

VĂN KHÔI-HÀI

Nghĩ râu mà ngán cho râu

Ông Tham « trụi » không biết râu có quặp hay không, nhưng đầu ông lúc nào cũng nhẵn bóng như câu chuyện « ông sư bà vãi » và râu ông không để đến lún-phún bao giờ... Một hôm ông đang cạo râu, cậu con hỏi : « Sao Ba không để râu tây như chú Ách có đẹp không? » Cô con gái ông, bế con ngồi rìa đấy, cũng nói : « Cậu nó nói phải đấy ông ạ! người ta trai-trẻ cạo râu đã đành ; ông nay đã ngoài năm mươi tuổi đầu còn cạo râu thì trông trơ-trẽn lắm ông ạ! trơ-trẽn phải không em, ầu! » Ông động mỗi thương tâm rướm-rướm nước mắt, nói : « Hai con

không rõ : Ba nay lại chả muốn để cái râu cái ria cho đứng-
dẫn ư ? Tóc còn phải cạo hưởng hồ là râu ! Khốn vì mỗi bận
Ba xuống xóm dưới về mẹ con rống lên, thì râu nào mà mọc
được ! Thà rằng chịu dơ-dáng còn hơn là khổ thân ; mỗi lần
Ba cạo, một cái râu là một giọt lụy sa ! ».....Cạo xong ông
bế cháu lên vồng lấy đầu quạt gỗ vào cột, tay châu, miệng hát
rằng :

MUỖU

*Nghĩ râu mà ngón cho râu,
Đã ngoài năm chục tuổi đầu rồi đây ;
Vì ời mang tiếng mặt đầy,
Râu sao râu khéo dọa đầy mấy râu ?*

NÓI

*Nghĩ ông mà ngán !
Ngoài năm mươi mà chưa dám để râu.
Tiếng « bắt nghì » ai khéo đặt nên câu,
Ông cũng chẳng sợ đeo bầu, chịu tiếng.
Để tóc làm chi cho bất tiện,
Cạo râu đi quách kéo thêm rầy.
Sợ những khi giao chiến với bà mày ;
Tay nắm tóc, còn tay râu soán lấy !
Đau-đớn ấy, ê-chề nhường ấy,
Thời cạo phăng như vậy hóa mà hay !
Cháu ơi ! cái kiếp râu mày !*

HOÀNG-QUẢNG-ĐỨC

Cô Thúy-Kiều với cậu Từ-Hải

Ai xem truyện Kiều cũng nói rằng : Cò Kiều trải bao phen
lưu-lạc gian truân, khi gặp được cậu Hải thì thật là :

*Trai anh hùng, gái thuyền-quyên,
Phỉ nguyện sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng.*

Nhưng tôi thì bảo là đôi ấy lấy nhau không được xứng đáng ! Sao vậy ? Vì cậu Hải cao những 10 thước mà thân cô Kiều đào thơ liễu yếu, bất quá cao đến 5 thước là cùng. Cô đứng chưa đến thắt-lưng cậu, giá mà dắt nhau đi rong phố (như phần nhiều các me bây giờ) thì trông cũng nực cười ! Vậy sao lại cho là vừa lứa ? Lại còn râu cậu là râu hùm, râu hùm tất cứng, thiết tưởng đôi má mảnh-bầu của ai phải sầy da chảy máu về bộ râu chồi-sẻ vậy. Như thế sao lại bảo là đẹp duyên ?

Trăng già độc-địa làm sao,

Xe thân bồ-liễu, lấy anh chàng cao như sếu trời ;

Râu hùm mới khổ ai ơi !

Hôn nhau thì lại bằng mười cắn nhau !

Tham chi cái miếng sang giàu !

HOÀNG-QUẢNG-ĐỨC

CÚC-NƯƠNG

— Thế nào, bác đương làm cho báo Nam-Thanh ở trong ấy kia mà ! Sao tự nhiên lại quay đầu ra Bắc mà không cho biết nguyên-cớ vì đâu ?

Phạm-quân nét mặt đương âm thầm buồn muộn, thấy tôi hỏi liền thở dài một tiếng rất náo-nùng bi-đát, sắp định nói gì nhưng lại thôi không nói nữa. Sau lặng yên trong mấy phút đồng-hồ mới từ-từ móc ở túi ra đưa cho tôi mảnh giấy thép có mấy chữ sau này :

« Phạm-hoài-Châu Nam-Thanh Saigon »

« Em sắp lìa trần, chào anh ở lại. »

« Cúc-Nương »

Thôi chắc vì mảnh giấy thép này mà anh tái đảo Long-thành rồi. Nhưng Cúc-nương là ai ? và Cúc-nương đối với Phạm-quân quan-hệ thế nào ? ấy là điều tôi muốn biết. Tôi đã định hỏi hì anh liền nói trước ngay rằng :

— Bác không cần phải hỏi, tôi sẽ xin nói chuyện bác nghe. Bác chỉ là vì hiếu-kỳ mà muốn biết. Nhưng tôi đây mới thực cần phải nói ra cho hả bớt cơn sầu. Cúc-nương chỉ là một gái ả-dầu mà thôi, bác ạ.

Nhưng ả-dầu mà nghĩa-khí hơn đời, tài-hoa lỗi-lạc thì dù ả-dầu mà cũng vẫn là một cái vưu-vật quý giá vô cùng. Cúc-nương nay đã chết rồi, tôi về chỉ kịp đi thăm mộ, càng nghĩ đến mà càng như xé tấm can-trường, càng nhắc lại mà càng thêm sui lòng ngo-ngẩn !

Tôi quen biết Cúc-nương tính ra mới được năm tròn, mà gặp gỡ thì chỉ có một lần thôi, bác ạ. Một lần gặp gỡ mà gá nghĩa tất giao, một đêm chuyện-trò mà nên đôi tri-kỷ, Cúc-nương không những là một gái chung-tình có một, song thực lại là một kẻ có nghĩa khí không hai. Hôm tôi đến chơi nhà nàng, chính là trước hôm ấy cũng chỉ vì buồn bực trong lòng mà muốn tìm thú yên-hoa cho tiêu sầu giải muộn. Tôi có mang theo cả va-ly định tìm chỗ ngủ một đêm để sáng hôm sau ra tàu sớm. Ai ngờ lại lạc bước đến chơi nhà nàng để gây nên tình duyên từ đấy. Nhà thì cũng trang-hoàng như nhà những chị-em khác, song xem ra vẫn có vẻ nhã-dạm thanh-khiết hơn nhiều. Còn nàng thì người trạc nhị-tuần, hình-thù nhỏ bé, nhan-sắc xinh tươi, nhưng tịnh không thấy có chút gì là son tô phấn điểm cả. Khi ra tiếp tôi thì cũng không có vẻ đậm-đà vồn-vã hoặc có dáng uốn-éo trai-lơ như chị-em đồng-nghệ. Tôi thấy người như thế đã lấy làm chú-ý, nên bất-giác liền quên mình là khách làng chơi mà cũng muốn gột rửa cho hết những cái tà-tâm ác-tưởng để học thêm lấy một bài học tâm-lý ở đời. Tôi không hát không rượu, chỉ bảo pha ấm chè tàu mà cùng nàng đối ẩm. Uống xong hớp nước tôi liền quay sang bảo nàng rằng :

— Tôi vốn vẫn là một khách làng chơi, nhưng hôm nay lòng có sự buồn, chỉ muốn nàng có thể tạm thời quên mình là gái hồng

lâu mà cho tôi được hưởng một vài cái lạc-thú cao-thượng thì hay lắm.

Nàng mỉm cười mà đáp lại :

— Muốn hưởng thú cao thượng tất phải tìm người cao-thượng chứ thú cao-thượng đâu sẵn có được ở trong xóm yên-hoa. Hay hoặc quan muốn hát chẳng ? em sẽ xin hát để quan nghe nhé !

Dịp phách, cung đàn, câu ca, tiếng hát, vốn vẫn là cái ca thú ở đời có thể di-dưỡng được linh-hồn tình-tính. Nhưng ít lâu nay kẻ đi mua hát phần nhiều chỉ nhân đấy mà tầm thú gió trăng và người ngồi bán hát chẳng qua cũng chỉ lợi dụng cung đàn mà bán điều hoa-nguyệt, thì sự hát ả-đầu dù sao cũng không khỏi cho ta có chút bi-quan mà sinh lòng chán nản.

Cúc-nương liền nghiêm sắc mặt lại mà trả lời tôi rằng :

— Vâng, quan dạy thế em cũng xin vâng rằng thế. Dù lời quan nói có trọng đến tận lòng tự-trọng của chúng em, song em cũng lượng biết là những lời trung-ngôn, mà không dám trách quan nói tệ. Tuy-nhiên, em vẫn lấy làm tiếc rằng quan chưa gặp được vài người tư-cách thanh-kỳ ở trong xóm yên-hoa, để cho quan khỏi phải bình-phẩm các đồng-loạt chúng em bằng một cách quá-ư nghiêm khắc như thế. Phong-tục bây giờ dù không được thuần-túy như xưa, nhưng « Tạo-hóa thừa trừ » lẽ đâu lại chẳng cho có một vài kẻ hay ở trong số đông người dở ?

— Nghe lời nàng nói cũng biết nàng là kẻ có học-vấn kiến-thức, song càng thế lại càng lấy làm tiếc-rẻ cho nàng, nay đã ở vào xóm Bình-khang, dù sao cũng chẳng tránh được cái ảnh-hưởng xấu-xa của hoàn-cảnh.

— Như quan nói thì chỉ có hoàn-cảnh là truyền được ảnh-hưởng đến người ta, mà người ta thì không thể nào hoán-cải

lại được hoàn-cảnh ru ? Em thiết tưởng, người mà đã có tư-cách hơn đời thì dù ở vào cái hoàn-cảnh ô-trọc thế nào cũng giữ được tiết sạch giá trong mà có khi lại còn cảm-hóa được những người lân-cận theo vào con đường chính-đại quang-minh nữa.

— Mãi nghe nàng thuyết lý cũng đã thấy cảm tình, vậy nay có thể cho ta biết được cái thân-thế cảnh-ngộ và những chí-nguyện bình-sinh của nàng, thì ta mới khả-dĩ tin được lời nàng vừa nói.

Tôi vẫn tưởng nàng thấy hỏi thì tất nói ngay, nhưng nào ngờ nàng lại trả lời một cách làm cho tôi thất-vọng vô cùng :

— Kể quân-tử không buồn rằng người không biết mình mà chỉ buồn rằng mình không biết người mà thôi. Huống em đây, thân-thế là một gái ả-đào còn ra gì mà mong nói cùng người cao-sĩ.

Tôi lúc đó mới hỏi làm sao, càng nghĩ càng giận mình con mắt không tinh để đến nỗi nay đã chịu điều thật-bại. Nàng thấy cái thái-độ tôi lúc ấy, ý hẳn cũng lấy làm thương tình, nên liền tiếp nối :

— Trộm xem cử-chỉ cũng biết quan là bậc người quân-tử, trộm nghe ăn nói cũng rõ quan là hạng khách thanh-cao. Quan hạ-cỗ đến nhà em đã là một điều vinh-hạnh. Nay quan lại quá yêu mà hỏi đến thân-thế chí-nguyện em, thực em lấy làm cảm-kích khôn cùng, lẽ nào lại dám phụ lòng cho cam.

Nhà em nguyên dòng thi-lễ, mà chính em đây cũng đã từng học đạo Trinh, Chu. Cửa nhà bần-bách sau lại gặp lúc thân-phụ quy-tiên, em liền quyết chí đi học hát để mưu kế sinh-nhai và để nuôi dưỡng mẹ già. Trước em thường đọc sách cổ-nhân, thấy nói nghề hát ả-đầu cũng là một nghề tao-nhã, cho nên em mới lạc bước vào đây để chịu đỡ cho chị-em một phần dư-luận nghiêm-khắc của công-chúng. Mới đầu, em chưa biết rõ được cái hoàn-cảnh của em, em cũng bỷ-hững mừng-thăm rằng sẽ

nhân cái địa-vị của mình mà thời thường được giao-tiếp với những bậc mặc-khách tao-nhân. Về sau hiểu rõ được cái hoàn-cảnh của mình em cũng đã hơi lấy làm buồn rầu chán nản.

Nhưng lại nghĩ đến truyện ông Mặc-tử khi xưa « khổ thân làm việc nghĩa », dẫu lúc thiên-hạ đã bỏ mất cương-thường, thì em lại muốn lợi dụng cái hoàn-cảnh của em mà thực-tiến lấy đôi điều nguyên-vọng. Chị-em đồng nghệ của em nay đã làm sai mất dấu vết của tiền-nhân để lại thì bổn-phận em nay là phải cố sao mà khôi-phục lại được trong muôn một lấy cái nền-nếp xưa kia. Dù em không dám hy-vọng sẽ có thể hoán-cải lại được cái hoàn-cảnh ở chốn Bình-khang này, nhưng em cũng mong sẽ có chút ảnh-hưởng đối với một vài người chị-em thân-cận, ngõ-hầu có thể gây được cho xóm yên-hoa lấy một đôi người đủ giữ lại cái thanh-giá của nghề-nghiep.

Sau nữa em lại còn muốn có được đôi chút bổ ích đối với xã-hội đồng-bào, dù nhiều kẻ cho em là ngông cuồng rồ-dại, nhưng em vẫn mong được có người thực-giả tri-âm. Em thiện nghĩ : Quan-viên đi hát, ngoài những hạng phàm-lưu tục-khách. bao giờ cũng vẫn có những bậc chí-khí anh tài, hoặc bị đủ-dê mà ngang-tàng phóng-đăng, hoặc bởi ngông-cuồng mà lãng phí ngày xanh, hoặc vắng mặt tri-âm mà vọng-động tự-khí, hoặc vắng người tri-kỷ mà bán rẻ công-danh.

Đối với những người như thế, em tất phải dùng lời nghĩa khí mà cảnh-tỉnh thiết-tha, hoặc dụng tình chân-thật mà cố-công cảm-hóa làm thời em lại có khi mang tiền tài mà giúp đỡ kẻ quân-tử cố-cùng, hoặc mang cơm áo mà cấp-dưỡng cho bậc anh-hùng hoạn nạn

Những công việc em làm em cũng không cần ai biết, nhưng nếu em đã dùng cái nhan-sắc tâm-cơ của em mà khiến cho xã-hội lại tìm thêm được một vài người nghĩa-tử lạc đường, thì dù em có phải hy sinh cái danh-tiết một đời của em, em cũng không lấy làm khổ-tâm, quan ạ

Tôi nghe nàng nói mà luống giao-giại cảm-tình, càng nghĩ đến những lời đã nói ra trước mà càng thêm hối hận. Sau liền kiểm lời ta lỗi và ngổ ý rất lấy làm tiếc rằng gặp nàng khi muộn vì hôm sau đã là ngày tôi phải đăng-trình thượng-lộ.

Nàng có ân-cần hỏi tôi về những chí-nguyện bình sinh thì tôi cũng lấy tình thật mà nói cho nàng biết cái mục-đích tôi vô Nam chuyển này. Nàng liền ra vẻ vui mừng mà nói lời đáp lại :

—Nghề làm báo không những là một nghề có giá-trị ở xã-hội ta ngày nay, nhưng thực ra lại còn là một nghề rất có bổ ích cho quốc-dân đồng-bào trên con đường văn-minh tiến-hóa nữa. Nhưng phạm cái gì có ích hẳn hoi mà dùng làm tất cũng không khỏi có điều ác-hại. Báo mà ích cho đời cũng còn chờ ở tư-cách người viết báo. Như ý-kiến hẹp-hòi của em thì kẻ viết báo không những là kẻ có chân-tài thực học có kiến-thức hơn đời, nhưng lại còn phải là người có nghĩa khí công-tâm, không để cho thể lợi hư-danh nó thao-túng được mình, mà chỉ biết tận tụy cần lao làm việc cho nhân-quần xã-hội. Ấy cái thiên-chức của người viết báo như thế, mà em thấy có kẻ cũng mang cái danh-từ « trợ-bút » « ký-giả » cho báo này báo khác mà học-thức hẹp-hòi, tư-tưởng vụn-vặt, cử-chỉ thì như kẻ thất-phu, hành-động thì như phường tục-tử... thật em càng nghĩ càng ngao-ngán cho báo-giới nước nhà. Nay anh vào làm báo, em dám hy-vọng cho văn-học nước nhà có thêm được một người kiến-tướng, và cho quốc-dân Nam-Việt thêm ra được một kẻ anh-tài.

Còn đến sự phân-ly xa-cách thì tưởng anh cũng chẳng nên bận-chí quan-tâm. Em đối với anh mới là bước sơ-giao mà anh đã vội coi em như một người lương-hữu, em xin khấu đầu bái tạ tri-ân muôn vãn. Còn đã là chỗ tinh-thần cảm-kết thì kẻ Nam, người Bắc cũng chẳng là xa, quả đất xoay vãn còn nhiều hội-ngộ.

Những lời nàng nói hôm ấy sao khiến cho tôi cảm-động

thế! Tôi càng cảm-động bao nhiêu càng thấy yêu mến nàng một cách thiết tha đằm-thắm. không biết tả-diễn thế nào cho siết được cái tâm-trạng của mình.

Vào khoảng độ 11 giờ nàng có xin phép tôi ra đi trong chốc lát, thì chỉ độ nửa giờ sau đã thấy nàng mang về một chai « Sâm-banh », một cân táo, và một cân lê. Nàng hỏi mượn tôi thìa khóa để xếp những thức ấy vào va-ly và nói với tôi rằng :

— Lê, táo xin để anh dùng những lúc say sóng nôn nao, còn « Sâm-banh » thì xin hễ khi nào buồn muộn sẽ mang ra mà uống cho phấn-phát tinh-thần.

Thái-độ của nàng lúc bấy giờ thật không khác gì cái thái-độ của một người hiền-phụ đối với lang-quân lúc sắp cùng nhau ly-biệt. Tôi cảm quá, kiểem không ra được lời ta đáp, mà lại xuẩn đến nỗi. sáng sớm dậy liền móc ví lấy ra 20\$00 để đưa lại cho nàng. Nàng thấy vậy liền nghiêm nét mặt lại mà trách tôi rằng :

— Anh thật khinh em quá ! mà em cũng tự-hối là đã nhẹ dạ tin anh. Anh muốn định mang 20\$00 ra mà mua lấy những lời tâm-huyết của em trong suốt đêm hôm qua ru ? Em không ngờ anh lại đang tâm xử với em như thế !

Tôi vừa then vừa hối, vội kiểem lời chống ch ữa :

— Cái cao-tiết của em, anh đây há lại không biết ru ? Song món tiền nhỏ mọn này ý anh chỉ là để bù đở vào cho những sự em đã vì anh mà tiêu phí, chứ có dám mang tiền ra để làm thương-tồn đến cái tình-nghĩa thanh-lương của anh em ta đâu ?

Nàng lúc ấy mới dịu sắc mặt lại mà đáp rằng :

— Anh nghĩ như thế cũng phải, nhưng hiện nay anh sắp sửa lữ-thứ quê người, sự chi-tiêu còn nhiều điều bắt buộc, em đáng lý còn phải giúp anh nữa về thay ! Lê đâu lại chịu nhận tiền anh ở lúc này vậy.

« Tài thượng phân minh » đã đành là cái bản sắc của người

quân-tử, song nếu đã là chỗ tâm-giao tri-kỷ, thì tất phải biết soi gương Bảo-Thức mà cư-xử cho hợp với đạo bạn bè.....

.....Hôm ấy tôi ra tàu nạng cũng có đưa tiễn ra tận sân ga. Và từ đây giờ đi thì không tuần-lễ nào là chúng tôi lại không có thư-từ đi lại.

Tập thư nạng, tôi hãy còn giữ đây, anh cứ đọc qua mấy lá cũng đủ biết được cái tình thâm nghĩa thiết của nạng đối với tôi. Cách đây độ hai tuần-lễ tôi có tiếp được một bức thư nạng thú thực với tôi rằng đã mắc phải chứng bệnh đau màng óc trong 3, 4 tháng nay, nhưng sợ tôi lo buồn mà trễ nải sự-nghiệp, nên cứ giấu mãi, nay bệnh thể đã trầm-trọng lắm mới chịu nói ra.

Tôi đã dự-bị ra Bắc ngay, thì vừa nhận được bức điện-tín này, song về đến đây thì, ô hô ! em Cúc-nương của tôi còn đâu là người dương-thế !

Phạm-quân nói đến đây, liền ôm mặt mà khóc nức-nở khiến cho tôi cũng phải động-mối thương tâm mà nhỏ sa giọt lệ,...

THIẾU-SƠ N.

Bộ Quốc-Văn Dẫn-Giải

CỦA TÂN-DÂN THƯ-QUÁN

Đã xuất-bản :

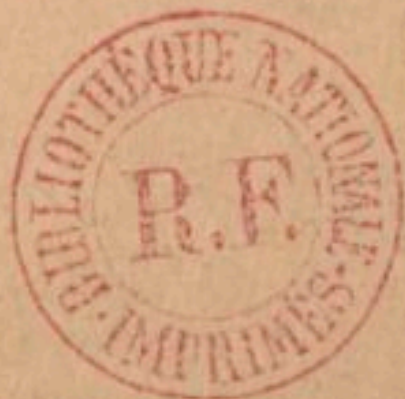
1. — Cung Oán Ngâm-Khúc dẫn-giải. 0p.25
2. — Chinh Phụ Ngâm-Khúc dẫn-giải. 0 . 30
3. — Quan Am Thị Kính Truyện dẫn-giải. 0 . 35

Đang in :

4. — Phan Trần Truyện dẫn-giải
5. — Hoa-Tiên Truyện dẫn-giải

Rồi sẽ in đến :

6. — Trường-Hận Ca dẫn-giải
7. — Quốc-Sử Diễn Ca dẫn-giải
8. — Tỳ-Bà Truyện dẫn-giải
9. — Kim Vân Kiều Truyện dẫn-giải
10. — Lục-Vân-Tiên dẫn-giải
11. — Nhị-Độ-Mai Truyện dẫn-giải, vân vân.



Lịch-sử cô Phượng

Tức là một bộ tiểu-thuyết « Vợ lẽ yêu của tôi »

NGUYỄN NAM-THÔNG DỊCH

Tân-Dân Thư-Quán xuất-bản.

Tức là một bộ tiểu-thuyết luân lý, gia đình rất hay, phạm đàn-bà con gái đều nên đọc kỹ. Phụ nữ tân-văn thấy bộ tiểu thuyết ấy có giá-trị rất to nên đã điều đình cùng bản quán để đăng vào báo.

Trọn bộ 148 trang, mà giá bán : 0\$40.

TÂN-LÂN-ÔNG

GIÓ RẬP HOA VÙI

Tân-kỳ tiểu-thuyết

Mới xuất-bản tại Tân-Dân Thư-Quán Hà-nội.

Giá bán : 0\$25.

TRÒ ĐỜI

Của Cuồng-Sỹ

Bộ **Trò đời** có bốn cuốn, mỗi cuốn hay một vẻ, có đọc đủ bộ mới biết cái tài viết văn khôi-hài của Cuồng Sỹ, có đọc đủ bộ **Trò đời**, mới rõ hết những chỗ đáng buồn cười của lần trò đời.

Mỗi cuốn : 0\$20

Sách đã xuất-bản của Tân-Dân Thư-Quán

93, Phố Hàng Bông, Hà-nội (Bắc-kỳ)

TIỂU-THUYẾT

Một truyện báo thù ghê gớm.	0p16
Anh-Hùng Tương-Ngộ	0.12
Hẹn giờ chết	0.10
Bước đời ăn cướp.	0.30
Bức thư của ai	0.16
Vợ lẽ yêu của tôi	0.40
Tam của chết cháy	0.10
Con khỉ giết người	0.10
Tân-Sử Kỳ-Quan	0.80
Ái giết quan tòa ?	0.12
Xác chết chạy đi đâu ?	0.12
Hồng-nhan đa truan.	0.40
Chiếc bóng song the.	0.90
Hai vợ (trọn bộ)	0.35
Kim Vân Kiều Tiểu-thuyết.	0.85
Bóng trắng soi	0.30
Danh hoa thâm kiếp	0.35
Một vạn đồng	0.10
Huyết chích tử	0.35
Vòng quanh thế-giới.	0.20
Hồ-diệp-hoa.	0.10
Song hiệp phá gian — trọn bộ	0.45
Vợ tôi (Dư chi thê) — trọn bộ	0.70
Chồng tôi (Dư chi phu) — trọn bộ	0.70
Thế-giới trẻ con	0.25
Thiêt-hoa-tiên sử — trọn bộ.	1.00
Bình Sơn Lãnh Yến — trọn bộ.	1.20
Song-phượng kỳ-duyên.	0.90
Thuyền-tinh bề-ái — trọn bộ	0.90
Anh-hùng-náo — trọn bộ.	1.20
Tục Anh-hùng-náo — trọn bộ.	1.10
Lục-mẫu-đơn — trọn bộ	1.50
Truyện cổ-tích, 3 cuốn	0.60
Phấn-trang-lâu. I	0.60
Mỹ-quốc song nga — trọn bộ.	0.80
Tiểu-thuyết thi	0.50

KỊCH-BẢN

Thù chồng nợ nước	0p12
Nghĩa nặng tình sâu	0.12
Chén thuốc độc.	0.40
Tây-Sương tân-kịch	0.20
Tòa-Án Lương-tâm (hết)	0.30
La Tasse de poison	0.50

SÁCH HỌC

300 bài tinh-đố.	0p30
Quốc-Văn Độc-Bản, C. E. và C. M.	0.40
40 bài Quốc-Sử.	0.40
Luận Quốc-Văn.	0.20
Sơ-học yếu-lược toàn-thư	0.40
Pour nos jeunes écoliers (Lectures françaises — C. M. et C. E.) adopté	0.50
Tập bài thi Sơ-học yếu-lược	0.35
Problèmes du Certificat d'études	0.50
Lên bảy	0.12
Văn Quốc-Ngữ Tân-Dân	0.05
Choix de dictées expliquées (C. E.)	0.35
Cent dictées du Certificat d'études.	0.40
40 Morceaux de Récitation française Cours Elémentaire.	0.25
Cours Préparatoire	0.25
Sách dạy nói tiếng tây	0.25
Sơ-học hợp-tuyển.	0.35
Les épreuves orales du C. E. P.	0.50
La Récitation fr. expliquée C. M. et C. S	0.25

LINH-TINH

Quan-âm Thi-kính dẫn giải	0p35
Cung-oán ngâm-khúc dẫn-giải.	0.25
Chinh-phụ ngâm-khúc dẫn giải	0.30
Truyện năm mới	0.20
Văn ca trích cầm	0.40
Sách xem Tết năm Mậu-Thìn	0.25
Đối-đãi phụ-nữ.	0.25
Bán cười	0.20
Bé cái nhăm l	0.15
Trò đời I, II, III, IV mỗi cuốn	0.20
Tiểu-Lâm Tàu.	0.30
Sách dạy đánh chầu	0.40
Sách cười	0.20
Pháp-Việt đề-huê	0.10
Diễn-thuyết Phan-chu-Trình	0.10
Tuyên-cáo quốc-dân.	0.05
Règlement scolaire	0.30
Gương son phấn.	0.25
Tiểu-lâm Nhật-bản	0.20
Văn-chầu	0.20
Mặt trái đời	0.25